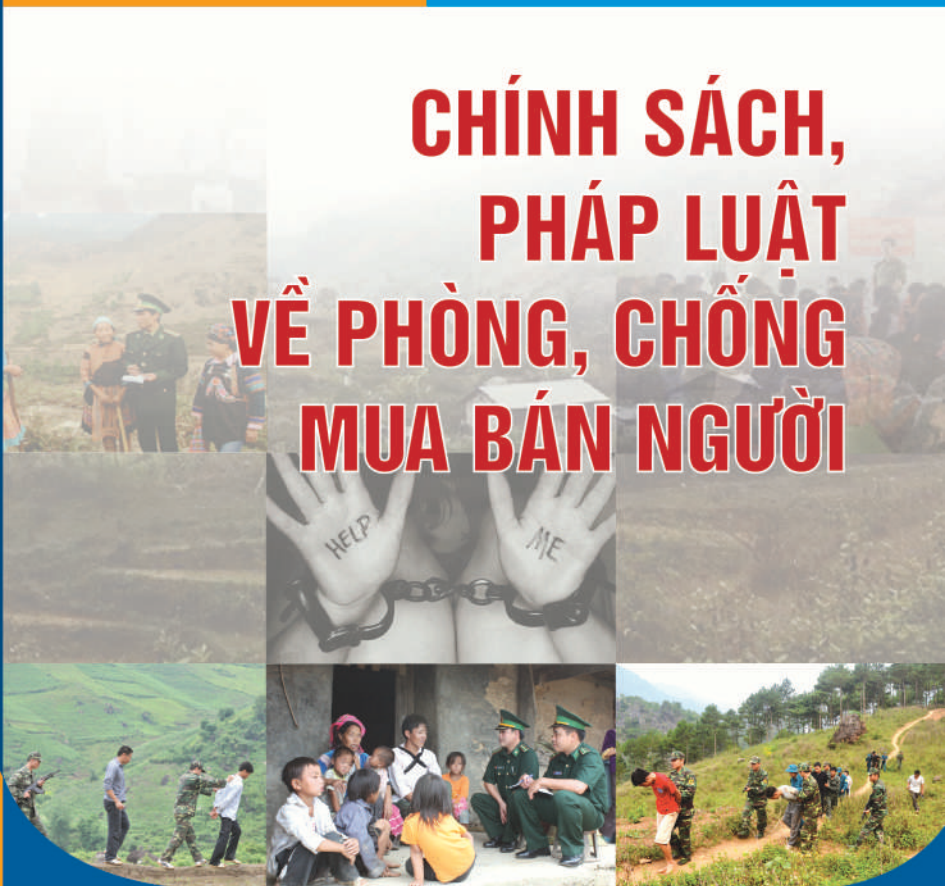




HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN
SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

HỎI - ĐÁP

CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG MUA BÁN NGƯỜI



NHÀ XUẤT BẢN
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT



NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HÓA DÂN TỘC

HỎI - ĐÁP
CHÍNH SÁCH,
PHÁP LUẬT
VỀ PHÒNG, CHỐNG
MUA BÁN NGƯỜI

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN

Chủ tịch Hội đồng

Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương

LÊ MẠNH HÙNG

Phó Chủ tịch Hội đồng

Q. Giám đốc - Tổng Biên tập

Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật

PHẠM CHÍ THÀNH

Thành viên

VŨ TRỌNG LÂM

NGUYỄN ĐỨC TÀI

TRẦN THANH LÂM

NGUYỄN HOÀI ANH

TS. ĐỖ XUÂN LÂN - NGUYỄN HÀ ANH
(Biên soạn)

HỎI - ĐÁP
CHÍNH SÁCH,
PHÁP LUẬT
VỀ PHÒNG, CHỐNG
MUA BÁN NGƯỜI

NHÀ XUẤT BẢN
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HÓA DÂN TỘC

Hà Nội - 2019

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Theo thống kê của Bộ Công an, từ năm 2016 đến hết tháng 6/2019, toàn quốc đã phát hiện hơn 1.000 vụ mua bán người với gần 1.500 đối tượng mua bán, lừa bán hơn 2.600 nạn nhân¹. Qua điều tra, rà soát cho thấy trên 90% nạn nhân bị mua bán là phụ nữ và trẻ em. Tình trạng mua bán người thường xảy ra ở những địa phương có vùng biên giới tiếp giáp Trung Quốc, Campuchia, Lào, như: Lào Cai, Hà Giang, Nghệ An, Sơn La, Quảng Nam, Lai Châu, Cao Bằng, An Giang, Tây Ninh..., và một số thành phố lớn, như: Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh... Tội phạm mua bán người không chỉ nhằm vào phụ nữ, trẻ em mà còn cả nam giới (thường ở độ tuổi dưới 25). Tội phạm mua bán người thường núp dưới danh nghĩa giúp tìm việc làm, rủ đi làm ăn buôn bán, thăm thân, môi giới hôn nhân..., sau đó lừa gạt nạn nhân để bán làm vợ bất hợp pháp, cưỡng bức lao động trong các gia đình, nhà máy hoặc nông trại, hay phục vụ ngành công nghiệp mại dâm ở một số

1. Nguồn tuoitre.vn/gan-85%-so-vu-mua-ban-nguoi-co-dich-den-la-Trung-Quoc, truy cập ngày 30/7/2019.

nước... Mua bán người, đặc biệt là mua bán phụ nữ và trẻ em đã xâm hại đến quyền con người, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, tinh thần, tính mạng của nạn nhân, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự và an toàn xã hội. Do đó, cần sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, quần chúng nhân dân ở cơ sở bằng những hành động cụ thể để ngăn chặn tình trạng này.

Cuốn sách ***Hỏi - đáp chính sách, pháp luật về phòng, chống mua bán người*** được Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật phối hợp với Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc xuất bản nhằm phục vụ công tác truyền thông phòng, chống mua bán người ở cơ sở. Cuốn sách cung cấp những thông tin, kiến thức cơ bản để nhận diện các hành vi, thủ đoạn của đối tượng mua bán người; nhận biết nạn nhân bị mua bán; phổ biến một số chính sách, quy định của pháp luật Việt Nam về phòng, chống mua bán người và một số quy định của quốc tế về ngăn ngừa, hợp tác phòng, chống buôn bán người và bảo vệ nạn nhân bị buôn bán; giới thiệu một số mô hình điểm về phòng, chống mua bán người và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán để các xã, phường có thể tham khảo vận dụng.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Hà Nội, tháng 8 năm 2019

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chương I

**MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG
VỀ MUA BÁN NGƯỜI**

I. KHÁI NIỆM

Câu hỏi 1: *Mua bán người được hiểu như thế nào?*

Trả lời: Nghị định thư về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp việc buôn bán người, đặc biệt là trẻ em và phụ nữ, bổ sung Công ước về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (được thông qua theo Nghị quyết số 55/25 ngày 15/11/2000 của Đại hội đồng Liên hợp quốc) - sau đây viết tắt là Nghị định thư về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội buôn bán người, đặc biệt là trẻ em và phụ nữ, đã định nghĩa: *Buôn bán người* là việc mua bán, vận chuyển, chuyển giao, chứa chấp và nhận người nhằm mục đích bóc lột bằng cách sử dụng hay đe dọa sử dụng vũ lực hay bằng các hình thức ép buộc, bắt cóc, gian lận, lừa gạt, hay lạm dụng quyền lực hoặc vị thế để bị tổn thương hay bằng việc đưa hay nhận tiền hay lợi ích để đạt

được sự đồng ý của một người đang kiểm soát những người khác. Hành vi bóc lột sẽ bao gồm, ít nhất, việc bóc lột mại dâm những người khác hay những hình thức bóc lột tình dục khác, các hình thức lao động hay phục vụ cưỡng bức, nô lệ hay những hình thức tương tự nô lệ, khổ sai hoặc lấy các bộ phận cơ thể (Điều 3).

Pháp luật Việt Nam sử dụng thuật ngữ *mua bán người*. Thông qua những quy định về *tội mua bán người* tại Điều 150 và Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 3 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 thì có thể hiểu mua bán người là dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lừa gạt hoặc dùng thủ đoạn khác để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

1. Chuyển giao hoặc tiếp nhận người để giao, nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác;

2. Chuyển giao hoặc tiếp nhận người để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác;

3. Tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người khác để thực hiện hành vi nêu tại mục 1,2 trên đây.

4. Cưỡng bức người khác, môi giới người khác thực hiện một trong các hành vi đã nêu tại mục 1, 2, 3 nói trên.

II. THỦ ĐOẠN VÀ HÀNH VI BÓC LỘT, XÂM HẠI NẠN NHÂN CỦA ĐỐI TƯỢNG MUA BÁN NGƯỜI

Câu hỏi 2: *Đối tượng mua bán người thường sử dụng những thủ đoạn nào?*

Trả lời: Qua các vụ mua bán người đã bị các cơ quan chức năng đấu tranh làm rõ cho thấy, đối tượng mua bán người và những người tham gia đường dây mua bán người có thể là bất kỳ ai:

- Nam giới hoặc nữ giới.
 - Người Việt Nam hoặc người nước ngoài.
 - Cá nhân hoặc các đường dây có tổ chức.
 - Bạn bè, hàng xóm, họ hàng, thậm chí là cả anh em, cha mẹ.
 - Người làm thuê, buôn bán ở các tỉnh giáp biên giới.
 - Người chuyên tuyển dụng, môi giới người khác trong dịch vụ việc làm, hôn nhân, du lịch...
 - Đối tượng nghiện hút sa vào nợ nần không có khả năng chi trả.
 - Người có tiền án, tiền sự về hành vi chứa chấp và môi giới mại dâm.
 - Người có quan hệ móc nối với những chủ chứa, kẻ môi giới dẫn dắt mại dâm ở nước ngoài.
 - Người đã từng bị mua, bán trở về cộng đồng.
- Đối tượng mua bán người sử dụng rất nhiều

thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt khác nhau để lừa nạn nhân, nhưng phổ biến là một số thủ đoạn sau:

- Thông qua sự quen biết của bạn bè, người thân, lợi dụng lòng tin để lừa bán người khác dưới danh nghĩa: giúp họ tìm việc làm có thu nhập cao, hoặc môi giới lấy chồng nước ngoài giàu có, hay ra nước ngoài chữa bệnh...

- Rủ người quen đi làm ăn xa, đi chơi xa rồi ép buộc, dọa dẫm, giữ hết tiền bạc, giấy tờ tùy thân để người đó bị lệ thuộc hoàn toàn, sau đó đem bán họ.

- Lợi dụng tình cảnh khó khăn của người khác, đẩy họ vào hoàn cảnh nợ nần, sau đó đòi nợ bằng cách ép buộc, cưỡng bức lao động, ép bán dâm hoặc lấy bộ phận cơ thể của họ...

- Dùng vũ lực ép buộc, cưỡng bức, bắt cóc hoặc đánh thuốc mê người khác để đưa đi bán.

- Làm quen với phụ nữ quá lứa nhỡ thì, hoặc người có cuộc sống gia đình đổ vỡ, bị tổn thương về tình cảm, có tư tưởng chán nản, bi quan, thất vọng, hay các thiếu nữ ở tuổi mới lớn chưa có kinh nghiệm sống, sau đó giả vờ yêu đương rồi đem bán họ cho các chủ chứa mại dâm hoặc đàn ông có nhu cầu lấy vợ.

- Kết bạn với người khác qua mạng xã hội Zalo, Facebook... rồi rủ đi ăn uống, tán tỉnh yêu đương, sau đó mời đi chơi ở các tỉnh vùng biên và tìm cách lừa bán họ cho các đối tượng mua bán người bên kia biên giới.

- Núp dưới danh nghĩa xin con nuôi, thuê sinh con... rồi đưa trẻ ra nước ngoài để bán.

- Núp dưới danh nghĩa hợp pháp như trao đổi và xúc tiến thương mại, môi giới hôn nhân, tổ chức du lịch, xuất khẩu lao động... để đưa người qua biên giới. Khi ra đến nước ngoài, các đối tượng mua bán người thu giữ giấy tờ, tiền bạc của nạn nhân rồi cưỡng ép họ làm mại dâm hoặc bóc lột sức lao động, nạn nhân muốn về nước phải trả một lượng tiền chuộc lớn.

Câu hỏi 3: Các hành vi bóc lột, xâm hại nạn nhân của đối tượng mua bán người?

Trả lời: Hầu hết các nạn nhân bị mua bán được nhận diện khi đã bị bóc lột, xâm hại. Vì vậy, điều quan trọng là phải hiểu được những hành vi bóc lột, xâm hại của đối tượng mua bán người được thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, như:

- *Biến nạn nhân thành lao động lệ thuộc:* Một người trở thành lao động lệ thuộc khi sức lao động của người đó được sử dụng giống như phương tiện hay hình thức để trả cho một khoản đã vay hoặc chi phí vận chuyển người đó sang một nước khác. Những người lao động lệ thuộc thường bị khống chế ở trong nhà của đối tượng mua bán người để chúng có thể theo dõi việc đi lại của họ.

- *Biến nạn nhân thành lao động cưỡng ép hay nô lệ không tự nguyện*: “Lao động cưỡng ép” là hình thức bóc lột phổ biến thứ hai của nạn mua bán người. Theo ước tính, trên thế giới có khoảng 20 triệu người là nạn nhân của hình thức này¹.

Nạn nhân của mua bán người thường bị cưỡng bức, bị ép buộc làm việc dưới sự kiểm soát chặt chẽ, trong môi trường làm việc khắc nghiệt, không tình người; đổi lại họ được trả ít hoặc không được trả tiền công. Bóc lột lao động để làm các công việc trong nhà là một hình thức khó khăn nhất để nhận diện và ngăn chặn, vì những hành vi lạm dụng đối với những người giúp việc xảy ra chủ yếu tại nhà riêng, cộng đồng khó có thể biết được.

Trẻ em cũng có thể là nạn nhân của bóc lột lao động. Trẻ em bị mua bán có thể phải làm việc trong nông trại, các ngành dịch vụ, giúp việc trong gia đình..., cũng có thể bị cưỡng ép, lạm dụng vào những hoạt động như trộm cắp, buôn bán ma túy, đặc biệt là ăn xin. Tất cả những hình thức bóc lột này đều có thể gây tổn hại tới thể chất, tinh thần và sự an toàn của trẻ; tước đoạt

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: Hội thảo “Rà soát đánh giá chính sách, pháp luật về tiếp nhận và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về” tổ chức ngày 11/9/2018 tại Hà Nội.

quyền được học tập, vui chơi và cuộc sống gia đình của trẻ.

- *Nạn nhân bị bóc lột tình dục hoặc tình dục cưỡng ép*: “Bóc lột tình dục” hay “tình dục cưỡng ép” là hình thức phổ biến nhất của nạn mua bán người. Hình thức bóc lột này liên quan đến mại dâm đường phố, mại dâm trong nhà chứa, mại dâm và khiêu dâm trẻ em. Mặc dù phụ nữ và trẻ em chiếm tỷ lệ cao nhất trong số nạn nhân, nhưng nam giới bị mua bán cũng có thể trở thành nạn nhân bị bóc lột tình dục.

Thông thường, nạn nhân bị mua bán, đặc biệt là trường hợp bị mua bán xuyên quốc gia, được hứa hẹn làm các công việc như nhân viên nhà hàng, nhân viên quán bar, giúp việc, người trông trẻ và những công việc khác yêu cầu trình độ thấp, nhưng sau đó bị cưỡng ép làm mại dâm và nô lệ tình dục.

- *Mua bán bộ phận cơ thể nạn nhân*: Bộ phận cơ thể của nạn nhân bị mua bán cũng có thể trở thành mặt hàng để trao đổi, mua bán.

III. PHÁT HIỆN, BẢO VỆ VÀ HỖ TRỢ NẠN NHÂN BỊ MUA BÁN

Câu hỏi 4: Ai có thể là nạn nhân bị mua bán?

Trả lời: Nạn nhân bị mua bán có thể là công dân Việt Nam, người không quốc tịch thường trú

ở Việt Nam, người nước ngoài bị mua bán tại Việt Nam.

Nạn nhân bị mua bán không chỉ là phụ nữ, trẻ em gái mà có cả đàn ông, trẻ em trai và trẻ sơ sinh... Đặc biệt, phụ nữ, trẻ em ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng giáp biên giới là nhóm có nguy cơ cao bị mua bán.

Theo nghiên cứu của các chuyên gia trong lĩnh vực phòng, chống mua bán người, các nhóm có nguy cơ cao trở thành nạn nhân của mua bán người, đó là:

- Nhóm di cư, gồm di cư trong nước và di cư lao động nước ngoài là những đối tượng có nguy cơ cao có thể rơi vào cạm bẫy của tội phạm mua bán người.

- + Nhóm di cư nội địa: Cùng với quá trình đô thị hóa, người dân có xu hướng di cư tới các thành phố lớn, như: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh để kiếm việc làm. Họ tham gia vào thị trường lao động phổ thông, như: xây dựng, buôn bán nhỏ, giúp việc gia đình... Với những hạn chế về nhận thức; sự thiếu hụt kiến thức xã hội, kỹ năng sống, các dịch vụ hỗ trợ..., họ có nguy cơ trở thành nạn nhân của mua bán người vì mục đích bóc lột lao động, bóc lột tình dục từ chính chủ lao động, người môi giới.

- + Nhóm di cư lao động nước ngoài: Ngoại trừ những nhóm di cư lao động một cách hợp pháp thì

nhóm những người đi xuất khẩu lao động qua môi giới bất hợp pháp có nguy cơ cao bị mua bán. Di cư bất hợp pháp có thể trở thành nạn nhân bị mua bán người do họ không có giấy tờ, không có cơ hội tiếp cận với những dịch vụ được chính quyền bảo hộ. Thêm vào đó, việc bất đồng về ngôn ngữ, khác biệt về văn hóa cùng với sự hạn chế trong khả năng thích ứng, đối phó với môi trường sinh sống mới càng khiến những người di cư dễ bị lừa gạt và trở thành “miếng mồi” cho tội phạm mua bán người.

- Nhóm dân tộc thiểu số: Nhiều ý kiến cho rằng, người dân tộc thiểu số là nhóm có nguy cơ bị mua bán cao nhất, vì họ sống ở những vùng xa xôi, hẻo lánh, ở đó điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, kém phát triển, nhận thức người dân còn hạn chế, dễ tin người sẽ càng làm tăng nguy cơ trở thành nạn nhân bị mua bán.

- Nhóm cư dân nghèo, sống ở nông thôn: Nạn mua bán người luôn được hiểu như là một hệ quả của nghèo đói do đại đa số những phụ nữ và trẻ em bị mua bán đều xuất thân từ các vùng nông thôn và từ các gia đình nghèo, điều kiện sống thấp kém; không có việc làm để mưu sinh hoặc trong gia đình gặp phải những vấn đề bạo lực, bệnh tật, cha mẹ đơn thân, ly dị hoặc có cuộc sống không hạnh phúc...

Các nghiên cứu về mua bán người thường nhấn mạnh sự nghèo khổ như là một trong những

nguyên nhân gốc rễ của nạn mua bán người. Ngoài ra, tình trạng thất nghiệp, không có công ăn việc làm ổn định ở các vùng nông thôn cũng là một yếu tố rủi ro khiến nhiều người trở thành nạn nhân của mua bán người.

Câu hỏi 5: *Những dấu hiệu ban đầu để nhận biết nạn nhân bị mua bán?*

Trả lời: Nhận biết nạn nhân là một phần thiết yếu của quá trình ngăn ngừa, khởi tố tội phạm nghiêm trọng này, cũng là cơ sở để hỗ trợ và bảo vệ nạn nhân.

Không nhận biết được nạn nhân sẽ dẫn đến việc nạn nhân tiếp tục bị bóc lột, không thể tiếp cận dịch vụ hỗ trợ và bảo vệ mà họ có quyền được hưởng. Việc này đồng thời khiến cho các cơ quan chức năng không thể thu thập thông tin và chứng cứ cần thiết để đưa những kẻ phạm tội mua bán người ra xét xử.

Khi thấy người có những dấu hiệu nghi ngờ sau đây, hãy thông báo cho các lực lượng chức năng để theo dõi và xác định nạn nhân:

Về việc đi lại, hoặc ở lại nước ngoài:

- Giấy tờ thông hành hoặc tùy thân của người đó được mang theo hoặc trình diện bởi người khác.

- Thị thực nhập cảnh (Visa) không áp dụng, và/hoặc mục đích chuyến đi không tương ứng với các thông tin khác (ví dụ: người đó có thể chất,

hoặc nghề nghiệp khai báo không tương ứng với mục đích chuyến đi...).

- Người đó có giấy tờ tùy thân không đúng quy định; công việc, giấy tờ thông hành, thông tin được cung cấp bởi người đó không đáng tin cậy.

- Hành lý của người đó không phù hợp với tờ khai.

- Người đó ở trong một nhóm người có vẻ không quen biết.

- Người đó nhầm lẫn/không chắc chắn về tuyến đường đi lại, nơi đến hoặc mục đích chuyến đi.

- Người đó đang ở trong tình trạng di cư hoặc cư trú trái phép.

Về tinh thần, thể chất:

- Người đó có biểu hiện bồn chồn, trầm cảm, sợ hãi, căng thẳng, lo lắng, hoang tưởng, phục tùng.

- Người đó từ chối giao tiếp.

- Người đó có các dấu hiệu bị bạo hành (như trên người có những vết bầm tím, trầy xước...).

- Người đó có các dấu hiệu biểu hiện bị suy dinh dưỡng, hoặc đau yếu, mệt mỏi do thiếu ăn uống, thiếu ngủ, không được chăm sóc y tế hoặc các nhu cầu thiết yếu khác.

- Người đó biểu hiện thiếu vệ sinh (như quần áo nhàu nát, tóc tai bù xù, người hôi bẩn...).

Về tiền lương và hợp đồng:

- Người đó bị cấm sở hữu hoặc bị cấm chuyển tiền thu nhập và tiền tiết kiệm.

- Người đó nhận được ít lương hoặc không được trả lương cho công việc họ làm, hoặc tiền lương bị trì hoãn.

- Người đó được trả lương thấp hơn so với mức lương được hứa hẹn hoặc so với mức lương tối thiểu của quốc gia nơi đến.

- Tiền lương của người đó bị cắt giảm quá mức để trả nợ cho chủ thuê hoặc công ty tuyển dụng.

- Người đó không được hưởng phúc lợi và các bảo trợ xã hội mà họ có quyền hưởng hợp pháp.

- Người đó không được ký hợp đồng hoặc các điều khoản của hợp đồng không được thực hiện theo thỏa thuận.

- Người đó không được chủ thuê cho xem chứng từ thanh toán tiền lương.

- Người đó bị sa thải không có nguyên nhân chính đáng và không được thông báo.

Về chăm sóc y tế và an toàn lao động:

- Người đó bị từ chối tiếp cận chăm sóc y tế.

- Người đó không được cung cấp vật dụng, thiết bị an toàn và bảo vệ phù hợp khi lao động hoặc không được tập huấn để sử dụng thiết bị và công cụ lao động.

- Người đó bị làm việc kéo dài thời gian so với thỏa thuận hoặc làm việc theo giờ giấc bất thường.

Về sinh hoạt:

- Người đó bị hạn chế đi lại hoặc chỉ được đi lại quanh một nơi (ví dụ: cửa sổ bị chặn, cửa bị khóa từ bên ngoài).

- Người đó không được tiếp cận với các phương tiện thông tin, liên lạc.

- Giấy tờ thông hành, tùy thân của người đó bị chủ thuê tịch thu.

Câu hỏi 6: *Những ai có thể phát hiện nạn nhân bị mua bán?*

Trả lời: Ngoài lực lượng chức năng, bất cứ ai trong cộng đồng, bao gồm người thân, bạn bè, hàng xóm... đều có thể nhận biết các dấu hiệu người bị mua bán, đặc biệt là trong giai đoạn sàng lọc ban đầu.

Nếu bạn phát hiện dấu hiệu nạn nhân bị mua bán, hãy liên lạc ngay với đường dây nóng (số 18001567) hoặc thông báo cho các cơ quan chức năng.

Câu hỏi 7: *Làm gì để khuyến khích nạn nhân bị mua bán tự trình diện?*

Trả lời: Trong thực tế, người bị mua bán ít khi tự nhận mình là nạn nhân. Trong nhiều trường hợp, nạn nhân bị lệ thuộc vào kẻ mua bán người, và có thể không nhận ra hoặc không thừa nhận rằng họ là nạn nhân. Một số nạn nhân xem đối tượng mua bán người như “ân nhân” đã giúp họ cải thiện tình trạng khó khăn của mình. Thậm chí, có thể họ còn có mối quan hệ gia đình, họ hàng với kẻ mua bán người (ví dụ, tình trạng trẻ

em bị bán để bóc lột, can phạm có thể là cha mẹ của nạn nhân hoặc các thành viên khác trong gia đình), khiến cho nạn nhân không trình báo hoặc miễn cưỡng trình báo cơ quan chức năng. Khi giữa nạn nhân và kẻ mua bán người có những mối quan hệ cá nhân, thì thường nạn nhân không biết rằng mối quan hệ đó là một phương tiện để điều khiển họ.

Các thách thức khác trong việc nạn nhân tự trình diện phát sinh từ sự thiếu nhận thức và thực tế. Đặc biệt trong trường hợp nạn nhân nhập cư trái phép, có thể họ lo sợ bị trục xuất do tình trạng trái phép của mình. Có nạn nhân, mặc dù chịu đau khổ nặng nề dưới sự điều khiển của đối tượng mua bán người, song có thể họ vẫn chọn ở trong tình trạng bị bóc lột và lạm dụng bởi nhiều lý do khác nhau. Ví dụ, nạn nhân có thể có mối quan hệ ràng buộc với đối tượng mua bán người hoặc những người khác, hay có thể họ cảm thấy điều kiện đang có tốt hơn so với các lựa chọn khác (ví dụ như bị trục xuất). Đối tượng mua bán người thường xuyên tận dụng sự sợ hãi và lo ngại của nạn nhân để điều khiển họ.

Khuyến khích các nạn nhân bị mua bán ra trình diện cơ quan chức năng bằng cách hiểu và giải quyết những lý do khiến nạn nhân thường miễn cưỡng khi tự nhận mình là nạn nhân. Dưới đây là một số lý do cơ bản, cùng giải pháp tăng cường:

- Mối lo ngại bị giam giữ và trục xuất: Trường hợp nạn nhân nhập cư trái phép, kẻ mua bán người thường đe dọa họ không nên tìm sự hỗ trợ từ cơ quan chức năng vì họ sẽ bị bắt giữ, trục xuất hoặc bị giam giữ do tình trạng nhập cư trái phép của mình.

Lời khuyên: Khuyến khích nạn nhân trình diện thông qua việc giải quyết các mối lo ngại của họ về giam giữ và trục xuất.

- Mối đe dọa và trả thù từ những kẻ mua bán người: Những kẻ mua bán người thường xuyên đe dọa gây tổn hại đến tinh thần, sức khỏe, tài sản của nạn nhân, thậm chí có khi đe dọa cả thành viên trong gia đình của họ. Vì vậy, một số nạn nhân lo sợ các mối đe dọa và trả thù từ những kẻ mua bán người khi họ tự nhận mình là nạn nhân.

Lời khuyên: Khuyến khích nạn nhân ra trình diện thông qua việc bảo vệ họ và gia đình của họ.

- Cảm giác xấu hổ và sợ bị ô nhục: Những kẻ mua bán người thường đe dọa nạn nhân rằng: danh tính, bảo mật và quyền riêng tư của họ và gia đình họ không được bảo vệ bởi các chương trình hỗ trợ và bảo vệ nạn nhân bị mua bán. Điều này dẫn đến, một số nạn nhân lo sợ rằng việc ra

trình diện cơ quan chức năng có thể dẫn đến việc xấu hổ, bị ô nhục và bị xã hội khinh rẻ, kỳ thị. Ngoài ra, có thể nạn nhân lo sợ rằng, nếu họ thừa nhận mình là nạn nhân bị mua bán, có thể gia đình và cộng đồng cho là họ đã thất bại trong cuộc sống (nhất là khi nạn nhân đã bị bóc lột trong quá trình di cư), sau đó có thể làm ảnh hưởng đến khả năng chu cấp của họ đối với gia đình. Đặc biệt, nạn nhân nam rất miễn cưỡng thừa nhận rằng họ đã trở thành nạn nhân của tội phạm mua bán người hoặc đã bị lừa dối.

Lời khuyên: Khuyến khích nạn nhân ra trình diện bằng cách bảo vệ họ khỏi sự khinh rẻ.

Câu hỏi 8: Vì sao phải bảo vệ nạn nhân bị mua bán?

Trả lời: Nạn nhân bị mua bán thường từng phải trải qua tình trạng bị đe dọa; bị giam giữ bất hợp pháp; bị cưỡng bức, bạo hành về thể chất và tinh thần. Phần lớn trong số họ đều là người có hoàn cảnh khó khăn, thiếu cơ hội học tập, thiếu việc làm. Họ dễ bị những kẻ mua bán người lừa gạt, dụ dỗ bởi những lời hứa hảo huyền về một cuộc sống tốt đẹp, và thường rơi vào vòng xoáy khủng khiếp của nạn mua bán người. Bảo vệ nạn nhân bị mua bán là việc làm cần thiết, thể hiện tính nhân đạo nhằm tránh

cho nạn nhân tiếp tục bị tổn thương về thể chất và tinh thần, giúp họ có cơ hội để trở về cuộc sống bình thường.

Lời khuyên: Không kỳ thị, phân biệt đối xử với nạn nhân bị mua bán với bất cứ lý do nào.

Câu hỏi 9: Trợ giúp đóng vai trò quan trọng như thế nào đối với quá trình phục hồi và tái hòa nhập của nạn nhân bị mua bán?

Trả lời: Trợ giúp có vai trò quan trọng trong quá trình phục hồi và tái hòa nhập của nạn nhân bị mua bán.

Sự trợ giúp hiệu quả và phù hợp nhất tùy thuộc vào một loạt yếu tố kinh tế - xã hội và bản thân người bị mua bán cũng như những đặc điểm cụ thể của trải nghiệm bị mua bán và giai đoạn hậu mua bán người mà nạn nhân đang trải qua. Hơn thế nữa, những loại hình trợ giúp khác nhau thường bổ trợ và củng cố lẫn nhau. Tiếp cận được những loại hình trợ giúp khác (và bổ trợ lẫn nhau) có thể quan trọng trong việc hỗ trợ tái hòa nhập. Áp dụng loại hình trợ giúp chính thức cần thiết cho quá trình phục hồi và tái hòa nhập khác nhau tùy theo việc nạn nhân đang ở giai đoạn khủng hoảng ban đầu, chuyển tiếp hay tái hòa nhập. Có thể áp dụng một số hoặc tất cả các dịch vụ được liệt kê dưới đây:

- Nơi ở: Cung cấp nơi ở an toàn, đáp ứng yêu cầu và phù hợp với khả năng của nạn nhân.

- Chăm sóc y tế: Cung cấp những dịch vụ chăm sóc y tế thích hợp, đầy đủ và kín đáo.

- Hỗ trợ và tư vấn tâm lý: Hỗ trợ ổn định sức khỏe tâm thần và thể chất.

- Giáo dục và kỹ năng sống: Được tiếp cận giáo dục chính quy và phi chính quy.

- Các chương trình tăng cường năng lực kinh tế: Hỗ trợ tạo cơ hội để tăng cường năng lực kinh tế (ví dụ như bắt đầu một công việc hoặc bắt đầu kinh doanh nhỏ).

- Hỗ trợ hành chính và pháp lý: Hỗ trợ nạn nhân, nhân chứng trong hoạt động tố tụng bao gồm thủ tục tố tụng hình sự, dân sự và lao động.

- An toàn và an ninh: Đảm bảo nạn nhân bị mua bán được an toàn và bảo vệ.

- Tư vấn, hòa giải và hỗ trợ gia đình: Hỗ trợ để xây dựng môi trường gia đình lành mạnh.

- Quản lý trường hợp (quản lý CA - Case Management): Hỗ trợ tái hòa nhập dài hạn.

Câu hỏi 10: Quá trình trợ giúp nạn nhân bị mua bán tái hòa nhập cộng đồng được diễn ra như thế nào? Khi nào nạn nhân bị mua bán được đánh giá là tái hòa nhập thành công?

Trả lời: Tái hòa nhập là quá trình nạn nhân bị mua bán được phục hồi và tham gia các hoạt động

kinh tế và hoạt động xã hội sau khi thoát khỏi tình trạng bị mua bán. Quá trình này bao gồm:

- Định cư trong một môi trường an toàn và an ninh;

- Tiếp cận một mức sống hợp lý;

- Ổn định sức khỏe thể chất và tinh thần;

- Có cơ hội phát triển về mặt cá nhân, xã hội và kinh tế;

- Tiếp cận hỗ trợ xã hội.

Tái hòa nhập là một công việc phức tạp cần có kinh phí và các dịch vụ hỗ trợ đa dạng dành cho nạn nhân bị mua bán (và đôi lúc là cả gia đình của họ). Nạn nhân bị mua bán có thể có những nhu cầu ngắn và dài hạn khác nhau, ví dụ: nhu cầu cải thiện sức khỏe thể chất, tâm lý, giáo dục, nghề nghiệp, xã hội và kinh tế.

Khả năng tái hòa nhập thành công thường phụ thuộc vào việc nạn nhân bị mua bán đã vượt qua những bước khác nhau, bao gồm: được xác định là nạn nhân chính thức, được tiếp nhận và trở về an toàn, được tiếp cận các dịch vụ trợ giúp phù hợp.

Đánh giá khi nào nạn nhân tái hòa nhập thành công là không hề đơn giản do sự phức tạp của quá trình này và của cuộc sống nạn nhân sau khi thoát khỏi tình trạng bị mua bán. Tuy nhiên, có những kết quả đầu ra có thể tổng hợp để làm thước đo “tái hòa nhập thành công”. Những kết

quả này được liệt kê chi tiết trong bảng dưới đây. Một số nạn nhân bị mua bán có thể đã có một số hoặc nhiều trong số những kết quả này; những nạn nhân khác có thể có ít hoặc thậm chí không có kết quả nào dưới đây.

Các kết quả đạt được của quá trình tái hòa nhập	Mô tả kết quả
1. Nơi sinh sống an toàn, thỏa đáng và chi phí hợp lý	Tiếp cận được nơi sinh sống an toàn, thỏa đáng và chi phí hợp lý cho dù là được cung cấp bởi một tổ chức, thể chế hay tự cá nhân sắp xếp.
2. Sức khỏe thể chất ổn định	Thể chất khỏe mạnh và sức khỏe thể chất nhìn chung ổn định.
3. Sức khỏe tinh thần ổn định	Sức khỏe tinh thần ổn định, bao gồm sự tự trọng, tự tin và tự chấp nhận bản thân.
4. Tư cách pháp lý, sự bảo vệ và đại diện	Có tư cách pháp lý là một công dân (đã được đăng ký khai sinh) và có tiếp cận với giấy tờ xác định nhân thân của mình hoặc trong trường hợp nạn nhân bị mua bán là công dân nước ngoài,

	được cấp phép tạm trú hoặc cư trú lâu dài. Trong trường hợp trẻ em, việc này bao gồm hẹn gặp người đại diện hợp pháp khi có yêu cầu .
5. An toàn và an ninh	An toàn về mặt thể chất, bao gồm an toàn trước những mối đe dọa hoặc vũ lực từ phía kẻ buôn người, hoặc những người khác trong gia đình hoặc cộng đồng/đất nước.
6. Ổn định về kinh tế (bao gồm nghề nghiệp chuyên môn và cơ hội phát triển kinh tế)	Điều kiện kinh tế ổn định, ví dụ: có khả năng kiếm tiền, nuôi sống các thành viên trong gia đình..., cũng như tiếp cận được các cơ hội phát triển kinh tế có thể bao gồm các hoạt động nghề nghiệp hoặc tạo thu nhập.
7. Cơ hội giáo dục và đào tạo	Tiếp cận các cơ hội quay trở lại trường học, giáo dục và đào tạo, bao gồm học tập chính quy và không chính quy, đào tạo nghề/ chuyên môn, kỹ năng sống... Điều này đặc biệt quan trọng với những trẻ em không được học tập dù ở cấp thấp nhất.

<p>8. Môi trường xã hội và các mối quan hệ tương tác lành mạnh</p>	<p>Các mối quan hệ xã hội tích cực và lành mạnh, bao gồm mối quan hệ với bạn đồng trang lứa, bạn đời/ người yêu và cộng đồng. Điều này bao gồm việc không bị phân biệt đối xử, kỳ thị; không bị đẩy ra ngoài lề... Chìa khóa thành công, trong trường hợp của trẻ em, là các mối quan hệ gia đình bền vững (và lý tưởng là đoàn tụ với gia đình) hoặc những phương án chăm sóc thay thế phù hợp khác (tốt nhất là phương án dựa vào gia đình).</p>
<p>9. Đảm bảo quyền lợi tốt nhất trong quá trình hoạt động tố tụng</p>	<p>Sự tham gia của nạn nhân vào quá trình hoạt động/tố tụng liên quan tới trải nghiệm bị mua bán được thực hiện vì quyền lợi tốt nhất của họ và được họ chấp thuận.</p>
<p>10. An toàn của gia đình và những người phụ thuộc của nạn nhân</p>	<p>An toàn của gia đình và những người phụ thuộc của nạn nhân bị mua bán, bao gồm: con cái, bạn đời, cha mẹ, anh chị em...</p>

Thông thường, chìa khóa để đạt được những kết quả đầu ra tái hòa nhập thành công, như đã trình bày ở trên, là cung cấp sự trợ giúp phù hợp, đầy đủ, tế nhị và có chất lượng cho nạn nhân bị mua bán.

Câu hỏi 11: Nhân viên công tác xã hội đóng vai trò quan trọng như thế nào trong việc hỗ trợ các nạn nhân bị mua bán?¹

Trả lời: Hoạt động hỗ trợ cho nạn nhân bị mua bán gồm hai công việc chính, đó là: hỗ trợ giải cứu cho nạn nhân bị mua bán và trợ giúp cho nạn nhân bị mua bán trở về tái hòa nhập cộng đồng.

Với tư cách là người trợ giúp cho những người yếu thế trong xã hội, nhân viên công tác xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ các nạn nhân bị mua bán.

Vai trò của nhân viên công tác xã hội được thể hiện trong một số hoạt động như:

- Xây dựng mạng lưới liên kết hỗ trợ:

Phát hiện và trợ giúp cho nạn nhân bị mua bán là quá trình lâu dài và khó khăn. Do vậy nhân viên công tác xã hội hoạt động trong lĩnh vực này có vai trò trong việc xây dựng mạng lưới

1. Theo T.S. Nguyễn Hiệp Thương, nguồn: <https://congtacxahoi.net>.

liên kết hỗ trợ. Mạng lưới liên kết này có thể là: mạng lưới nhân viên công tác xã hội hoạt động trong lĩnh vực phòng, chống mua bán người; mạng lưới các cán bộ địa phương; mạng lưới các cơ quan chức trách liên quan đến phòng chống mua bán người... Những mạng lưới này được thiết lập kết nối giữa các vùng, địa phương trong nước và liên quốc gia giúp trao đổi, chia sẻ thông tin nhằm kiểm soát và phát hiện các vụ mua bán người cũng như xác định được nạn nhân bị mua bán để từ đó phối hợp giải cứu và đảm bảo an toàn cho nạn nhân.

- Biện hộ cho nạn nhân:

Đây là một vai trò quan trọng của nhân viên công tác xã hội với tư cách là một người đại diện cho tiếng nói của nạn nhân để bảo vệ cho lợi ích hợp pháp của họ. Đối với những người là nạn nhân bị mua bán đã bị xâm phạm nhiều quyền và lợi ích thì trong quá trình hỗ trợ, nhân viên công tác xã hội trực tiếp làm việc với các cơ quan chức năng, như: Công an, hội phụ nữ, Tòa án... để biện hộ, bênh vực, bảo vệ quyền lợi chính đáng của họ.

- Hỗ trợ/tạo điều kiện cho nạn nhân:

Nhân viên công tác xã hội là người tạo điều kiện cho nạn nhân phát huy tiềm năng và tham gia vào quá trình tự giải quyết vấn đề của chính họ. Vai trò này được thể hiện ngay từ giai đoạn

đánh giá nhu cầu, lập kế hoạch trợ giúp nạn nhân và thực hiện các hoạt động hỗ trợ. Với vai trò này, nhân viên công tác xã hội thực hiện rất nhiều các hoạt động hỗ trợ, như: tham vấn, tư vấn, giáo dục, truyền thông thay đổi hành vi...

- Kết nối nguồn lực:

Đây là một vai trò quan trọng của nhân viên công tác xã hội với tư cách là một người trung gian kết nối nạn nhân với các nguồn lực cần thiết. Nguồn lực này có thể là các cá nhân, tổ chức, ban ngành, đoàn thể có liên quan đến vấn đề cần giải quyết của nạn nhân; hoặc cũng có thể là các dịch vụ sẵn có trong cộng đồng. Một nạn nhân bị mua bán có thể có nhiều nhu cầu cần trợ giúp khác nhau, như: hỗ trợ về mặt tâm lý, pháp lý, chăm sóc sức khỏe, đào tạo nghề...

IV. PHÒNG NGỪA, NGĂN CHẶN NẠN MUA BÁN NGƯỜI

Câu hỏi 12: *Tình trạng mua bán người trên thế giới và ở Việt Nam diễn ra như thế nào?*

Trả lời: Hiện nay, nạn mua bán người đã trở thành vấn đề toàn cầu, không có quốc gia nào là ngoại lệ. Theo báo cáo của Tổ chức Nhập cư thế giới (IOM), trên thế giới hiện có khoảng 17,5 triệu người là nạn nhân của tội phạm buôn người, 46 triệu người đang sinh sống trong cảnh nô lệ, bị

cưỡng bức lao động hoặc bị bán làm nô lệ tình dục, gần 10 nghìn ca ghép nội tạng trái phép mỗi năm¹. Trên thế giới, mua bán người đã trở thành ngành công nghiệp tội phạm lớn thứ ba sau buôn bán ma túy, vũ khí trái phép, và đang có nguy cơ phát triển mạnh.

Việt Nam có đường biên giới với nhiều quốc gia, nhiều cửa khẩu biên giới được mở để giao thương buôn bán. Việc dễ dàng, tiện lợi khi qua lại biên giới là điều kiện để tội phạm mua bán người lợi dụng hoạt động... Theo báo cáo của Ban Chỉ đạo phòng, chống tội phạm của Chính phủ, từ năm 2012 – 2017, lực lượng chức năng đã tổ chức giải cứu và tiếp nhận khoảng 7.500 người. Qua điều tra, rà soát cho thấy trên 90% nạn nhân bị mua bán là phụ nữ và trẻ em; trên 80% nạn nhân thuộc các dân tộc thiểu số, trình độ học vấn, nhận thức, tiếp cận thông tin ít hơn và có hoàn cảnh kinh tế khó khăn; hơn 70% nạn nhân làm nông nghiệp hoặc không có việc làm; 37,2% không biết chữ và khoảng 6,8% nạn nhân là người trẻ tuổi, học sinh, sinh viên. Trên 98% nạn nhân bị mua bán ra nước ngoài. Đa số nạn nhân là phụ nữ khi bị lừa bán ra nước ngoài bị cưỡng ép kết hôn làm vợ người dân bản địa và bóc lột

1. Nguồn: Tác giả tổng hợp từ nhiều nguồn khác nhau (BT).

tình dục (gần 80%)¹. Tình trạng mua bán người thường xảy ra ở những địa phương có vùng biên giới tiếp giáp Trung Quốc, Campuchia, Lào, như: Lào Cai, Hà Giang, Nghệ An, Sơn La, Quảng Nam, Lai Châu, Cao Bằng, An Giang, Tây Ninh..., và một số thành phố lớn như: Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh...; đặc biệt ở tuyến biên giới Việt Nam - Trung Quốc chiếm hơn 70% tổng số vụ mua bán người hằng năm. Nạn nhân trong các vụ buôn bán người không chỉ là phụ nữ và trẻ em, còn có cả nam giới. Nạn nhân chủ yếu bị tội phạm mua bán người lừa qua hình thức: di cư tự do để tìm kiếm việc làm, nhận con nuôi, kết hôn với người nước ngoài, để thuê, hiến tạng... Các đối tượng phạm tội hình thành các đường dây mua bán người từ Việt Nam sang các nước láng giềng với mục đích chính là bán nạn nhân vào các ổ mại dâm, các dịch vụ vui chơi giải trí và bóc lột sức lao động.

Câu hỏi 13: Nguyên nhân của thực trạng mua bán người ở Việt Nam?

Trả lời: Mua bán người xảy ra do nhiều nguyên nhân, những nguyên nhân này có thể được phân thành ba loại cơ bản sau: nguyên nhân

1. <http://www.molisa.gov.vn/vi/Pages/chitiettin.aspx?IDNews=28228>.

trực tiếp, nguyên nhân tiềm ẩn, và nguyên nhân sâu xa.

- *Nguyên nhân trực tiếp* liên quan đến những quyết định của cá nhân hay của gia đình nạn nhân do bị ảnh hưởng bởi mong ước có cuộc sống tốt hơn, tìm kiếm các cơ hội việc làm; để giải quyết những vấn đề cá nhân, như: nợ nần; nghiện cờ bạc, rượu, ma túy... Ngoài ra, việc thiếu hiểu biết pháp luật về phòng, chống mua bán người cũng là những nguyên nhân trực tiếp dẫn đến việc gia tăng nạn nhân và tội phạm mua bán người.

- *Nguyên nhân tiềm ẩn* là những điều kiện ảnh hưởng đến những quyết định cá nhân, như gia đình không hạnh phúc (mâu thuẫn, bạo lực, ly thân, ly dị...), xã hội có các nhu cầu dịch vụ (tình dục, xin con nuôi, môi giới hôn nhân, chữa bệnh...) và nhiều hình thức lao động.

- *Nguyên nhân sâu xa* có liên quan đến nhân tố kinh tế - xã hội, như: thất nghiệp, nghèo đói, thiếu cơ hội học tập và việc làm, phân biệt đối xử, bất bình đẳng giới... Chính điều này đã khiến các cá nhân trở thành nạn nhân của mua bán người. Ngoài ra, còn có những nguyên nhân khác từ hệ thống bảo vệ xã hội và pháp lý yếu kém cũng như nền chính trị không ổn định được thể hiện rõ qua chế độ độc tài, tham nhũng hay những xung đột vũ trang ở một số nước trên thế giới. Ở mức độ

quốc tế, việc thất bại trong nhận dạng, khởi tố và kết án đối tượng mua bán người cũng như những yếu kém trong hệ thống bảo vệ biên giới quốc tế và thiếu chứng cứ pháp lý là những tác nhân làm gia tăng nạn mua bán người.

Như vậy, có nhiều yếu tố khiến cho con người dễ bị mua bán, nhưng nhóm người thuộc diện nguy cơ cao, bao gồm: người di cư không giấy tờ, người dân tộc thiểu số ở vùng biên giới, trẻ em không có người lớn đi kèm. Các yếu tố như nghèo đói, thất nghiệp, bất bình đẳng giới, thiếu tiếp cận các cơ hội giáo dục và các nguồn lực, thiếu hệ thống đăng ký khai sinh cũng là những yếu tố có thể làm gia tăng nguy cơ bị mua bán người.

Cuối cùng, mặc dù các chiến lược thông tin về mua bán người được phổ biến rộng rãi, nhưng cộng đồng nhiều quốc gia vẫn chưa có đầy đủ nhận thức về vấn nạn này. Do vậy, những nạn nhân bị mua bán không có khả năng bảo vệ chính mình; không nhận thức đầy đủ về động cơ, mục đích, thủ đoạn của đối tượng mua bán người để có biện pháp phòng ngừa và đấu tranh với các hành vi mua bán người.

Các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực phòng, chống mua bán người ở Việt Nam đã xác định một số nguyên nhân cơ bản dưới đây khiến một người có thể trở thành nạn nhân của nạn mua bán người:

- Nghĩa vụ với gia đình;
- Bạo lực gia đình;
- Ham mê vật chất;
- Thiếu hiểu biết về các nguy cơ và do không được tiếp cận thông tin;
- Cuộc sống khó khăn, nghèo đói.

Câu hỏi 14: *Hậu quả của nạn mua bán người?*

Trả lời: Mua bán người, đặc biệt là mua bán phụ nữ và trẻ em, thường gây nên nhiều tác hại và để lại hậu quả nặng nề cho nạn nhân, gia đình nạn nhân, cộng đồng và xã hội.

- *Đối với nạn nhân:* Bị xâm phạm về thân thể, sức khỏe; bị xúc phạm danh dự, nhân phẩm gây nên những chấn động về tâm lý...

- *Đối với gia đình nạn nhân:* Gây tâm lý hoang mang, lo lắng; bố mẹ mất con; vợ chồng bị chia lìa; con cái không được quan tâm chăm sóc, ít có cơ hội học tập; kinh tế gia đình gặp khó khăn...

- *Đối với cộng đồng, xã hội:* Gây nghi kỵ, tạo sự căng thẳng trong cộng đồng; làm gia tăng tội phạm, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự và an toàn xã hội; gia tăng nguy cơ lây nhiễm căn bệnh thế kỷ HIV/AIDS; gây thiệt hại về kinh tế do số người rời bỏ quê hương trong độ tuổi lao động; gia tăng chi phí phúc lợi xã hội để bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân hòa nhập cộng đồng...

Câu hỏi 15: Chính quyền, tổ chức, đoàn thể và cá nhân có vai trò gì trong phòng ngừa, ngăn chặn nạn mua bán người?

Trả lời: Để bảo đảm việc phòng ngừa, ngăn chặn nạn mua bán người có hiệu quả, cần tiếp cận toàn diện, xem xét tất cả các khía cạnh liên quan, bao gồm: tuyên truyền phòng, chống mua bán người; bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân; tố giác tội phạm mua bán người... Những việc này cần dựa trên cơ sở có sự hợp tác giữa các cơ quan chính quyền trong nước cũng như quốc tế, các đoàn thể, tổ chức xã hội và những người liên quan khác.

Đối với chính quyền, tổ chức, đoàn thể:

Chính quyền, các tổ chức, đoàn thể có vai trò quan trọng trong công tác đấu tranh phòng, chống mua bán người, đặc biệt là trong công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục, tư vấn về phòng, chống mua bán người cũng như công tác hỗ trợ nạn nhân.

Chính quyền địa phương cần phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện một số giải pháp dưới đây để phòng ngừa, ngăn chặn nạn mua bán người:

- Quản lý nhân khẩu, hộ khẩu, khai báo tạm trú, lưu trú, tạm vắng trên địa bàn; giám sát các đối tượng đến hoặc đi khỏi địa phương;

- Quản lý chặt chẽ số đối tượng đã có tiền án, tiền sự về mua bán người, các đối tượng từng chứa chấp, môi giới mại dâm; giám sát dịch vụ môi giới hôn nhân, cho nhận con nuôi có yếu tố nước ngoài, giới thiệu việc làm, đưa người Việt Nam đi lao động, học tập ở nước ngoài, tuyển dụng người nước ngoài làm việc tại Việt Nam; các dịch vụ văn hóa, du lịch, các hoạt động kinh doanh, dịch vụ có điều kiện khác dễ bị lợi dụng để thực hiện hành vi mua bán người;

- Xây dựng và triển khai thực hiện các chính sách, chương trình phát triển kinh tế, tạo việc làm, cho vay vốn, đào tạo nghề; hỗ trợ giảm nghèo; thực hiện bình đẳng giới, bảo vệ trẻ em, chương trình vì sự tiến bộ của phụ nữ...; bảo vệ và tạo điều kiện cho nạn nhân bị mua bán trở về hòa nhập cộng đồng;

- Đối với địa phương có vùng biên giới cần tăng cường tuần tra, kiểm soát tại các cửa khẩu, khu vực biên giới, hải đảo và trên biển nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn hành vi mua bán người;

- Vận động nhân dân chấp hành pháp luật về phòng, chống mua bán người; tích cực phát hiện, tố giác, tố cáo, ngăn chặn hành vi mua bán người.

Đối với cá nhân:

Các cá nhân trong cộng đồng đóng một vai trò quan trọng trong phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn nạn mua bán người bằng việc tiếp thu và

hiểu đúng những thông tin, kiến thức về nạn mua bán người.

Để tự bảo vệ mình và người thân không trở thành nạn nhân bị mua bán, các cá nhân cần thực hiện những lời khuyên sau đây:

- *Tuyệt đối không nên đưa hình ảnh, thông tin cá nhân lên mạng xã hội; cảnh giác với những mối quan hệ quen biết trên mạng, nhất là với những người không rõ ràng về nhân thân, công việc, quan hệ xã hội... Thận trọng với trường hợp tuy mới quen biết, nhưng người đó đã tỏ vẻ “quá” yêu quý mình, mong muốn gặp mặt, rủ đi ăn uống...*

- *Cảnh giác trước những lời mời gọi, rủ rê đi chơi, tham quan tại các địa bàn giáp biên giới của những người lạ, của những người trong họ hàng nhưng đã rời xa quê hương nhiều năm, thiếu thông tin về họ;*

- *Cảnh giác với những lời hứa hẹn, dụ dỗ tìm việc làm có thu nhập cao trong nước và nước ngoài, hay lấy chồng nước ngoài giàu có. Trường hợp đối tượng nói ra địa chỉ nơi sẽ tiếp nhận mình, cần phải xác minh độc lập bằng cách gọi điện thoại đến địa chỉ đó, hoặc nhờ người tin cậy tìm hiểu hộ;*

- *Khi có dự định tìm việc làm ở các tỉnh, thành phố khác hoặc đi lao động ở nước ngoài, hãy tìm hiểu kỹ nơi định đến và người sẽ đi cùng;*

kiểm tra thông tin về cá nhân, đơn vị, tổ chức môi giới, tuyển dụng, giới thiệu; thông báo cho gia đình biết sẽ đi đâu, đi cùng ai trước khi quyết định; công chứng các giấy tờ liên quan. Luôn ghi nhớ những địa chỉ tin cậy để có thể nhận được sự giúp đỡ khi gặp tình huống khẩn cấp;

- Khi có ý định kết hôn với người nước ngoài hãy tìm hiểu kỹ thông tin về nhân thân đối tượng mà mình có ý định kết hôn; tìm hiểu về pháp luật, đặc biệt là pháp luật về hôn nhân và gia đình của nước mà đối tượng mình định kết hôn sinh sống; tham khảo ý kiến của người thân, bạn bè, đồng nghiệp về ý định kết hôn với người nước ngoài; học ngoại ngữ, tìm hiểu về văn hóa, môi trường sinh hoạt nơi sẽ đến sinh sống; luôn cảnh giác trước những lời hứa hẹn môi giới hôn nhân thiếu cơ sở;

- Hiểu biết pháp luật, kỹ năng để tự bảo vệ mình và giúp đỡ người thân không bị mua bán; tuyên truyền cho những người xung quanh biết và cảnh giác với nạn mua bán người.

Chương II

PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ PHÒNG, CHỐNG MUA BÁN NGƯỜI

Nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò, ý nghĩa của công tác phòng ngừa, đấu tranh và chống các hành vi mua bán người và để tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách trong lĩnh vực này, ngày 29/3/2011, Luật Phòng, chống mua bán người được Quốc hội thông qua và chính thức có hiệu lực từ ngày 01/01/2012. Luật có các quy định về phòng ngừa, phát hiện, xử lý hành vi mua bán người và các hành vi khác vi phạm pháp luật về phòng, chống mua bán người; tiếp nhận, xác minh, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân; hợp tác quốc tế trong phòng, chống mua bán người; trách nhiệm của Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương trong phòng, chống mua bán người. Đặc biệt, Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã quy định rõ các hành vi, bổ sung các tình tiết định khung... về tội mua bán người, tạo tiền đề pháp lý cho hoạt động phòng ngừa và đấu

tranh đối với tội phạm mua bán người. Các văn bản này đã và đang tạo lập khung pháp lý quan trọng làm cơ sở cho cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm mua bán người.

I. QUY ĐỊNH CHUNG

Câu hỏi 16: *Trong lĩnh vực phòng, chống mua bán người, pháp luật nghiêm cấm những hành vi nào?*

Trả lời: Điều 3 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 quy định các hành vi sau đây bị nghiêm cấm:

1. Mua bán người theo quy định tại Điều 119 và Điều 120 của Bộ luật Hình sự¹.

2. Chuyển giao hoặc tiếp nhận người để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy các bộ phận cơ thể hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác.

3. Tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy các bộ phận cơ thể hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác hoặc để thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011.

1. Theo Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, tội mua bán người và tội mua bán người dưới 16 tuổi được quy định tại Điều 150, Điều 151.

4. Cưỡng bức người khác thực hiện một trong các hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 3 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011.

5. Môi giới để người khác thực hiện một trong các hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 3 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011.

6. Trả thù, đe dọa trả thù nạn nhân, người làm chứng, người tố giác, người tố cáo, người thân thích của họ hoặc người ngăn chặn hành vi quy định tại Điều 3 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011.

7. Lợi dụng hoạt động phòng, chống mua bán người để trục lợi, thực hiện các hành vi trái pháp luật.

8. Cản trở việc tố giác, tố cáo, khai báo và xử lý hành vi quy định tại Điều 3 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011.

9. Kỳ thị, phân biệt đối xử với nạn nhân.

10. Tiết lộ thông tin về nạn nhân khi chưa có sự đồng ý của họ hoặc người đại diện hợp pháp của nạn nhân.

11. Giả mạo là nạn nhân.

12. Hành vi khác vi phạm các quy định của Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011.

Người có hành vi vi phạm các quy định nêu trên, tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Câu hỏi 17: Nguyên tắc phòng, chống mua bán người được pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời: Nguyên tắc phòng, chống mua bán người được quy định tại Điều 4 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011, theo đó có 05 nguyên tắc cơ bản sau:

1. Thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, xử lý hành vi bị nghiêm cấm theo quy định tại Điều 3 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011.

2. Giải cứu, bảo vệ, tiếp nhận, xác minh, hỗ trợ nạn nhân kịp thời, chính xác. Tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp và không kỳ thị, phân biệt đối xử với nạn nhân.

3. Phát huy vai trò, trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cộng đồng, cơ quan, tổ chức trong phòng, chống mua bán người.

4. Ngăn chặn, phát hiện và xử lý nghiêm minh, kịp thời, chính xác hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 3 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế trong phòng, chống mua bán người phù hợp với Hiến pháp, pháp luật của Việt Nam và pháp luật, tập quán quốc tế.

Câu hỏi 18: *Quyền, nghĩa vụ của nạn nhân bị mua bán được pháp luật quy định như thế nào?*

Trả lời: Điều 6 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 quy định về quyền và nghĩa vụ của nạn nhân bị mua bán như sau:

1. Đề nghị cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền áp dụng các biện pháp bảo vệ mình, người thân thích khi bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị xâm hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và tài sản.

2. Được hưởng các chế độ hỗ trợ và được bảo vệ theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011.

3. Được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

4. Cung cấp thông tin liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống mua bán người cho cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền.

5. Thực hiện yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến vụ việc mua bán người.

II. PHÒNG NGỪA MUA BÁN NGƯỜI

Câu hỏi 19: *Nội dung, hình thức thông tin, tuyên truyền, giáo dục phòng, chống mua bán người được quy định như thế nào?*

Trả lời: Thông tin, tuyên truyền, giáo dục là

một trong những giải pháp quan trọng nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức và cộng đồng trong phòng, chống mua bán người; đề cao cảnh giác, tích cực tham gia phòng, chống mua bán người nhằm giảm thiểu nguy cơ mua bán người.

Điều 7 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 quy định nội dung, hình thức thông tin, tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống mua bán người, theo đó:

1. Nội dung thông tin, tuyên truyền, giáo dục bao gồm:

- Chính sách, pháp luật về phòng, chống mua bán người;

- Thủ đoạn và tác hại của các hành vi quy định tại Điều 3 của Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011;

- Kỹ năng ứng xử trong trường hợp có nghi ngờ về việc mua bán người;

- Biện pháp, kinh nghiệm phòng, chống mua bán người;

- Trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức trong phòng, chống mua bán người;

- Chống kỳ thị, phân biệt đối xử với nạn nhân;

- Các nội dung khác có liên quan đến phòng, chống mua bán người.

2. Việc thông tin, tuyên truyền, giáo dục được thực hiện bằng các hình thức:

- Gặp gỡ, nói chuyện trực tiếp;
- Cung cấp tài liệu (cung cấp tờ rơi, tờ gấp, tài liệu văn bản, đĩa hình, đĩa tiếng...);
- Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng (phát trên hệ thống loa truyền thanh ở cơ sở, Đài phát thanh, truyền hình ở địa phương và trung ương, Đài Tiếng nói Việt Nam, các loại báo in, báo điện tử...);
- Thông qua hoạt động tại các cơ sở giáo dục (giáo dục trong các trường học chính quy, trường công lập, trường giáo dưỡng, trường học nghề, trong các khu cải tạo, giam giữ...);
- Thông qua hoạt động văn học, nghệ thuật, sinh hoạt cộng đồng và các loại hình văn hóa khác;
- Các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Để tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục phòng, chống mua bán người cần xây dựng mạng lưới tuyên truyền viên ở cơ sở, huy động sự tham gia tích cực của các đoàn thể xã hội.

Đối tượng cần được ưu tiên, tăng cường tuyên truyền là phụ nữ, thanh niên, thiếu niên, nhi đồng, học sinh, sinh viên và những người cư trú tại khu vực biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và những địa bàn xảy ra nhiều vụ việc mua bán người.

Câu hỏi 20: Nội dung tư vấn phòng ngừa mua bán người được quy định như thế nào?

Trả lời: Điều 8 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 quy định về tư vấn phòng ngừa mua bán người, theo đó nội dung tư vấn gồm:

1. Cung cấp kiến thức pháp luật về phòng, chống mua bán người.
2. Cung cấp thông tin về thủ đoạn mua bán người và hướng dẫn kỹ năng ứng xử trong trường hợp có nghi ngờ về việc mua bán người.
3. Cung cấp thông tin về quyền, nghĩa vụ của nạn nhân và hướng dẫn cách thức thực hiện các quyền, nghĩa vụ đó.

Câu hỏi 21: Để đấu tranh, ngăn chặn và phòng ngừa nạn buôn bán người công tác quản lý an ninh, trật tự được quy định như thế nào?

Trả lời: Điều 9 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 quy định công tác quản lý về an ninh, trật tự như sau:

1. Theo dõi nhân khẩu, hộ khẩu thông qua công tác quản lý cư trú, tăng cường kiểm tra nhân khẩu thường trú, tạm trú, lưu trú, tạm vắng trên địa bàn.
2. Giám sát các đối tượng có tiền án, tiền sự về mua bán người và các đối tượng khác có dấu

hiệu thực hiện hành vi bị nghiêm cấm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 3 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011.

3. Quản lý và sử dụng có hiệu quả các thông tin về tàng thư, căn cước, lý lịch tư pháp phục vụ công tác phòng, chống mua bán người.

4. Tăng cường tuần tra, kiểm soát tại các cửa khẩu, khu vực biên giới, hải đảo và trên biển nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn hành vi bị nghiêm cấm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 3 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011.

5. Trang bị các phương tiện kỹ thuật tại các cửa khẩu quốc tế phục vụ cho việc nhận dạng người và phát hiện nhanh chóng, chính xác các loại giấy tờ, tài liệu giả mạo; nâng cấp các trang thiết bị kiểm soát, kiểm tra tại các chốt kiểm soát, cửa khẩu.

6. Quản lý công tác cấp giấy tờ tùy thân, giấy tờ có giá trị xuất cảnh, nhập cảnh; ứng dụng công nghệ tiên tiến trong việc làm, cấp phát, quản lý và kiểm soát các loại giấy tờ tùy thân và giấy tờ có giá trị xuất cảnh, nhập cảnh.

7. Phối hợp với các cơ quan chức năng của nước có chung đường biên giới trong việc tuần tra, kiểm soát biên giới nhằm phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn hành vi bị nghiêm cấm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 3 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011.

Câu hỏi 22: *Việc quản lý các hoạt động kinh doanh, dịch vụ để bị lợi dụng để thực hiện hành vi mua bán người được quy định như thế nào?*

Trả lời: Điều 10 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 quy định:

Các hoạt động hỗ trợ kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài, cho, nhận con nuôi, giới thiệu việc làm, đưa người Việt Nam đi lao động, học tập ở nước ngoài, tuyển dụng người nước ngoài làm việc tại Việt Nam, dịch vụ văn hóa, du lịch và các hoạt động kinh doanh, dịch vụ có điều kiện khác dễ bị lợi dụng phải được quản lý, kiểm tra thường xuyên, chặt chẽ nhằm kịp thời phát hiện và ngăn chặn việc lợi dụng các hoạt động này để thực hiện hành vi bị nghiêm cấm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 3 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011.

Câu hỏi 23: *Việc lồng ghép nội dung phòng ngừa mua bán người vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội được quy định như thế nào?*

Trả lời: Điều 11 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 quy định:

Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương cần thực hiện việc lồng ghép nội dung phòng ngừa mua bán người vào chương trình phòng, chống tội phạm,

phòng, chống tệ nạn xã hội, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, giảm nghèo, bình đẳng giới, bảo vệ trẻ em, chương trình vì sự tiến bộ của phụ nữ và chương trình khác về phát triển kinh tế - xã hội.

Câu hỏi 24: *Trách nhiệm của cá nhân trong tham gia phòng ngừa mua bán người được quy định như thế nào?*

Trả lời: Điều 12 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 quy định trách nhiệm của cá nhân trong phòng ngừa mua bán người như sau:

1. Tham gia các hoạt động phòng ngừa mua bán người.

2. Kịp thời báo tin, tố giác, tố cáo hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 3 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011.

Câu hỏi 25: *Trách nhiệm của gia đình trong tham gia phòng ngừa mua bán người được quy định như thế nào?*

Trả lời: Gia đình có vai trò rất quan trọng trong việc giáo dục và bảo vệ thành viên gia đình không trở thành nạn nhân của mua bán người. Điều 13 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 quy định gia đình có trách nhiệm:

1. Cung cấp thông tin cho thành viên trong gia đình về thủ đoạn mua bán người và các biện pháp phòng, chống mua bán người.

2. Phối hợp với nhà trường, cơ quan, tổ chức và các đoàn thể xã hội trong phòng, chống mua bán người.

3. Chăm sóc, giúp đỡ nạn nhân là thành viên của gia đình để họ hòa nhập cuộc sống gia đình và cộng đồng.

4. Động viên nạn nhân là thành viên của gia đình hợp tác với các cơ quan có thẩm quyền trong phòng, chống mua bán người.

Câu hỏi 26: *Trách nhiệm của nhà trường và các cơ sở giáo dục, đào tạo trong tham gia phòng ngừa mua bán người được quy định như thế nào?*

Trả lời: Để tăng cường vai trò của nhà trường và các cơ sở giáo dục, đào tạo trong công tác phòng ngừa mua bán người, tại Điều 14 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 quy định trách nhiệm của nhà trường và các cơ sở giáo dục, đào tạo trong việc tham gia phòng ngừa mua bán người như sau:

1. Quản lý chặt chẽ việc học tập và các hoạt động khác của học sinh, sinh viên, học viên.

2. Tổ chức tuyên truyền, giáo dục ngoại khóa về phòng, chống mua bán người phù hợp với từng cấp học, ngành học.

3. Tạo điều kiện thuận lợi để học sinh, sinh viên, học viên là nạn nhân học văn hóa, học nghề, hòa nhập cộng đồng.

4. Phối hợp với gia đình, cơ quan, tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống mua bán người

Câu hỏi 27: *Trách nhiệm của các tổ chức, cơ sở hoạt động kinh doanh, dịch vụ trong tham gia phòng ngừa mua bán người được quy định như thế nào?*

Trả lời: Điều 15 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 quy định:

1. Các tổ chức, cơ sở hoạt động kinh doanh, dịch vụ trong lĩnh vực hỗ trợ kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài; cho, nhận con nuôi; giới thiệu việc làm; đưa người Việt Nam đi lao động, học tập ở nước ngoài; tuyển dụng người nước ngoài làm việc tại Việt Nam; dịch vụ văn hóa, du lịch và các hoạt động kinh doanh, dịch vụ có điều kiện khác dễ bị lợi dụng để thực hiện hành vi mua bán người quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 3 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 có trách nhiệm:

a) Ký hợp đồng lao động bằng văn bản với người lao động; đăng ký lao động với cơ quan quản lý lao động địa phương;

b) Nắm thông tin về đối tượng được cung cấp dịch vụ và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu để phối hợp quản lý;

c) Cam kết chấp hành quy định của pháp luật về phòng, chống mua bán người;

d) Phối hợp, tạo điều kiện cho các cơ quan có thẩm quyền trong việc thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động của tổ chức, cơ sở mình.

2. Người lao động làm việc tại các cơ sở kinh doanh, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 phải chấp hành quy định về quản lý hộ khẩu và ký cam kết không vi phạm pháp luật về phòng, chống mua bán người.

Câu hỏi 28: *Trách nhiệm của cơ quan thông tin đại chúng trong tham gia phòng ngừa mua bán người được quy định như thế nào?*

Trả lời: Điều 16 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 quy định cơ quan thông tin đại chúng có trách nhiệm:

1. Đưa tin kịp thời, chính xác chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống mua bán người; phản ánh trung thực về tình hình mua bán người và công tác phòng, chống mua bán người; nêu gương các điển hình tiên tiến trong phòng, chống mua bán người, mô hình phòng, chống mua bán người có hiệu quả.

2. Giữ bí mật thông tin về nạn nhân.

3. Lồng ghép nội dung phòng, chống mua bán người với các chương trình thông tin, tuyên truyền khác.

Câu hỏi 29: Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong tham gia phòng ngừa mua bán người được quy định như thế nào?

Trả lời: Điều 17 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 quy định Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận có trách nhiệm:

1. Tổ chức và phối hợp với cơ quan, tổ chức hữu quan tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về phòng, chống mua bán người; vận động nhân dân chấp hành pháp luật về phòng, chống mua bán người, tích cực phát hiện, tố giác, tố cáo, ngăn chặn hành vi quy định tại Điều 3 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011.

2. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những biện pháp cần thiết nhằm phòng ngừa, phát hiện và xử lý hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 3 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011.

3. Tư vấn và tham gia tư vấn về phòng, chống mua bán người.

4. Tham gia dạy nghề, tạo việc làm và các hoạt động hỗ trợ khác giúp nạn nhân hòa nhập cộng đồng.

5. Giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống mua bán người.

Câu hỏi 30: Trách nhiệm của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam trong tham gia phòng ngừa mua bán người được quy định như thế nào?

Trả lời: Điều 18 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 quy định Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam có trách nhiệm:

1. Tuyên truyền, giáo dục, vận động phụ nữ và trẻ em nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về phòng, chống mua bán người.
2. Tham gia xây dựng mạng lưới tuyên truyền viên về phòng, chống mua bán người ở cơ sở.
3. Thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 17 Luật phòng, chống mua bán người năm 2011.

III. TIẾP NHẬN, XÁC MINH VÀ BẢO VỆ NẠN NHÂN

Câu hỏi 31: Căn cứ để xác định nạn nhân bị mua bán được quy định như thế nào?

Trả lời: Điều 27 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 và Điều 5 Nghị định số 62/2012/NĐ-CP quy định những căn cứ để xác định nạn nhân bị mua bán, theo đó:

1. Một người được xác định là nạn nhân bị mua bán khi họ là đối tượng của một trong những hành vi sau đây:

a) Mua bán người: Coi người như một loại hàng hóa để trao đổi bằng tiền hoặc lợi ích vật chất khác;

b) Chuyển giao hoặc tiếp nhận người để:

- Ép buộc bán dâm;

- Ép buộc làm đối tượng sản xuất băng, đĩa hình, sách, tranh, ảnh, lịch và những hình thức khác có nội dung tuyên truyền lối sống đồi trụy, khiêu dâm;

- Ép buộc biểu diễn cho người khác xem thân thể mình với mục đích kích động tình dục;

- Làm nô lệ tình dục;

- Cường bức lao động;

- Lấy các bộ phận cơ thể một cách bất hợp pháp;

- Ép buộc đi ăn xin;

- Ép buộc làm vợ hoặc chồng;

- Ép buộc đẻ con trái ý muốn của họ;

- Ép buộc thực hiện hành vi vi phạm pháp luật;

- Vì mục đích vô nhân đạo khác.

c) Tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người để thực hiện các hành vi quy định tại các điểm a, b nêu trên hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác.

2. Việc xác định nạn nhân phải dựa vào các nguồn tài liệu, chứng cứ sau:

a) Tài liệu, chứng cứ do cơ quan tiến hành tố tụng cung cấp;

b) Thông tin, tài liệu do cơ quan giải cứu nạn nhân cung cấp;

c) Thông tin, tài liệu do cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài cung cấp;

d) Tài liệu do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nước ngoài cung cấp;

đ) Lời khai, tài liệu do nạn nhân cung cấp;

e) Lời khai, tài liệu do người thực hiện hành vi quy định tại mục 1 nêu trên cung cấp;

g) Lời khai, tài liệu do những người biết sự việc cung cấp;

h) Các thông tin, tài liệu hợp pháp khác.

3. Trường hợp cơ quan chức năng không chứng minh được một người có phải là nạn nhân hay không, sau khi xác minh lý lịch, thời gian vắng mặt khỏi địa phương nơi họ cư trú, lý do vắng mặt phù hợp với lời khai của họ về việc là đối tượng của một trong những hành vi quy định tại mục 1 nêu trên thì xem xét các căn cứ sau để xác nhận họ là nạn nhân:

a) Người đó được phát hiện, giải cứu cùng với nạn nhân khác;

b) Người đó đã có thời gian chung sống cùng với nạn nhân tại nơi các đối tượng thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 nêu trên giam giữ, quản lý và bị đối xử như những nạn nhân này;

c) Biểu hiện về thể chất và tinh thần: Có dấu hiệu bị bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, bị đối xử tàn tệ, bị thương tích, sợ hãi, hoảng loạn, trầm cảm, ốm yếu;

d) Thời gian người đó rời khỏi địa phương nơi cư trú thì thân nhân của họ trình báo cơ quan chức năng về việc họ bị mất tích hoặc là đối tượng của một trong những hành vi quy định tại mục 1 nêu trên;

đ) Những thông tin hợp pháp khác giúp có cơ sở để tin rằng người đó là nạn nhân.

Câu hỏi 32: Giấy tờ, tài liệu chứng nhận nạn nhân bị mua bán được quy định như thế nào?

Trả lời: Điều 28 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 quy định giấy tờ, tài liệu chứng nhận nạn nhân gồm:

1. Giấy xác nhận của cơ quan Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011.

2. Giấy xác nhận của cơ quan giải cứu theo quy định tại Điều 25 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011.

3. Giấy xác nhận của cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân.

4. Giấy tờ, tài liệu do cơ quan nước ngoài cấp đã được cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài hoặc Bộ Ngoại giao Việt Nam hợp pháp hóa lãnh sự chứng minh người đó là nạn nhân.

Câu hỏi 33: Việc tiếp nhận, xác minh, xác định nạn nhân là công dân Việt Nam bị mua bán trong nước được quy định như thế nào?

Trả lời: Việc tiếp nhận, xác minh, xác định nạn nhân là công dân Việt Nam bị mua bán trong nước được quy định như sau:

** Trường hợp tự đến trình báo:*

Theo quy định tại Điều 24 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011: Nạn nhân hoặc người đại diện hợp pháp của nạn nhân có thể đến Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan, tổ chức nơi gần nhất khai báo về việc bị mua bán.

Điều 6 Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-BCA-BQP-BLĐTBXH-BNG ngày 10/02/2014 của Bộ Công An, Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Ngoại giao hướng dẫn trình tự, thủ tục và quan hệ phối hợp trong việc xác minh, xác định, tiếp nhận và trao trả nạn nhân bị mua bán (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-BCA-BQP-BLĐTBXH-BNG) quy định việc tiếp nhận, xác minh, xác định nạn nhân là công dân Việt Nam bị mua bán trong nước tự đến trình báo như sau:

1. Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã khi tiếp nhận nạn nhân, người đại diện hợp pháp của nạn nhân khai báo về việc bị mua bán, có trách nhiệm hướng dẫn người đó kê khai vào Tờ khai

dùng cho nạn nhân bị mua bán trong nước (mẫu Tờ khai dùng cho nạn nhân bị mua bán trong nước tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-BCA-BQP-BLĐTBXH-BNG), trường hợp người khai báo là trẻ em hoặc người không có khả năng tự kê khai thì cán bộ tiếp nhận ghi lại theo lời khai của người đó; thực hiện việc hỗ trợ nhu cầu thiết yếu cho người khai là nạn nhân trong trường hợp cần thiết; thông báo cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện để thực hiện các thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-BCA-BQP-BLĐTBXH-BNG.

2. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện, trong thời hạn không quá 03 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã về nạn nhân, thực hiện các việc sau:

a) Trường hợp có giấy tờ, tài liệu chứng nhận nạn nhân thì bố trí cho họ trở về nơi cư trú hoặc vào cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo quy định;

b) Trường hợp chưa có giấy tờ, tài liệu chứng nhận nạn nhân thì gửi văn bản đề nghị Công an cấp huyện nơi nạn nhân cư trú hoặc nơi nạn nhân khai xảy ra vụ việc mua bán người để xác minh. Trong thời gian chờ xác minh người khai là nạn nhân được hỗ trợ nhu cầu thiết yếu theo quy định

của pháp luật. Sau khi có văn bản trả lời của Công an cấp huyện xác định là nạn nhân thì thực hiện việc hỗ trợ nạn nhân như đối với trường hợp đủ căn cứ xác định nạn nhân nêu tại điểm a khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-BCA-BQP-BLĐTBXH-BNG.

3. Công an cấp huyện nơi người khai là nạn nhân cư trú hoặc nơi họ khai xảy ra vụ việc mua bán người có trách nhiệm thực hiện những việc sau:

a) Xác minh, xác định nạn nhân và trả lời kết quả trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được công văn yêu cầu xác minh của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện (quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-BCA-BQP-BLĐTBXH-BNG);

b) Trường hợp xác minh thấy đủ căn cứ xác định là nạn nhân thì cấp Giấy xác nhận nạn nhân bị mua bán (mẫu Giấy xác nhận nạn nhân tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-BCA-BQP-BLĐTBXH-BNG), gửi kết quả xác minh và giấy xác nhận này về Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để giải quyết việc hỗ trợ cho nạn nhân theo quy định;

c) Đối với các vụ việc phức tạp hoặc việc xác minh liên quan đến nhiều địa phương thì Công an cấp huyện báo cáo Công an tỉnh (Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội) để chỉ đạo việc

xác minh; trong trường hợp này thời hạn xác minh trả lời kết quả không được quá 60 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của Công an cấp huyện. Sau khi xác minh, nếu đủ căn cứ xác định nạn nhân thì cơ quan xác minh trả lời và cấp Giấy xác nhận nạn nhân bị mua bán và thông báo cho Công an cấp huyện để thực hiện tiếp các việc quy định tại điểm b khoản 3 Điều 6 Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-BCA-BQP-BLĐTBXH-BNG.

** Trường hợp được giải cứu:*

Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-BCA-BQP-BLĐTBXH-BNG quy định việc xác minh, xác định nạn nhân là công dân Việt Nam bị mua bán trong nước được giải cứu như sau:

1. Cơ quan giải cứu (Công an, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển) thực hiện các việc sau:

a) Trường hợp người được giải cứu có đủ căn cứ để xác định nạn nhân thì thực hiện việc hỗ trợ các nhu cầu thiết yếu cho nạn nhân; cấp Giấy xác nhận nạn nhân bị mua bán; bàn giao nạn nhân cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi giải cứu để thực hiện các thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-BCA-BQP-BLĐTBXH-BNG.

b) Trường hợp chưa đủ căn cứ xác định là nạn nhân thì sau khi thực hiện việc hỗ trợ nhu cầu thiết yếu, cơ quan giải cứu bàn giao người được giải cứu cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã

hội của địa phương đó để đưa vào cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

2. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội nơi giải cứu thực hiện các việc sau:

a) Trường hợp người được giải cứu đã được cấp Giấy xác nhận nạn nhân bị mua bán thì thực hiện việc hỗ trợ theo quy định của pháp luật;

b) Trường hợp chưa đủ căn cứ xác định là nạn nhân thì gửi văn bản đề nghị Công an cấp huyện nơi người được giải cứu xác minh, xác định nạn nhân; khi có kết quả xác minh thì giải quyết các thủ tục như đối với trường hợp nạn nhân bị mua bán trong nước quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-BCA-BQP-BLĐTBXH-BNG.

3. Công an cấp huyện nơi người được giải cứu thực hiện việc xác minh, xác định nạn nhân và trả lời kết quả cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-BCA-BQP-BLĐTBXH-BNG.

Trường hợp Công an cấp huyện xác định không phải là nạn nhân, Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Giám đốc cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân làm các thủ tục đưa người được giải cứu ra khỏi cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 34: Việc xác minh, xác định, tiếp nhận nạn nhân là công dân Việt Nam bị mua bán ra nước ngoài được quy định như thế nào?

Trả lời: Việc xác minh, xác định, tiếp nhận nạn nhân là công dân Việt Nam bị mua bán ra nước ngoài được quy định như sau:

** Trường hợp xác minh, xác định, tiếp nhận nạn nhân đang ở nước ngoài*

Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-BCA-BQP-BLĐTBXH-BNG quy định:

1. Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự hoặc cơ quan khác được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài (gọi chung là cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài), khi tiếp nhận thông tin, tài liệu về nạn nhân do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, tổ chức quốc tế, cơ quan chức năng của Việt Nam ở trong nước trao đổi hoặc do nạn nhân, người biết việc đến trình báo, thực hiện các công việc sau:

a) Trường hợp có thông tin cho biết nạn nhân chưa được giải cứu thì thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại để phối hợp kiểm tra, xác minh và tổ chức giải cứu nếu xác định nguồn thông tin có căn cứ.

b) Trường hợp nạn nhân đã được giải cứu hoặc người tự khai là nạn nhân đến trình báo tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài:

- Tiến hành kiểm tra, xác minh thông tin, thu thập tài liệu liên quan đến việc nạn nhân bị mua bán và các giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam, giấy tờ xuất nhập cảnh Việt Nam;

- Hướng dẫn nạn nhân kê khai vào Tờ khai dùng cho nạn nhân bị mua bán từ nước ngoài trở về (mẫu Tờ khai tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-BCA-BQP-BLĐTBXH-BNG). Trường hợp nạn nhân là trẻ em hoặc người không có khả năng tự kê khai thì cán bộ tiếp nhận ghi lại theo lời khai của họ;

- Trường hợp đủ căn cứ để xác định là công dân Việt Nam và là nạn nhân thì thực hiện các biện pháp bảo hộ công dân và phối hợp với cơ quan chức năng nước sở tại hỗ trợ nhu cầu thiết yếu cho nạn nhân; cấp giấy thông hành cho nạn nhân về nước đối với những trường hợp không có giấy tờ xuất nhập cảnh hợp lệ. Trường hợp chưa đủ cơ sở xác định là công dân Việt Nam hoặc chưa đủ căn cứ xác định là nạn nhân thì trong thời hạn không quá 03 ngày kể từ khi nhận được thông tin, tài liệu về người khai là nạn nhân, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có trách nhiệm gửi văn bản, kèm theo hồ sơ của người đó (gồm Tờ khai có đầy đủ yếu tố nhân sự, các thông tin, tài liệu do phía nước ngoài, tổ chức quốc tế cung cấp hoặc do cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thu thập được) về Cục Quản lý xuất nhập cảnh,

Bộ Công an để xác minh theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-BCA-BQP-BLĐTBXH-BNG, đồng gửi Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao để phối hợp.

Trong thời hạn không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Cục Quản lý xuất nhập cảnh, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài cấp giấy thông hành cho nạn nhân đối với những trường hợp đồng ý nhận trở về mà không có giấy tờ xuất nhập cảnh hợp lệ. Đối với trường hợp không xác định được nhân thân hoặc không đủ căn cứ xác định là nạn nhân thì giải quyết theo quy định chung của pháp luật Việt Nam và nước sở tại;

- Thực hiện các thủ tục cần thiết (bố trí phương tiện, thị thực xuất cảnh) và phối hợp với cơ quan chức năng nước sở tại, các tổ chức quốc tế (nếu có) để tổ chức cho nạn nhân đã có giấy tờ xuất nhập cảnh hợp lệ về nước; thông báo bằng văn bản cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh về phương tiện, thời gian, cửa khẩu nhập cảnh; chi tiết nhân thân, số và loại giấy tờ xuất nhập cảnh của nạn nhân, của nhân viên nước sở tại hoặc tổ chức quốc tế đi cùng nạn nhân (nếu có) trước khi nạn nhân nhập cảnh ít nhất 05 ngày để tổ chức tiếp nhận theo quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Việc xác minh, xác định nạn nhân của cơ quan chức năng ở trong nước:

a) Ngay sau khi nhận được văn bản đề nghị

xác minh của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-BCA-BQP-BLĐTBXH-BNG, Cục Quản lý xuất nhập cảnh có trách nhiệm tổ chức xác minh hoặc chỉ đạo Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có liên quan (sau đây gọi tắt là Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh) xác minh, đồng thời gửi văn bản cho Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Bộ Công an để phối hợp xác minh khi cần thiết.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được công văn yêu cầu xác minh, Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh báo cáo kết quả xác minh về Cục Quản lý xuất nhập cảnh qua đường điện mặt hoặc fax đồng thời gửi bằng văn bản.

b) Trong thời hạn không quá 03 ngày kể từ khi nhận được kết quả xác minh, Cục Quản lý xuất nhập cảnh có trách nhiệm trả lời cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và đồng gửi văn bản cho Cục Lãnh sự để phối hợp.

3. Tổ chức tiếp nhận nạn nhân trở về qua cửa khẩu sân bay quốc tế:

a) Cục Quản lý xuất nhập cảnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng thuộc các bộ, ngành liên quan thực hiện việc tiếp nhận như sau:

- Trước ngày nạn nhân dự kiến nhập cảnh ít nhất 03 ngày, Cục Quản lý xuất nhập cảnh

thông báo về thời gian, địa điểm, danh sách nạn nhân trở về cho Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi có cửa khẩu nạn nhân trở về để phối hợp tiếp nhận;

- Tại cửa khẩu nạn nhân nhập cảnh: thực hiện việc đối chiếu, kiểm diện và tiếp nhận nạn nhân; ký Biên bản giao, nhận nạn nhân bị mua bán từ nước ngoài trở về (mẫu Biên bản giao, nhận nạn nhân bị mua bán tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-BCA-BQP-BLĐTBXH-BNG) với cơ quan chức năng nước ngoài (nếu có); làm thủ tục nhập cảnh cho nạn nhân; kiểm tra hồ sơ của nạn nhân do phía nước ngoài bàn giao hoặc đưa cho nạn nhân mang về; nếu chưa có Tờ khai dùng cho nạn nhân bị mua bán từ nước ngoài trở về thì hướng dẫn nạn nhân kê khai; cấp Giấy chứng nhận về nước cho nạn nhân (mẫu Giấy chứng nhận về nước tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-BCA-BQP-BLĐTBXH-BNG);

- Nếu nạn nhân có nguyện vọng tự trở về nơi cư trú thì hỗ trợ tiền tàu xe và tiền ăn trong thời gian đi đường. Trường hợp nạn nhân là trẻ em, người không có khả năng tự trở về địa phương nơi cư trú thì thông báo cho người thân thích đến nhận hoặc bố trí người đưa về nơi người thân

thích của nạn nhân cư trú. Trường hợp nạn nhân không có nơi cư trú hoặc có nguyện vọng lưu trú tại cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân, nạn nhân là trẻ em không nơi nương tựa thì bàn giao nạn nhân (kèm theo các giấy tờ có liên quan) cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi có cửa khẩu để giải quyết theo quy định của pháp luật;

- Thông báo bằng văn bản cho Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh nơi nạn nhân về cư trú để quản lý, theo dõi.

b) Tại cửa khẩu nạn nhân nhập cảnh, Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội phối hợp với Cục Quản lý xuất nhập cảnh lấy lời khai ban đầu của nạn nhân để khai thác, thu thập thông tin, tài liệu về tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi mua bán người, phục vụ công tác điều tra, xử lý theo pháp luật.

c) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi có cửa khẩu sau khi nhận bàn giao nạn nhân từ Cục Quản lý xuất nhập cảnh, có trách nhiệm đưa nạn nhân vào cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân tại địa phương mình để thực hiện việc hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức tiếp nhận nạn nhân trở về qua cửa khẩu đường bộ, đường sắt, cảng biển:

a) Cục Quản lý xuất nhập cảnh thông báo cho Công an cấp tỉnh nơi có cửa khẩu nạn nhân nhập

cảnh chậm nhất là 03 ngày trước khi nạn nhân dự kiến nhập cảnh để chỉ đạo Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh và Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức tiếp nhận.

b) Công an cấp tỉnh nơi có cửa khẩu nạn nhân nhập cảnh khi nhận được thông báo của Cục Quản lý xuất nhập cảnh có trách nhiệm trao đổi, thống nhất kế hoạch tiếp nhận với Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi có cửa khẩu nạn nhân nhập cảnh để phối hợp tiếp nhận.

c) Đồn Biên phòng cửa khẩu nơi nạn nhân nhập cảnh chủ trì thực hiện: đối chiếu, kiểm diện nạn nhân; ký Biên bản giao, nhận nạn nhân bị mua bán từ nước ngoài trở về với cơ quan chức năng nước ngoài; hướng dẫn nạn nhân kê khai vào Tờ khai dành cho nạn nhân bị mua bán ra nước ngoài và làm thủ tục nhập cảnh cho nạn nhân, sau đó bàn giao nạn nhân cho Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh (mẫu Biên bản giao, nhận nạn nhân bị mua bán tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-BCA-BQP-BLĐTBXH-BNG).

d) Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh sau khi nhận bàn giao nạn nhân thì cấp Giấy chứng nhận về nước cho nạn nhân (mẫu Giấy chứng nhận về nước tại Phụ lục 6 ban hành

kèm theo Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-BCA-BQP-BLĐTBXH-BNG) và phối hợp với Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh lấy lời khai ban đầu của nạn nhân để khai thác, thu thập thông tin, tài liệu về tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi mua bán người, phục vụ công tác điều tra, xử lý theo pháp luật.

Nếu nạn nhân có nguyện vọng tự trở về nơi cư trú, thì hỗ trợ tiền tàu xe và tiền ăn trong thời gian đi đường; trường hợp nạn nhân là trẻ em, người không có khả năng tự trở về địa phương nơi cư trú thì thông báo cho người thân đến nhận hoặc bố trí người đưa về nơi người thân của nạn nhân cư trú; trường hợp nạn nhân không có nơi cư trú hoặc có nguyện vọng được lưu trú tại cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân, hoặc nạn nhân là trẻ em không nơi nương tựa thì bàn giao nạn nhân (kèm theo các giấy tờ có liên quan) cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi có cửa khẩu tiếp nhận nạn nhân để hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

đ) Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh nơi tiếp nhận nạn nhân sau khi đã thực hiện các thủ tục nêu trên, thông báo cho Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh nơi nạn nhân về cư trú để quản lý, theo dõi.

e) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội sau

khi nhận bàn giao nạn nhân từ Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh có trách nhiệm đưa nạn nhân vào cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân tại địa phương mình để thực hiện việc hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

** Trường hợp xác minh, xác định, tiếp nhận nạn nhân từ nước ngoài tự trở về*

Điều 5 Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-BCA-BQP-BLĐTBXH-BNG quy định:

1. Trường hợp nạn nhân từ nước ngoài tự trở về, đến trình báo tại Đồn Biên phòng hoặc được Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển phát hiện tại khu vực biên giới, hải đảo, trên biển:

a) Đồn Biên phòng, Cảnh sát biển thực hiện:

- Bố trí chỗ ở tạm thời và hỗ trợ nhu cầu thiết yếu cho người khai là nạn nhân trong trường hợp cần thiết;

- Lấy lời khai nạn nhân; kiểm tra các giấy tờ có liên quan đến nhân thân, quốc tịch và các thông tin tài liệu làm căn cứ xác định nạn nhân;

- Thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi mua bán người mà nạn nhân biết để phục vụ cho công tác điều tra, đấu tranh phòng, chống tội phạm mua bán người;

- Bàn giao nạn nhân cho Ủy ban nhân dân cấp xã gần nhất nơi người đó trình báo hoặc được phát hiện.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện và cơ quan Công an cấp huyện thực hiện việc tiếp nhận, xác minh theo quy định tại Điều 6 Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-BCA-BQP-BLĐTBXH-BNG.

2. Trường hợp nạn nhân từ nước ngoài tự trở về, đến trình báo tại cơ quan Công an hoặc chính quyền địa phương thì việc tiếp nhận, xác minh, xác định, hỗ trợ nạn nhân được thực hiện như trường hợp nạn nhân bị mua bán trong nước theo quy định tại Điều 6 Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-BCA-BQP-BLĐTBXH-BNG.

Câu hỏi 35: Việc tiếp nhận, xác minh, xác định và trao trả nạn nhân là người nước ngoài bị mua bán tại Việt Nam được quy định như thế nào?

Trả lời: Việc tiếp nhận, xác minh, xác định và trao trả nạn nhân là người nước ngoài bị mua bán tại Việt Nam được quy định như sau:

** Tiếp nhận, xác minh, xác định nạn nhân là người nước ngoài bị mua bán tại Việt Nam*

Điều 8 Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-BCA-BQP-BLĐTBXH-BNG quy định:

1. Trường hợp nạn nhân chưa được giải cứu:

Khi nhận được thông tin, tài liệu về nạn nhân do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, tổ chức quốc tế, cơ quan, tổ chức trong nước trao đổi hoặc

do người biết việc đến trình báo, cơ quan tiếp nhận thông tin có trách nhiệm báo ngay cho Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh nơi nạn nhân bị giữ để xác minh, điều tra, giải cứu.

2. Trường hợp nạn nhân đã được giải cứu hoặc khai là nạn nhân tự trình báo:

a) Cơ quan Công an, Biên phòng, Cảnh sát biển nơi giải cứu nạn nhân hoặc cơ quan Công an (cấp xã, huyện, tỉnh) nơi tiếp nhận người khai là nạn nhân thực hiện việc hỗ trợ nhu cầu thiết yếu cho nạn nhân nếu thấy cần thiết và chuyển ngay người đó đến Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội nơi nạn nhân được giải cứu hoặc nơi gần nhất nạn nhân khai báo về việc bị mua bán. Trường hợp người được giải cứu có đủ căn cứ xác định nạn nhân thì cơ quan giải cứu cấp Giấy xác nhận nạn nhân bị mua bán trước khi chuyển giao.

b) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, sau khi tiếp nhận nạn nhân, thực hiện ngay các việc sau:

- Đưa nạn nhân vào cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân và báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để chỉ đạo việc hỗ trợ nạn nhân trong thời gian chờ xác minh;

- Thông báo cho Sở Ngoại vụ nơi nạn nhân được lưu giữ biết để thực hiện công tác đối ngoại theo quy định;

- Thông báo cho Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh biết để thực hiện các công việc nêu tại điểm c khoản 2 Điều 8 Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-BCA-BQP-BLĐT BXH-BNG.

c) Trong thời hạn không quá 03 ngày, Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh khi nhận được thông tin về nạn nhân, có trách nhiệm phối hợp với Sở Ngoại vụ khẩn trương tiếp xúc với nạn nhân và thực hiện các việc sau:

- Kiểm tra giấy tờ tùy thân, việc nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của nạn nhân tại Việt Nam; lấy lời khai sơ bộ (nếu nạn nhân không biết tiếng Việt thì sử dụng người phiên dịch trong quá trình lấy lời khai);

- Chụp ảnh 06 ảnh cỡ 4cm x 6cm và hướng dẫn nạn nhân kê khai vào Tờ khai dùng cho nạn nhân bị mua bán trong nước. Trường hợp nạn nhân là trẻ em, người không biết tiếng Việt thì phiên dịch ghi lại theo lời khai của họ;

- Báo cáo về Cục Quản lý xuất nhập cảnh và gửi kèm theo hồ sơ gồm: Tờ khai dùng cho nạn nhân bị mua bán trong nước, 05 ảnh của nạn nhân, Giấy xác nhận nạn nhân bị mua bán (nếu có), kết quả lấy lời khai sơ bộ nạn nhân và các tài liệu khác (nếu có);

- Trường hợp không đủ căn cứ xác định nạn nhân thì phải có văn bản đề nghị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an cấp

tỉnh nơi người đó khai bị mua bán hoặc được giải cứu để tiến hành xác minh. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu xác minh, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm và trật tự xã hội Công an cấp tỉnh phải trả lời kết quả cho Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh đó để báo cáo Cục Quản lý xuất nhập cảnh;

d) Trong thời hạn không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo về nạn nhân của Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh, Cục Quản lý xuất nhập cảnh kiểm tra các thông tin liên quan đến việc nhập xuất cảnh, cư trú của nạn nhân và có văn bản trao đổi với Cục Lãnh sự kèm theo Tờ khai dùng cho nạn nhân bị mua bán trong nước, 03 ảnh và Giấy xác nhận nạn nhân bị mua bán và các tài liệu liên quan (nếu có);

đ) Trong thời hạn không quá 03 ngày kể từ khi nhận được văn bản của Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Cục Lãnh sự có trách nhiệm gửi công hàm (kèm theo hồ sơ nạn nhân và 02 ảnh) cho cơ quan đại diện ngoại giao của nước nạn nhân khai có quốc tịch (hoặc thường trú) để yêu cầu việc bảo hộ, xác minh, nhận trở về nạn nhân.

** Trao trả nạn nhân là người nước ngoài bị mua bán tại Việt Nam*

Điều 9 Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-BCA-BQP-BLĐTBXH-BNG quy định:

1. Cục Lãnh sự khi nhận được công hàm của

cơ quan đại diện ngoại giao của nước mà nạn nhân là công dân (hoặc thường trú) trả lời đồng ý nhận trở về, kèm theo giấy tờ có giá trị xuất nhập cảnh đã được cấp cho nạn nhân, có trách nhiệm thống nhất với phía nước ngoài về thời gian, cửa khẩu, phương tiện chuyên chở nạn nhân về nước (trường hợp phía nước ngoài không bố trí được phương tiện chuyên chở thì có thể đề nghị các tổ chức quốc tế tại Việt Nam hỗ trợ), sau đó thông báo bằng văn bản và chuyển giấy tờ xuất, nhập cảnh của nạn nhân cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh.

2. Cục Quản lý xuất nhập cảnh trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Cục Lãnh sự có trách nhiệm thực hiện:

a) Cấp thị thực xuất cảnh, tạm trú cho nạn nhân (được miễn thu lệ phí, thời hạn của thị thực, tạm trú phù hợp với thời hạn đưa nạn nhân về nước);

b) Thông báo kế hoạch đưa nạn nhân về nước cho Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi đang lưu giữ nạn nhân; Công an cửa khẩu sân bay quốc tế hoặc Bộ đội Biên phòng cửa khẩu đường bộ nơi nạn nhân sẽ xuất cảnh; các tổ chức quốc tế (nếu có liên quan) để phối hợp đưa nạn nhân về nước;

c) Chuyển cho Cơ quan Quản lý xuất nhập

cảnh Công an cấp tỉnh nơi lưu giữ nạn nhân giấy tờ xuất nhập cảnh và các tài liệu liên quan đến nạn nhân để thực hiện thủ tục đưa nạn nhân về nước.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi lưu giữ nạn nhân chỉ đạo cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân đưa nạn nhân tới cửa khẩu và phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện việc đưa nạn nhân về nước.

4. Tại cửa khẩu đưa nạn nhân về nước, Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh nơi nạn nhân được lưu giữ phối hợp với Đoàn Công an cửa khẩu sân bay quốc tế thực hiện các thủ tục xuất cảnh cho nạn nhân (nếu nạn nhân về bằng đường hàng không) hoặc bàn giao cho Bộ đội Biên phòng nơi có cửa khẩu quốc tế đường bộ để trao trả nạn nhân cho phía nước ngoài (nếu nạn nhân về bằng đường bộ).

Câu hỏi 36: Việc giải cứu, bảo vệ nạn nhân bị mua bán được quy định như thế nào?

Trả lời: Điều 29 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 quy định: Khi có căn cứ để cho rằng một người bị mua bán thì cơ quan, đơn vị, cá nhân quy định tại Điều 21 của Luật này có trách nhiệm áp dụng các biện pháp cần thiết để giải cứu; trường hợp người đó bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự,

nhân phẩm và tài sản thì áp dụng các biện pháp bảo vệ.

Câu hỏi 37: Đối tượng được bảo vệ và biện pháp bảo vệ an toàn, bí mật thông tin cho nạn nhân, người thân thích của nạn nhân bị mua bán được quy định như thế nào?

Trả lời: Điều 6 Nghị định số 62/2012/NĐ-CP quy định: đối tượng được bảo vệ gồm:

1. Nạn nhân của một trong các hành vi mua bán người được quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 62/2012/NĐ-CP.

2. Người thân thích của nạn nhân, bao gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, cha kế, mẹ kế, con đẻ, con nuôi, cha mẹ bên vợ hoặc bên chồng, anh ruột, chị ruột, em ruột, ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, cháu nội, cháu ngoại của nạn nhân.

Điều 30, Điều 31 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 quy định về việc bảo vệ an toàn cho nạn nhân, người thân thích của nạn nhân và bảo vệ bí mật thông tin về nạn nhân, theo đó:

- Các biện pháp bảo vệ an toàn cho nạn nhân và người thân thích của họ bao gồm:

a) Bố trí nơi tạm lánh khi nạn nhân, người thân thích của họ có nguy cơ bị xâm hại đến tính mạng, sức khỏe;

b) Giữ bí mật về nơi cư trú, nơi làm việc, học tập của nạn nhân và người thân thích của họ;

c) Các biện pháp ngăn chặn hành vi xâm hại hoặc đe dọa xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và tài sản của nạn nhân, người thân thích của họ theo quy định của pháp luật;

d) Các biện pháp bảo vệ khác theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

- Bảo vệ bí mật thông tin về nạn nhân:

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giữ bí mật các thông tin về nạn nhân, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

b) Tòa án xem xét, quyết định việc xét xử kín đối với vụ án mua bán người theo yêu cầu của nạn nhân hoặc người đại diện hợp pháp của nạn nhân.

Điều 7 Nghị định số 62/2012/NĐ-CP hướng dẫn

Tùy từng trường hợp cụ thể và điều kiện thực tế, cơ quan có trách nhiệm bảo vệ có thể áp dụng một hoặc nhiều biện pháp bảo vệ sau đây để đảm bảo an toàn cho nạn nhân, người thân thích của họ (sau đây gọi chung là người được bảo vệ):

1. Giữ bí mật về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ của người được bảo vệ.

2. Giữ bí mật các thông tin về đời tư, đặc điểm nhân dạng, nơi cư trú, làm việc, học tập và các thông tin khác có liên quan đến người được bảo vệ.

3. Bố trí lực lượng bảo vệ tại nơi cư trú, làm việc, học tập, đi lại của người được bảo vệ, tại phiên tòa và những nơi cần thiết khác.

4. Hạn chế phạm vi đi lại, giao tiếp của người được bảo vệ.

5. Bố trí nơi tạm lánh cho người được bảo vệ.

6. Bố trí nơi ở, nơi làm việc, học tập mới cho người được bảo vệ.

7. Áp dụng các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn hành vi xâm hại hoặc đe dọa xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và tài sản của người được bảo vệ theo quy định của pháp luật;

8. Xét xử kín.

Câu hỏi 38: Thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ an toàn cho nạn nhân, người thân thích của họ được quy định như thế nào?

Trả lời: Điều 8 Nghị định số 62/2012/NĐ-CP quy định:

1. Cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ bao gồm:

a) Cơ quan Cảnh sát điều tra trong Công an nhân dân;

b) Cơ quan điều tra hình sự trong Quân đội nhân dân;

c) Bộ đội Biên phòng;

d) Lực lượng Cảnh sát biển;

đ) Viện kiểm sát nhân dân, Viện kiểm sát quân sự các cấp;

e) Tòa án nhân dân, Tòa án quân sự các cấp;

g) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Cơ sở bảo trợ xã hội, Cơ sở hỗ trợ nạn nhân;

h) Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

2. Người có thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ bao gồm:

a) Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra trong Công an nhân dân có thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 7 Nghị định số 62/2012/NĐ-CP đối với nạn nhân, người thân thích của họ trong vụ việc, vụ án hình sự do cơ quan mình thụ lý.

b) Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra hình sự trong Quân đội nhân dân có thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 7 Nghị định số 62/2012/NĐ-CP đối với nạn nhân, người thân thích của họ trong vụ việc, vụ án hình sự do cơ quan mình thụ lý.

c) Cục trưởng Cục Phòng, chống tội phạm ma túy Bộ đội Biên phòng, Đoàn trưởng Đoàn Đặc nhiệm thuộc Cục Phòng, chống tội phạm ma túy Bộ đội Biên phòng, Chỉ huy trưởng Bộ đội Biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Trưởng đồn Biên phòng, Hải đoàn trưởng Hải đoàn Biên phòng, Chỉ huy trưởng Biên phòng cửa khẩu cảng có thẩm quyền ra quyết định áp dụng

biện pháp bảo vệ quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 7 Nghị định số 62/2012/NĐ-CP đối với nạn nhân, người thân thích của họ trong vụ việc, vụ án hình sự do cơ quan mình thụ lý. Khi cấp trưởng quy định tại Điểm này vắng mặt thì một cấp phó được ủy nhiệm thực hiện các quyền hạn của cấp trưởng quy định tại Điểm c khoản 2 Điều 8 Nghị định số 62/2012/NĐ-CP và phải chịu trách nhiệm trước cấp trưởng về nhiệm vụ được giao.

d) Cục trưởng, Chỉ huy trưởng Vùng, Trưởng phòng Phòng, chống tội phạm ma túy, Cục trưởng Cục Đặc nhiệm phòng, chống tội phạm ma túy, Hải đoàn trưởng, Hải đội trưởng và Đội trưởng thuộc lực lượng Cảnh sát biển có thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 7 Nghị định số 62/2012/NĐ-CP đối với nạn nhân, người thân thích của họ trong vụ việc, vụ án hình sự do cơ quan mình thụ lý. Khi cấp trưởng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 8 Nghị định số 62/2012/NĐ-CP vắng mặt thì một cấp phó được ủy nhiệm thực hiện các quyền hạn của cấp trưởng quy định tại Điểm d khoản 2 Điều 8 Nghị định số 62/2012/NĐ-CP và phải chịu trách nhiệm trước cấp trưởng về nhiệm vụ được giao.

đ) Viện trưởng, Phó viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp

bảo vệ quy định tại các khoản 1, 2, và 5 Điều 7 Nghị định số 62/2012/NĐ-CP đối với nạn nhân trong vụ án hình sự do cơ quan mình đang thụ lý; đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra trong Công an nhân dân, Cơ quan điều tra hình sự trong Quân đội nhân dân thụ lý vụ án áp dụng các biện pháp bảo vệ an toàn cho nạn nhân, người thân thích của họ.

e) Chánh án, Phó chánh án Tòa án, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5 và 8 Điều 7 Nghị định số 62/2012/NĐ-CP đối với nạn nhân, người thân thích của họ trong vụ án hình sự do cơ quan mình đang thụ lý; đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra trong Công an nhân dân, Cơ quan điều tra hình sự trong Quân đội nhân dân thụ lý vụ án áp dụng các biện pháp bảo vệ an toàn cho nạn nhân, người thân thích của họ.

g) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Cơ sở bảo trợ xã hội, Giám đốc Cơ sở hỗ trợ nạn nhân có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ quy định tại các khoản 1, 2, 4 và 5 Điều 7 Nghị định số 62/2012/NĐ-CP đối với nạn nhân, người thân thích đi cùng nạn nhân do cơ quan mình tiếp nhận; đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 8 Nghị

định số 62/2012/NĐ-CP áp dụng các biện pháp bảo vệ an toàn cho nạn nhân, người thân thích của họ.

h) Thủ trưởng cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ quy định tại các khoản 1, 2, 4 và 5 Điều 7 Nghị định số 62/2012/NĐ-CP đối với: nạn nhân, người chưa thành niên đi cùng nạn nhân là công dân Việt Nam tại vùng lãnh thổ, nước sở tại.

3) Trường hợp nơi cư trú của người được bảo vệ không thuộc địa phận của cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ thì người có thẩm quyền ra quyết định bảo vệ ủy thác việc tiến hành các biện pháp bảo vệ cho cơ quan cùng cấp tương đương thuộc địa phận nơi người được bảo vệ cư trú. Cơ quan được ủy thác tiến hành các biện pháp bảo vệ có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo vệ theo ủy thác của cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ an toàn cho nạn nhân, người thân thích của họ.

Câu hỏi 39: *Trách nhiệm tổ chức thực hiện biện pháp bảo vệ an toàn cho nạn nhân, người thân thích của họ được quy định như thế nào?*

Trả lời: Điều 9 Nghị định số 62/2012/NĐ-CP quy định:

Người có thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 62/2012/NĐ-CP có trách nhiệm tổ chức thực hiện biện pháp bảo vệ an toàn cho nạn nhân, người thân thích của họ và có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Áp dụng biện pháp bảo vệ khi có căn cứ cho rằng nạn nhân, người thân thích của họ bị xâm hại hoặc bị đe dọa xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản.

2. Được lựa chọn áp dụng một hoặc nhiều biện pháp bảo vệ theo thẩm quyền quy định tại Điều 7 Nghị định số 62/2012/NĐ-CP.

3. Yêu cầu người được bảo vệ chấp hành các quy định để bảo đảm an toàn cho họ trong quá trình bảo vệ.

4. Yêu cầu chính quyền địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân phối hợp trong việc áp dụng các biện pháp bảo vệ.

5. Giữ bí mật việc bảo vệ an toàn cho nạn nhân, người thân thích của họ.

6. Lập, quản lý, lưu trữ và khai thác hồ sơ bảo vệ theo chế độ tài liệu mật.

Câu hỏi 40: *Trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp bảo vệ an toàn cho nạn nhân, người thân thích của họ được quy định như thế nào?*

Trả lời: Điều 10 Nghị định số 62/2012/NĐ-CP quy định:

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị áp dụng biện pháp bảo vệ phải có văn bản đề nghị gửi cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp khẩn cấp có thể đề nghị trực tiếp hoặc qua điện thoại và các hình thức thông tin, liên lạc khác nhưng sau đó phải thể hiện bằng văn bản.

Văn bản đề nghị áp dụng biện pháp bảo vệ phải ghi rõ: thời gian, địa điểm làm văn bản; họ tên, ngày, tháng, năm sinh, quê quán, nghề nghiệp, nơi cư trú của người làm văn bản; đề nghị bảo vệ cho ai; họ tên, ngày, tháng, năm sinh, quê quán, nghề nghiệp, nơi cư trú của người được đề nghị bảo vệ (nếu người làm văn bản đề nghị áp dụng biện pháp bảo vệ cho người khác); lý do đề nghị áp dụng biện pháp bảo vệ và những nội dung khác có liên quan.

2. Cơ quan nhận được đề nghị bảo vệ phải xem xét, xác định sự cần thiết áp dụng các biện pháp bảo vệ. Trường hợp có căn cứ cho rằng nạn nhân, người thân thích của họ bị xâm hại hoặc bị đe dọa xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản và cần phải áp dụng biện pháp bảo vệ thì ra quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ. Trường hợp xét thấy không cần thiết áp dụng biện pháp bảo vệ thì phải có văn bản trả lời tổ chức, cá nhân đề nghị bảo vệ biết rõ lý do.

3. Trong quá trình thụ lý vụ việc nếu có căn cứ cho rằng nạn nhân, người thân thích của họ bị

xâm hại hoặc bị đe dọa xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản và cần phải áp dụng biện pháp bảo vệ thì người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 62/2012/NĐ-CP ra quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ.

4. Quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ phải ghi rõ: Thời gian, địa điểm ra quyết định; tên cơ quan có trách nhiệm bảo vệ; họ tên, chức vụ của người ra quyết định; họ tên, ngày, tháng, năm sinh, quê quán, nghề nghiệp, nơi cư trú của người được bảo vệ; các biện pháp bảo vệ được áp dụng; thời gian bắt đầu áp dụng biện pháp bảo vệ và những nội dung khác có liên quan đến việc bảo vệ.

5. Trường hợp khẩn cấp, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ có thể điều động lực lượng, phương tiện đến bảo vệ hoặc bố trí nơi tạm lánh để bảo đảm an toàn cho người được bảo vệ trước khi ra quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ.

6. Trong quá trình bảo vệ, nếu phát sinh yêu cầu cần áp dụng thêm biện pháp bảo vệ thì người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ ra quyết định bổ sung quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ.

7. Khi người được bảo vệ không còn bị xâm hại, đe dọa bị xâm hại thì người có thẩm quyền

quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ ra quyết định chấm dứt áp dụng biện pháp bảo vệ. Quyết định chấm dứt áp dụng biện pháp bảo vệ phải ghi rõ lý do chấm dứt biện pháp bảo vệ.

8. Quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ, quyết định bổ sung quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ, quyết định chấm dứt biện pháp bảo vệ được gửi cho người được bảo vệ, cơ quan yêu cầu áp dụng biện pháp bảo vệ và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Câu hỏi 41: *Hồ sơ áp dụng biện pháp bảo vệ an toàn cho nạn nhân, người thân thích của họ được quy định như thế nào?*

Trả lời: Điều 11 Nghị định số 62/2012/NĐ-CP quy định hồ sơ áp dụng biện pháp bảo vệ bao gồm:

1. Văn bản đề nghị bảo vệ.
2. Lý lịch cá nhân của người được bảo vệ.
3. Tài liệu thể hiện người được bảo vệ bị xâm hại, có nguy cơ bị xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản.
4. Quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ.
5. Quyết định bổ sung áp dụng biện pháp bảo vệ (nếu có).
6. Các biện pháp bảo vệ đã được áp dụng, kết quả thực hiện.
7. Quyết định chấm dứt áp dụng biện pháp bảo vệ.

8. Các văn bản, tài liệu khác có liên quan đến việc bảo vệ.

IV. HỖ TRỢ NẠN NHÂN BỊ MUA BÁN

Câu hỏi 42: *Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện hỗ trợ nạn nhân tại cộng đồng quy định như thế nào?*

Trả lời: Điều 39 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 quy định:

1. Ủy ban nhân dân cấp xã đã tiếp nhận nạn nhân, cơ quan Công an, Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển đã giải cứu nạn nhân thực hiện hỗ trợ nhu cầu thiết yếu cho nạn nhân.

2. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện hỗ trợ chi phí đi lại cho nạn nhân trong trường hợp họ tự trở về nơi cư trú.

3. Cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân thực hiện hỗ trợ nhu cầu thiết yếu, hỗ trợ tâm lý, hỗ trợ y tế cho nạn nhân.

4. Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và các tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý thực hiện trợ giúp pháp lý cho nạn nhân.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân; phối hợp với Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện hỗ trợ y tế, hỗ trợ học văn hóa, học nghề cho nạn nhân.

Câu hỏi 43: Quy trình và trách nhiệm của các cơ quan trong thực hiện hỗ trợ nạn nhân tại cộng đồng được quy định như thế nào?

Trả lời: Theo quy định tại các điều 12, 13, 14 và 15 Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người (sau đây viết tắt là Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH):

*** Quy trình hỗ trợ nạn nhân hòa nhập cộng đồng (Điều 12)**

1. Quy trình hỗ trợ nạn nhân là toàn bộ các bước, các dịch vụ hỗ trợ do các cơ quan, tổ chức cá nhân thực hiện theo quy định của pháp luật nhằm giúp nạn nhân ổn định về tâm lý, thể chất, các điều kiện xã hội cần thiết để hòa nhập cộng đồng, xã hội.

2. Các bước của quy trình hỗ trợ nạn nhân như sau:

- a) Tiếp nhận, hỗ trợ ban đầu cho nạn nhân;
- b) Hỗ trợ phục hồi, chuẩn bị các điều kiện để nạn nhân hòa nhập cộng đồng;
- c) Hỗ trợ hòa nhập cộng đồng.

Căn cứ vào các bước của quy trình hỗ trợ nạn nhân đã nêu trên, cán bộ xã hội tư vấn, xây dựng kế hoạch hỗ trợ hòa nhập cộng đồng đối với nạn nhân

bị mua bán. Việc lựa chọn dịch vụ hỗ trợ phải phù hợp, tôn trọng quyền tự quyết định, tự lựa chọn của nạn nhân.

** Đối với việc tiếp nhận, hỗ trợ ban đầu cho nạn nhân (Điều 13)*

1. Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện, cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, các cơ quan giải cứu, tiếp nhận nạn nhân thuộc Bộ đội Biên phòng, Công an, Cảnh sát biển chịu trách nhiệm tổ chức tiếp nhận và thực hiện các dịch vụ hỗ trợ ban đầu cho nạn nhân.

2. Các cơ quan quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH khi tiếp nhận nạn nhân phải thực hiện ngay việc hỗ trợ các nhu cầu thiết yếu về ăn, mặc, ở; thông báo cho nạn nhân về chế độ chính sách hỗ trợ và làm thủ tục cho nạn nhân trở về nơi cư trú; tư vấn cho nạn nhân biết loại phương tiện mà họ sử dụng, quãng đường và thời gian đi đường; báo tin cho gia đình, người thân trước khi đưa nạn nhân trở về.

3. Trường hợp nạn nhân cần có sự hỗ trợ, hoặc chưa có đầy đủ các thông tin để đưa trở về nơi cư trú thì cơ quan tiếp nhận làm các thủ tục đưa nạn nhân tới các cơ sở bảo trợ xã hội, hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân nơi tiếp nhận để có biện pháp hỗ trợ phù hợp.

** Đối với việc hỗ trợ phục hồi, chuẩn bị các điều kiện để nạn nhân hòa nhập cộng đồng (Điều 14)*

1. Hỗ trợ phục hồi và chuẩn bị các điều kiện để nạn nhân hòa nhập cộng đồng là giai đoạn thực hiện tại các cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân. Các cơ sở này cung cấp dịch vụ giúp nạn nhân ổn định về tâm lý, kỹ năng sống trước khi đưa nạn nhân trở về cộng đồng. Thời gian lưu trú tối đa tại các cơ sở bảo trợ xã hội là 60 ngày; thời gian lưu trú tại cơ sở hỗ trợ nạn nhân tùy thuộc vào điều kiện, khả năng cung cấp dịch vụ của cơ sở.

2. Các dịch vụ cần có trong giai đoạn này gồm: hỗ trợ chăm sóc y tế, trợ giúp pháp lý cho nạn nhân; tư vấn về học nghề, việc làm, chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với nạn nhân; liên hệ, giới thiệu nạn nhân đến các cơ sở dạy nghề phù hợp; tư vấn tâm lý, chuẩn bị các điều kiện cần thiết khác cho nạn nhân hòa nhập cộng đồng.

** Đối với việc hỗ trợ nạn nhân hòa nhập cộng đồng (Điều 15)*

1. Hòa nhập cộng đồng là giai đoạn đưa nạn nhân trở về cộng đồng sau khi đã được hỗ trợ phục hồi và chuẩn bị các điều kiện cần thiết, từng bước thiết lập lại một cách bình thường các quan hệ với gia đình và xã hội. Thời gian hòa nhập phụ thuộc theo hoàn cảnh và năng lực của mỗi nạn nhân.

2. Cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức các hoạt động, dịch vụ hỗ trợ nạn nhân về gia đình và hòa nhập cộng đồng.

3. Các hoạt động, dịch vụ hỗ trợ gồm: đánh giá khả năng hòa nhập cộng đồng, lập kế hoạch hỗ trợ nạn nhân (bao gồm cả nguồn lực tài chính và cán bộ hỗ trợ); thực hiện kế hoạch hỗ trợ nạn nhân; giám sát, đánh giá các hoạt động hỗ trợ và điều chỉnh kế hoạch nếu cần thiết.

Câu hỏi 44: Nhiệm vụ hỗ trợ nạn nhân của cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân được quy định như thế nào?

Trả lời: Điều 40 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 quy định:

1. Cơ sở bảo trợ xã hội công lập thực hiện các nhiệm vụ sau đây trong việc hỗ trợ nạn nhân:

a) Tiếp nhận và bố trí nơi lưu trú cho nạn nhân;

b) Thực hiện chế độ hỗ trợ nhu cầu thiết yếu, hỗ trợ y tế, hỗ trợ tâm lý phù hợp với lứa tuổi, giới tính, nguyện vọng của nạn nhân và khả năng đáp ứng của cơ sở.

c) Giáo dục kỹ năng sống, hướng nghiệp cho nạn nhân;

d) Đánh giá khả năng hòa nhập cộng đồng của nạn nhân, cung cấp các thông tin về chính sách, chế độ, dịch vụ hỗ trợ nạn nhân tại cộng đồng;

d) Cung cấp thông tin cần thiết cho các cơ quan chức năng để đấu tranh phòng, chống hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 3 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011;

e) Phối hợp với các cơ quan hữu quan đưa nạn nhân về nơi cư trú;

g) Phối hợp với cơ quan Công an trong việc xác minh nạn nhân.

2. Cơ sở hỗ trợ nạn nhân do tổ chức, cá nhân Việt Nam thành lập để tham gia thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 40 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 phù hợp với giấy phép thành lập; việc thành lập và hoạt động không sử dụng ngân sách nhà nước.

Câu hỏi 45: Nguyên tắc tổ chức, hoạt động và chức năng, nhiệm vụ của cơ sở hỗ trợ nạn nhân được quy định như thế nào?

Trả lời: Nguyên tắc tổ chức, hoạt động và chức năng, nhiệm vụ của cơ sở hỗ trợ nạn nhân được quy định như sau:

** Về nguyên tắc tổ chức và hoạt động:*

Điều 14 Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người (sau đây viết tắt là Nghị định số 09/2013/NĐ-CP) quy định:

1. Cơ sở hỗ trợ nạn nhân được thành lập,

tổ chức theo nguyên tắc tự nguyện, tự trang trải kinh phí; hoạt động không vì mục đích lợi nhuận và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Cơ sở hỗ trợ nạn nhân chỉ được thực hiện các dịch vụ hỗ trợ nạn nhân trong phạm vi Giấy phép thành lập; tuân thủ pháp luật, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác hỗ trợ nạn nhân của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

** Về chức năng, nhiệm vụ:*

Điều 9 Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH quy định cơ sở hỗ trợ nạn nhân có chức năng, nhiệm vụ sau:

1. Tiếp nhận và bố trí nơi lưu trú cho nạn nhân.
2. Thực hiện chế độ hỗ trợ nhu cầu thiết yếu, hỗ trợ y tế, hỗ trợ tâm lý phù hợp với lứa tuổi, giới tính, nguyện vọng của nạn nhân và khả năng đáp ứng của cơ sở.
3. Giáo dục kỹ năng sống, hướng nghiệp cho nạn nhân.
4. Đánh giá khả năng hòa nhập cộng đồng của nạn nhân, cung cấp các thông tin về chính sách, chế độ, dịch vụ hỗ trợ nạn nhân tại cộng đồng.
5. Cung cấp thông tin cần thiết cho cơ quan chức năng để đấu tranh phòng, chống các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 3 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011.
6. Phối hợp với các cơ quan hữu quan đưa nạn nhân về nơi cư trú.

7. Phối hợp với cơ quan Công an trong việc xác minh nạn nhân.

Câu hỏi 46: Điều kiện thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân được quy định như thế nào?

Trả lời: Điều 4 Nghị định số 09/2013/NĐ-CP và Điều 3 Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH quy định về điều kiện thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân, theo đó:

1. Điều kiện về cơ sở vật chất:

Cơ sở hỗ trợ nạn nhân phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Có trụ sở làm việc ổn định, thuận tiện giao thông;

- Diện tích đất tự nhiên tối thiểu 15 m²/nạn nhân;

- Có trang thiết bị, phương tiện phù hợp với nhiệm vụ hỗ trợ nạn nhân.

Ngoài việc đáp ứng các điều kiện trên, cơ sở hỗ trợ nạn nhân còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Phòng tiếp nhận nạn nhân:

- + Có diện tích tối thiểu 10m²;

- + Có các trang thiết bị tối thiểu cần thiết cho việc tiếp nhận nạn nhân, gồm bàn làm việc, ghế ngồi, tủ tài liệu, máy vi tính, điện thoại;

- + Có bảng niêm yết nội quy, phạm vi dịch vụ hỗ trợ nạn nhân.

- Phòng ở của nạn nhân:

+ Diện tích phòng ở phải đảm bảo bình quân $05m^2$ cho 01 người và không quá 04 người trong 01 phòng. Các phòng ở phải được xây dựng chắc chắn, đủ ánh sáng, có cửa sổ, cửa ra vào phải có khóa;

+ Có trang thiết bị tối thiểu phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày của nạn nhân trong thời gian lưu trú tại cơ sở như giường nằm, tủ quần áo, các đồ dùng trong sinh hoạt cá nhân.

- Cơ sở hỗ trợ nạn nhân phải có nhà bếp, nhà ăn, nhà vệ sinh, nhà tắm và các công trình phụ trợ khác; phải đảm bảo về an ninh trật tự, đảm bảo an toàn cho nạn nhân; phù hợp với các quy định về phòng cháy, chữa cháy.

- Đối với cơ sở hỗ trợ nạn nhân có quy mô hỗ trợ từ 25 người trở lên phải có các phân khu riêng biệt dành cho phụ nữ, trẻ em, nhà ở, nhà bếp, khu vệ sinh, khu làm việc của cán bộ nhân viên, khu sinh hoạt chung, hệ thống cấp, thoát nước, điện, đường đi nội bộ, trang thiết bị y tế, cơ sở thuốc tối thiểu phục vụ cho sơ cứu, cấp cứu khi cần thiết.

2. Điều kiện về nhân sự:

- Cơ sở hỗ trợ nạn nhân phải có ít nhất 05 nhân viên, trong đó 02 nhân viên có trình độ từ cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành công tác xã hội.

- Có ít nhất 01 nhân viên chuyên trách. Trường hợp cơ sở hỗ trợ nạn nhân có sử dụng người làm kiêm nhiệm thì phải đăng ký giờ làm

việc cụ thể để đảm bảo an ninh, an toàn cho cơ sở và nạn nhân;

- Nhân viên trực tiếp làm công tác hỗ trợ nạn nhân phải đáp ứng tiêu chuẩn nghiệp vụ ngạch công tác xã hội viên trở lên theo quy định tại Thông tư số 34/2010/TT-LĐTBXH ngày 8/11/2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức công tác xã hội và đã được tập huấn về công tác hỗ trợ nạn nhân¹;

- Đối với nhân viên y tế (nếu có) phải có trình độ chuyên môn từ trung cấp y tế trở lên; nhân viên bảo vệ phải có chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 47: Cơ cấu tổ chức của cơ sở hỗ trợ nạn nhân được quy định như thế nào?

Trả lời: Điều 10 Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH quy định về cơ cấu tổ chức của cơ sở hỗ trợ nạn nhân như sau:

1. Cơ cấu tổ chức của cơ sở hỗ trợ nạn nhân gồm có 01 Giám đốc, 01 đến 02 Phó Giám đốc và các bộ phận nghiệp vụ, gồm:

a) Bộ phận tiếp nhận, hành chính, bảo vệ;

1. Thông tư này hiện đã hết hiệu lực và nội dung này hiện được quy định tại Thông tư liên tịch số 30/2015/TTLT-BLĐTBXH-BNV ngày 19/8/2015 (BT).

- b) Bộ phận quản lý, tư vấn;
- c) Bộ phận hỗ trợ hòa nhập cộng đồng.

2. Căn cứ vào quy mô của cơ sở hỗ trợ nạn nhân, Giám đốc cơ sở quyết định thành lập các đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ nạn nhân. Nhiệm vụ cụ thể của bộ phận nghiệp vụ do Giám đốc quyết định.

Câu hỏi 48: *Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân được quy định như thế nào?*

Trả lời: Điều 4 Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH quy định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân gồm:

1. Đơn đề nghị cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH.

2. Đề án thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH.

3. Sơ yếu lý lịch của người dự kiến làm Giám đốc cơ sở hỗ trợ nạn nhân, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc tổ chức thành lập cơ sở theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH; danh sách nhân sự dự kiến làm việc tại cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH.

4. Các giấy tờ và văn bản có liên quan:

a) Giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc tài sản gắn liền với đất phục vụ cho hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân;

b) Ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cơ sở hỗ trợ nạn nhân đặt trụ sở hoạt động, trong đó nêu rõ đồng ý hay không đồng ý về việc đặt trụ sở của cơ sở hỗ trợ nạn nhân;

c) Các văn bằng, chứng chỉ chứng minh trình độ chuyên môn của nhân sự làm việc dự kiến tại cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

Câu hỏi 49: Việc gia hạn Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân được quy định như thế nào?

Trả lời: Điều 13 Nghị định số 09/2013/NĐ-CP quy định việc gia hạn Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân như sau:

1. Tổ chức, cá nhân được gia hạn Giấy phép thành lập khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có nhu cầu tiếp tục thực hiện các hoạt động hỗ trợ nạn nhân;

b) Cơ sở hỗ trợ nạn nhân không vi phạm pháp luật.

2. Hồ sơ đề nghị gia hạn gồm:

a) Văn bản đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập theo mẫu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định;

b) Báo cáo về tình hình hỗ trợ nạn nhân của cơ sở tính đến thời điểm đề nghị gia hạn và phương hướng hoạt động tiếp theo của cơ sở;

c) Bản gốc Giấy phép thành lập đã được cấp.

3. Trong thời hạn ít nhất 30 ngày làm việc, trước khi Giấy phép thành lập hết hạn, tổ chức, cá nhân phải gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 09/2013/NĐ-CP đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để làm thủ tục gia hạn.

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết để hoàn thiện hồ sơ.

5. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc gia hạn Giấy phép thành lập.

6. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định gia hạn Giấy phép thành lập. Thời hạn gia hạn Giấy phép thành lập tối đa là 05 năm.

Trường hợp không đồng ý gia hạn Giấy phép thành lập, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Câu hỏi 50: Việc tiếp nhận hồ sơ, thẩm định cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép thành lập đối với cơ sở hỗ trợ nạn nhân được quy định như thế nào?

Trả lời: Điều 6 Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH quy định việc tiếp nhận hồ sơ, thẩm định cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép thành lập đối với cơ sở hỗ trợ nạn nhân như sau:

1. Tiếp nhận hồ sơ cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép thành lập đối với cơ sở hỗ trợ nạn nhân:

a) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (nơi cơ sở hỗ trợ nạn nhân dự kiến đặt trụ sở) tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân;

b) Khi nhận hồ sơ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phải gửi cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép phiếu tiếp nhận hồ sơ theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH.

2. Tổ chức thẩm định cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép thành lập đối với cơ sở hỗ

trợ nạn nhân theo quy định tại các Điều 8, khoản 5 Điều 11, khoản 5 Điều 12 và khoản 5 Điều 13 Nghị định số 09/2013/NĐ-CP:

a) Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành lập đoàn công tác để tổ chức thẩm định việc cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo quy định tại các Điều 8, khoản 5 Điều 11, khoản 5 Điều 12 và khoản 5 Điều 13 Nghị định số 09/2013/NĐ-CP;

b) Thành phần đoàn thẩm định: Lãnh đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội làm Trưởng đoàn; Lãnh đạo Chi cục hoặc Phòng Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội làm Phó Trưởng đoàn; cán bộ Chi cục hoặc Phòng Phòng, chống tệ nạn xã hội làm thư ký; các thành viên gồm đại diện các cơ quan Phòng Bảo trợ xã hội thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan Công an cấp tỉnh, Chi cục hoặc Phòng Phòng, chống tệ nạn xã hội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Thời hạn thẩm định thực hiện theo quy định tại các Điều 8, Điều 11, Điều 12 và Điều 13 Nghị định số 09/2013/NĐ-CP.

4. Biên bản thẩm định theo mẫu quy định tại Phụ lục 7; Quyết định cấp (cấp lại) giấy phép thành lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 8, Quyết định sửa đổi (bổ sung, gia hạn) giấy phép thành

lập quy định tại Phụ lục 9 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH.

Câu hỏi 51: Các dịch vụ hỗ trợ nạn nhân tại cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân được quy định như thế nào?

Trả lời: Điều 11 Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH quy định cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân có trách nhiệm tổ chức thực hiện các dịch vụ sau đây để hỗ trợ nạn nhân:

1. Tiếp nhận, hỗ trợ các nhu cầu thiết yếu và bảo vệ nạn nhân:

a) Tiếp nhận nạn nhân do các cơ quan chức năng chuyển đến, bố trí nơi ăn, ở phù hợp với giới tính, lứa tuổi; hỗ trợ nạn nhân quần áo, vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết trong thời gian nạn nhân lưu trú tại cơ sở;

b) Hỗ trợ cơ quan chức năng thu thập thông tin liên quan đến tội phạm mua bán người và bảo vệ các quyền hợp pháp của nạn nhân trong quá trình tham gia tố tụng. Trường hợp nạn nhân là trẻ em, người chưa thành niên, phải làm các thủ tục cử người giám hộ hoặc đề nghị một tổ chức đảm nhận việc giám hộ theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện các biện pháp bảo vệ an toàn cho nạn nhân theo quy định của pháp luật.

2. Hỗ trợ y tế, tư vấn tâm lý, trợ giúp pháp lý:

a) Tổ chức khám, điều trị các bệnh thông thường cho nạn nhân; trường hợp vượt quá điều kiện chuyên môn y tế của cơ sở phải chuyển đến cơ sở y tế phù hợp;

b) Bố trí cán bộ có chuyên môn tổ chức việc tư vấn, tham vấn giúp nạn nhân ổn định tâm lý, thực hiện các biện pháp can thiệp khủng hoảng tâm lý đối với nạn nhân khi cần thiết;

c) Liên hệ, giới thiệu nạn nhân tới các Trung tâm trợ giúp pháp lý để hỗ trợ nạn nhân bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của họ đối với nạn nhân cần sự trợ giúp pháp lý.

3. Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, xây dựng kế hoạch hỗ trợ nạn nhân hòa nhập cộng đồng:

a) Tư vấn về học văn hóa, học nghề, hướng nghiệp đối với nạn nhân có nhu cầu; liên hệ, giới thiệu, hỗ trợ nạn nhân tới các cơ sở giáo dục phù hợp, các chương trình dạy nghề miễn phí do các tổ chức, cá nhân cung cấp tại địa phương;

b) Đánh giá khả năng hòa nhập cộng đồng của nạn nhân; cung cấp cho nạn nhân các thông tin về chính sách, dịch vụ hỗ trợ nạn nhân tại cộng đồng; phối hợp với cơ quan Công an, Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi nạn nhân cư trú để liên hệ với gia đình hoặc người thân của nạn nhân trước khi đưa họ trở về;

c) Đối với nạn nhân là trẻ em, trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày trước khi hết thời hạn lưu trú, Giám đốc cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân có trách nhiệm thông báo cho gia đình (cha, mẹ hoặc người giám hộ) đón về nơi cư trú hoặc bố trí cán bộ đưa về bàn giao cho gia đình. Đối với trẻ em mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa thì làm thủ tục chuyển chế độ hỗ trợ theo quy định đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

Câu hỏi 52: Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ nạn nhân được quy định như thế nào?

Trả lời: Điều 17, 19 và Điều 20 Thông tư số 35/2013/TT-BLDTBXH quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ nạn nhân, theo đó:

1. Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ nạn nhân gồm:

- Các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ trong việc tiếp nhận, phỏng vấn xác định nạn nhân;

- Các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ phục hồi và hỗ trợ hòa nhập cộng đồng.

2. Nội dung tiêu chuẩn đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ nạn nhân:

** Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ trong việc tiếp nhận, phỏng vấn xác định nạn nhân:*

Cơ quan tiếp nhận, giải cứu, hỗ trợ khi tiếp nhận, phỏng vấn xác định nạn nhân phải đảm bảo:

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục tiếp nhận, hỗ trợ nạn nhân.

- Bố trí không gian an toàn, thân thiện; bố trí cán bộ tiếp nhận phù hợp với giới tính, lứa tuổi; không phân biệt đối xử dựa trên quốc tịch, dân tộc, tôn giáo, địa vị xã hội, tình trạng thể chất hoặc giới tính.

- Cán bộ tiếp nhận phải thông báo cho nạn nhân về địa điểm, nội quy, quy chế nơi tiếp nhận, đảm bảo nạn nhân được cung cấp các thông tin cần thiết khác.

- Đối với nạn nhân chưa xác định được độ tuổi nhưng có khả năng là trẻ em phải được đối xử như trẻ em. Việc phỏng vấn, xác định nạn nhân phải tuân thủ nguyên tắc bảo vệ quyền và lợi ích tốt nhất cho trẻ em.

** Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ phục hồi và hỗ trợ hòa nhập cộng đồng:*

- Các tiêu chuẩn đảm bảo nạn nhân được cung cấp thông tin đầy đủ về các dịch vụ hỗ trợ:

+ Nạn nhân hoặc người đại diện hợp pháp của họ được tạo điều kiện thuận lợi khi tiếp cận với tổ chức, cá nhân để yêu cầu cung cấp thông tin liên quan đến các dịch vụ hỗ trợ.

+ Quyền lựa chọn dịch vụ hỗ trợ của nạn nhân được bảo đảm.

+ Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ phải chủ động gặp gỡ, làm việc với nạn nhân hoặc người

thân thích của họ để thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến dịch vụ hỗ trợ khi cần thiết;

+ Nạn nhân được cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến dịch vụ hỗ trợ trong quá trình thực hiện, trừ các thông tin, tài liệu không được phép công bố.

- Tiêu chuẩn chất lượng đối với dịch vụ tư vấn tâm lý:

+ Việc hỗ trợ tâm lý cần thực hiện ngay khi nạn nhân được tiếp nhận và phải do cán bộ có chuyên môn, đã được đào tạo, tập huấn về tư vấn tâm lý đảm nhiệm;

+ Cán bộ tư vấn cần phải thiết lập mối quan hệ hợp tác tích cực với nạn nhân; đảm bảo trạng thái tinh thần ổn định, thoải mái, tập trung cao khi tư vấn tâm lý cho nạn nhân; xây dựng lòng tin với nạn nhân; khi cần thiết phải tiến hành ngay lập tức biện pháp can thiệp khủng hoảng đối với nạn nhân.

- Tiêu chuẩn chất lượng đối với việc xây dựng và thực hiện kế hoạch hỗ trợ hòa nhập cộng đồng cho nạn nhân:

+ Kế hoạch hỗ trợ hòa nhập cộng đồng phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá khả năng, nguyện vọng, điểm mạnh của nạn nhân và những nguồn lực có thể tiếp cận để thực hiện hỗ trợ.

+ Hoạt động, dịch vụ hỗ trợ phải tập trung vào các nhu cầu của nạn nhân và phải được

thường xuyên cập nhật, kiểm tra và xem xét lại, để có sự phù hợp với thực tiễn thay đổi.

+ Nạn nhân được tham gia một cách tích cực vào việc lập kế hoạch hỗ trợ hòa nhập cộng đồng cho bản thân.

+ Kế hoạch hỗ trợ cần cụ thể về mục đích, nội dung hỗ trợ, nguồn lực hỗ trợ, quy trình giải quyết, tổ chức, cá nhân thực hiện, tiến độ thực hiện.

Câu hỏi 53: Trách nhiệm bảo đảm, giám sát về chất lượng dịch vụ hỗ trợ nạn nhân được quy định như thế nào?

Trả lời: Điều 18 Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH quy định trách nhiệm bảo đảm, giám sát về chất lượng dịch vụ hỗ trợ nạn nhân như sau:

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động, dịch vụ hỗ trợ nạn nhân có trách nhiệm bảo đảm chất lượng dịch vụ hỗ trợ nạn nhân.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, tổ chức đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ nạn nhân theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 19 và Điều 20 Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH; kịp thời tiếp nhận xử lý đối với phản ánh, kiến nghị về chất lượng dịch vụ hỗ trợ nạn nhân.

3. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia giám sát, đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ

nạn nhân; hỗ trợ, cộng tác với tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động, dịch vụ hỗ trợ nạn nhân và cơ quan quản lý nhà nước về hỗ trợ nạn nhân trong đánh giá và quản lý chất lượng dịch vụ hỗ trợ nạn nhân.

4. Cơ sở hỗ trợ nạn nhân, cơ sở bảo trợ xã hội ngoài việc đảm bảo chất lượng dịch vụ hỗ trợ nạn nhân theo tiêu chuẩn quy định tại Điều 19 và Điều 20 Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH còn phải đảm bảo quy định về tiêu chuẩn chăm sóc tại các cơ sở bảo trợ xã hội quy định tại Thông tư số 04/2011/TT-BLĐTBXH ngày 25/2/2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội¹.

Câu hỏi 54: *Việc kiểm tra, thanh tra và xử lý đối với hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân được quy định như thế nào?*

Trả lời: Điều 7 Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH quy định:

1. Định kỳ 06 tháng hoặc đột xuất khi cần thiết, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phải tổ chức đoàn kiểm tra, thanh tra về hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân, kịp thời phát hiện, xử lý

1. Thông tư số 04/2011/TT-BLĐTBXH ngày 25/02/2011 hiện đã hết hiệu lực, nội dung này hiện được quy định tại Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2017

các hành vi vi phạm pháp luật của cơ sở này, hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Đối với các hành vi vi phạm được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 17 Nghị định số 09/2013/NĐ-CP, đoàn kiểm tra phải lập biên bản kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục 13 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH. Căn cứ vào mức độ vi phạm, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tạm thời đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi giấy phép thành lập theo quy định.

Mẫu quyết định tạm thời đình chỉ hoạt động quy định tại Phụ lục 14; Mẫu quyết định thu hồi giấy phép thành lập quy định tại Phụ lục 15 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH.

Câu hỏi 55: Cơ sở hỗ trợ nạn nhân bị tạm thời đình chỉ hoạt động, thu hồi Giấy phép thành lập trong trường hợp nào?

Trả lời: Điều 17 Nghị định số 09/2013/NĐ-CP quy định:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tạm thời đình chỉ hoạt động cơ sở hỗ trợ nạn nhân trong các trường hợp sau đây:

a) Cơ sở hỗ trợ nạn nhân chưa đảm bảo điều

kiện hoạt động theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 09/2013/NĐ-CP; không thực hiện đúng các quy định, hướng dẫn chuyên môn về hỗ trợ nạn nhân của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

b) Cơ sở hỗ trợ nạn nhân không thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 16 Nghị định số 09/2013/NĐ-CP.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thu hồi Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân trong các trường hợp sau đây:

a) Cơ sở hỗ trợ nạn nhân không hoạt động trong thời gian 06 tháng, kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập; ngừng hoạt động 06 tháng liên tục mà không thông báo với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

b) Có dấu hiệu hoặc căn cứ cho rằng cơ sở lợi dụng hoạt động hỗ trợ nạn nhân để mua bán người, mua bán trẻ em; bóc lột, cưỡng bức lao động hoặc tiến hành các hoạt động bất hợp pháp khác;

c) Cơ sở hỗ trợ nạn nhân không báo cáo định kỳ theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hoạt động của cơ sở; không gửi báo cáo theo yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày cơ quan thanh tra, kiểm tra yêu cầu bằng văn bản;

d) Cơ sở hỗ trợ nạn nhân vi phạm các quy định về cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn

Giấy phép thành lập theo quy định tại Mục 1 Chương II Nghị định số 09/2013/NĐ-CP;

đ) Hết thời hạn tạm thời đình chỉ hoạt động mà cơ sở hỗ trợ nạn nhân không thực hiện theo các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản về việc vi phạm của cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 17 Nghị định số 09/2013/NĐ-CP, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phải làm văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định tạm thời đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi Giấy phép thành lập của cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định tạm thời đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi Giấy phép thành lập.

Câu hỏi 56: *Cơ sở hỗ trợ nạn nhân chấm dứt hoạt động trong trường hợp nào?*

Trả lời: Điều 18 Nghị định số 09/2013/NĐ-CP quy định:

1. Cơ sở hỗ trợ nạn nhân chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:

a) Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập;

b) Hết thời hạn hoạt động theo Giấy phép thành lập mà tổ chức, cá nhân thành lập không đề nghị gia hạn;

c) Hết thời gian hoạt động theo Giấy phép thành lập mà không được cơ quan có thẩm quyền gia hạn;

d) Bị thu hồi Giấy phép thành lập theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 09/2013/NĐ-CP.

2. Thủ tục, thời gian đề nghị chấm dứt hoạt động đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18 Nghị định số 09/2013/NĐ-CP gồm:

a) Tổ chức, cá nhân thành lập làm đơn đề nghị chấm dứt hoạt động theo mẫu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi cơ sở hỗ trợ nạn nhân đặt trụ sở;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị chấm dứt hoạt động, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phải có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có ý kiến bằng văn bản.

3. Trong thời hạn ít nhất 30 ngày làm việc, trước ngày dự kiến chấm dứt hoạt động của cơ sở theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 18

Nghị định số 09/2013/NĐ-CP, người đứng đầu cơ sở hỗ trợ nạn nhân phải gửi văn bản thông báo với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi cơ sở đặt trụ sở về việc chấm dứt hoạt động, phương án giải quyết đối với nạn nhân, người lao động, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan khác. Thời điểm dự kiến chấm dứt hoạt động phải được công bố công khai tại trụ sở của cơ sở.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định không gia hạn Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân hoặc ngày quyết định thu hồi Giấy phép theo quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều 18 Nghị định số 09/2013/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải công bố về việc chấm dứt hoạt động và nêu rõ thời điểm chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA CHÍNH PHỦ, CÁC BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG TRONG PHÒNG, CHỐNG MUA BÁN NGƯỜI

Câu hỏi 57: *Trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng, chống mua bán người được quy định như thế nào?*

Trả lời: Điều 41 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 quy định trách nhiệm quản lý nhà nước phòng, chống mua bán người, theo đó:

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về phòng, chống mua bán người.

2. Bộ Công an chịu trách nhiệm giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống mua bán người, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011.

3. Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, cơ quan ngang bộ khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công an thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống mua bán người, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Luật Phòng, chống mua bán người và pháp luật có liên quan.

4. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống mua bán người tại địa phương, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011.

Câu hỏi 58: *Trách nhiệm của Bộ Công an trong phòng, chống mua bán người được quy định như thế nào?*

Trả lời: Điều 42 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 quy định:

1. Trong việc thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống mua bán người, Bộ Công an có trách nhiệm:

a) Đề xuất với Chính phủ việc xây dựng, hoàn thiện pháp luật về phòng, chống mua bán người, ký kết hoặc gia nhập điều ước quốc tế có liên quan đến phòng, chống mua bán người;

b) Xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch về phòng, chống mua bán người;

c) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành hữu quan và chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch về phòng, chống mua bán người;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan ban hành và tổ chức thực hiện quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác phòng, chống mua bán người;

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan thực hiện chế độ báo cáo thống kê về phòng, chống mua bán người; tổng kết kinh nghiệm thực tiễn, nhân rộng các mô hình phòng, chống mua bán người;

e) Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về phòng, chống mua bán người;

g) Thực hiện hợp tác quốc tế trong phòng, chống mua bán người theo thẩm quyền.

2. Trong công tác đấu tranh phòng, chống mua bán người, Bộ Công an có trách nhiệm:

a) Bố trí lực lượng thực hiện nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống mua bán người;

b) Thực hiện quản lý an ninh, trật tự để phòng ngừa mua bán người;

c) Chỉ đạo cơ quan Công an thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận, xác minh, hỗ trợ nạn nhân theo quy định tại các điều 24, 25 và 26 của Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011;

d) Phát động phong trào toàn dân tham gia phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống tội phạm, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

Câu hỏi 59: *Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng trong phòng, chống mua bán người được quy định như thế nào?*

Trả lời: Điều 43 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 quy định Bộ Quốc phòng có trách nhiệm:

1. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành hữu quan tổ chức tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân ở địa bàn khu vực biên giới, hải đảo tham gia các hoạt động phòng, chống mua bán người.

2. Chỉ đạo lực lượng Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển thực hiện nhiệm vụ phòng, chống mua bán người tại khu vực biên giới và trên biển theo quy định của pháp luật, tiếp nhận, hỗ trợ nạn

nhân theo quy định tại Điều 25 và Điều 26 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011.

3. Thực hiện quản lý an ninh, trật tự tại khu vực biên giới, hải đảo và trên biển để phòng ngừa mua bán người.

4. Thực hiện hợp tác quốc tế trong phòng, chống mua bán người theo thẩm quyền.

Câu hỏi 60: Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong phòng, chống mua bán người được quy định như thế nào?

Trả lời: Điều 44 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 quy định Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:

1. Xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các chính sách hỗ trợ nạn nhân; hướng dẫn việc thực hiện các biện pháp hỗ trợ nạn nhân thuộc thẩm quyền.

2. Quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra công tác hỗ trợ nạn nhân.

3. Chỉ đạo việc lồng ghép nội dung phòng, chống mua bán người vào các chương trình giảm nghèo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, phòng, chống tệ nạn xã hội, bình đẳng giới, bảo vệ trẻ em.

4. Hướng dẫn cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân thực hiện việc hỗ trợ nạn nhân.

5. Phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào

tạo để chỉ đạo việc hỗ trợ y tế và hỗ trợ học văn hóa, học nghề.

6. Quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra công tác giới thiệu việc làm, đưa người Việt Nam đi lao động ở nước ngoài, tuyển dụng người nước ngoài làm việc tại Việt Nam nhằm phòng, chống việc lợi dụng các hoạt động này để mua bán người.

7. Thực hiện hợp tác quốc tế trong phòng, chống mua bán người theo thẩm quyền.

Câu hỏi 61: *Trách nhiệm của Bộ Y tế trong phòng, chống mua bán người được quy định như thế nào?*

Trả lời: Điều 45 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 quy định Bộ Y tế có trách nhiệm:

Chỉ đạo, hướng dẫn cơ sở y tế thực hiện việc phối hợp với cơ sở bảo trợ xã hội và cơ sở hỗ trợ nạn nhân trong hỗ trợ y tế cho nạn nhân.

Câu hỏi 62: *Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao trong phòng, chống mua bán người được quy định như thế nào?*

Trả lời: Điều 46 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 quy định Bộ Ngoại giao có trách nhiệm:

1. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thực hiện công tác bảo hộ đối với công dân Việt Nam là nạn nhân bị mua

bán ra nước ngoài; phối hợp với cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và của nước ngoài thực hiện việc xác minh làm các thủ tục cần thiết để đưa nạn nhân là công dân Việt Nam về nước.

2. Phối hợp với Bộ Công an và cơ quan khác có thẩm quyền thực hiện hợp tác quốc tế trong phòng, chống mua bán người.

Câu hỏi 63: *Trách nhiệm của Bộ Tư pháp trong phòng, chống mua bán người được quy định như thế nào?*

Trả lời: Điều 47 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 quy định Bộ Tư pháp có trách nhiệm:

1. Phối hợp với Bộ Công an và các cơ quan hữu quan trong việc xây dựng, hoàn thiện và theo dõi thi hành pháp luật về phòng, chống mua bán người.

2. Tổ chức, hướng dẫn công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống mua bán người.

3. Quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra hoạt động hỗ trợ kết hôn, cho, nhận con nuôi nhằm phòng, chống việc lợi dụng các hoạt động này để mua bán người.

4. Hướng dẫn các trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và các tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý thực hiện trợ giúp pháp lý cho nạn nhân bị mua bán theo quy định của pháp luật.

5. Phối hợp với Bộ Công an và các cơ quan

khác có thẩm quyền thực hiện hợp tác quốc tế trong phòng, chống mua bán người.

Câu hỏi 64: *Trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong phòng, chống mua bán người được quy định như thế nào?*

Trả lời: Điều 48 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 quy định Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm:

1. Chỉ đạo việc lồng ghép nội dung phòng, chống mua bán người vào các chương trình văn hóa, du lịch, gia đình.

2. Quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra hoạt động du lịch trong nước và quốc tế, hoạt động của cơ sở lưu trú du lịch, các cơ sở dịch vụ du lịch nhằm phòng, chống việc lợi dụng các hoạt động này để mua bán người.

3. Tổ chức, hướng dẫn việc tuyên truyền về phòng, chống mua bán người ở cơ sở và trong hoạt động kinh doanh của cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở dịch vụ du lịch.

Câu hỏi 65: *Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong phòng, chống mua bán người được quy định như thế nào?*

Trả lời: Điều 49 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 quy định Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm:

1. Chỉ đạo việc lồng ghép kiến thức phòng, chống mua bán người vào chương trình học tập ngoại khóa phù hợp với yêu cầu của từng cấp học, ngành học, việc tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống mua bán người cho học sinh, sinh viên, học viên.

2. Chỉ đạo nhà trường và các cơ sở giáo dục khác thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 14 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011.

3. Quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc đưa người đi học tập ở nước ngoài nhằm phòng, chống việc lợi dụng hoạt động này để mua bán người.

Câu hỏi 66: Trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông trong phòng, chống mua bán người được quy định như thế nào?

Trả lời: Điều 50 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 quy định Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

1. Chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 16 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011.

2. Quản lý chặt chẽ, thường xuyên kiểm tra, thanh tra cơ sở cung cấp dịch vụ Internet nhằm phòng ngừa, ngăn chặn việc lợi dụng hoạt động này để mua bán người.

Câu hỏi 67: *Trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân trong phòng, chống mua bán người được quy định như thế nào?*

Trả lời: Điều 51 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 quy định:

1. Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình xử lý kịp thời, nghiêm minh hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống mua bán người; phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan trong đấu tranh phòng, chống mua bán người.

2. Viện kiểm sát nhân dân tối cao thực hiện việc thống kê tội phạm mua bán người.

Câu hỏi 68: *Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong phòng, chống mua bán người được quy định như thế nào?*

Trả lời: Điều 52 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 quy định:

1. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm:

a) Lồng ghép nội dung phòng, chống mua bán người vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội;

b) Tổ chức thực hiện công tác phòng, chống mua bán người;

c) Bố trí ngân sách cho công tác phòng, chống mua bán người;

d) Xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống mua bán người;

đ) Tổ chức thực hiện công tác quản lý an ninh, trật tự để phòng, chống mua bán người.

2. Cùng với việc thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 52 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011, Ủy ban nhân dân cấp xã còn có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và các tổ chức thành viên của Mặt trận tổ chức, tạo điều kiện cho hoạt động tư vấn về phòng, chống mua bán người ở cơ sở;

b) Tiếp nhận nạn nhân và thực hiện việc hỗ trợ cho nạn nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011;

c) Tạo điều kiện cho nạn nhân hòa nhập cộng đồng.

VI. HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG PHÒNG, CHỐNG MUA BÁN NGƯỜI

Câu hỏi 69: Nguyên tắc hợp tác quốc tế trong phòng, chống mua bán người được quy định như thế nào?

Điều 53 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 quy định:

Nhà nước Việt Nam thực hiện chính sách hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống mua bán người trên nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện, tôn trọng độc lập, chủ quyền.

Câu hỏi 70: *Việc thực hiện hợp tác với các cơ quan hữu quan của các nước, các tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài trong phòng, chống mua bán người được quy định như thế nào?*

Trả lời: Điều 54 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 quy định:

1. Trên cơ sở các quy định của Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 và các điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thực hiện việc hợp tác với các cơ quan hữu quan của các nước, các tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài trong việc tăng cường năng lực pháp luật, thông tin, công nghệ và đào tạo về phòng, chống mua bán người.

2. Việc phối hợp giữa các cơ quan hữu quan của Việt Nam với các cơ quan hữu quan của nước ngoài để giải quyết vụ việc về mua bán người thực hiện theo quy định của các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Trong trường hợp Việt Nam và nước có liên quan không cùng tham gia điều ước quốc tế thì

các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thực hiện việc hợp tác quốc tế trên nguyên tắc có đi có lại, phù hợp với pháp luật của Việt Nam, pháp luật và tập quán quốc tế.

Câu hỏi 71: Việc hợp tác quốc tế trong giải cứu và hồi hương nạn nhân bị mua bán được quy định như thế nào?

Trả lời: Điều 55 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 quy định:

1. Nhà nước Việt Nam tạo điều kiện để các cơ quan chức năng của Việt Nam hợp tác với các cơ quan hữu quan của nước ngoài trong việc giải cứu, bảo vệ nạn nhân bị mua bán.

2. Nhà nước Việt Nam tạo điều kiện thuận lợi trong việc hồi hương nạn nhân là người nước ngoài trở về nước mà người đó có quốc tịch hoặc có nơi thường trú cuối cùng; áp dụng các biện pháp để việc hồi hương nạn nhân được tiến hành theo đúng pháp luật và thỏa thuận quốc tế giữa Việt Nam với các nước, bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của nạn nhân.

Câu hỏi 72: Việc tương trợ tư pháp giữa Việt Nam và nước liên quan trong phòng, chống mua bán người được quy định như thế nào?

Trả lời: Điều 56 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 quy định:

Quan hệ tương trợ tư pháp giữa Việt Nam và nước có liên quan được thực hiện trên cơ sở các điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước đó cùng là thành viên hoặc trên nguyên tắc có đi có lại phù hợp với pháp luật của Việt Nam, pháp luật và tập quán quốc tế.

Nhà nước Việt Nam dành ưu tiên cho nước ký kết điều ước quốc tế song phương với Việt Nam sự tương trợ tư pháp trong hoạt động phòng, chống mua bán người.

VII. PHÁT HIỆN, XỬ LÝ HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG MUA BÁN NGƯỜI

Câu hỏi 73: *Việc tố giác, tin báo, tố cáo hành vi vi phạm về phòng, chống mua bán người được quy định như thế nào?*

Trả lời: Điều 19 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 quy định:

1. Cá nhân có nghĩa vụ tố giác, tố cáo hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 3 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 với cơ quan Công an, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) hoặc với bất kỳ cơ quan, tổ chức nào.

2. Cơ quan, tổ chức khi phát hiện hoặc nhận được tố giác, tin báo, tố cáo về hành vi bị nghiêm

cấm quy định tại Điều 3 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 có trách nhiệm xử lý theo thẩm quyền hoặc kịp thời thông báo với cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 74: *Hoạt động kiểm tra, thanh tra phát hiện hành vi vi phạm về phòng, chống mua bán người được quy định như thế nào?*

Trả lời: Điều 20 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 quy định:

1. Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm thường xuyên tự kiểm tra việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình; trường hợp phát hiện hành vi quy định tại Điều 3 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 thì phải xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thông qua hoạt động kiểm tra, thanh tra chủ động phát hiện, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý hành vi quy định tại Điều 3 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011.

Câu hỏi 75: *Việc phát hiện, ngăn chặn hành vi vi phạm về phòng, chống mua bán người thông qua hoạt động nghiệp vụ phòng, chống tội phạm được quy định như thế nào?*

Trả lời: Điều 21 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 quy định:

Cơ quan, đơn vị, cá nhân trong Công an nhân dân, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ phòng, chống mua bán người có trách nhiệm thực hiện các hoạt động sau đây:

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị hữu quan phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 3 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 tại các địa bàn được phân công phụ trách;

2. Áp dụng biện pháp nghiệp vụ trình sát theo quy định để phát hiện, ngăn chặn các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 3 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011;

3. Yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan phục vụ cho việc phát hiện, điều tra và xử lý các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 3 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011;

4. Áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ nạn nhân, người tố giác, người làm chứng, người thân thích của họ khi bị xâm hại hoặc bị đe dọa xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và tài sản.

Câu hỏi 76: Việc giải quyết tin báo, tố giác, tố cáo hành vi vi phạm về phòng, chống mua bán người được quy định như thế nào?

Trả lời: Điều 22 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 quy định:

1. Việc giải quyết tin báo, tố giác tội phạm mua bán người được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Việc giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống mua bán người được thực hiện theo pháp luật về tố cáo.

Câu hỏi 77: Việc xử lý hành vi vi phạm về phòng, chống mua bán người được quy định như thế nào?

Trả lời: Điều 23 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 quy định:

1. Người thực hiện hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 3 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Người lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bao che, dung túng, xử lý không đúng hoặc không xử lý hành vi quy định tại Điều 3 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Người giả mạo là nạn nhân thì ngoài việc bị xử lý theo quy định của pháp luật còn phải hoàn trả khoản kinh phí hỗ trợ đã nhận.

Câu hỏi 78: Quyết định hình phạt đối với người phạm tội mua bán người được quy định như thế nào?

Trả lời: Điều 50 đến Điều 59 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định về quyết định hình phạt đối với người phạm tội trong đó có tội mua bán người như sau:

** Căn cứ quyết định hình phạt (Điều 50):*

1. Khi quyết định hình phạt, Tòa án căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự.

2. Khi quyết định áp dụng hình phạt tiền, ngoài căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Tòa án căn cứ vào tình hình tài sản, khả năng thi hành của người phạm tội.

** Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (Điều 51):*

1. Các tình tiết sau đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

a) Người phạm tội đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm;

b) Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả;

c) Phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng;

d) Phạm tội trong trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết;

đ) Phạm tội trong trường hợp vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội;

e) Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra;

g) Phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do mình tự gây ra;

h) Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn;

i) Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;

k) Phạm tội vì bị người khác đe dọa hoặc cưỡng bức;

l) Phạm tội trong trường hợp bị hạn chế khả năng nhận thức mà không phải do lỗi của mình gây ra;

m) Phạm tội do lạc hậu;

n) Người phạm tội là phụ nữ có thai;

o) Người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên;

p) Người phạm tội là người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng;

q) Người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình;

r) Người phạm tội tự thú;

s) Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải;

t) Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án;

u) Người phạm tội đã lập công chuộc tội;

v) Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác;

x) Người phạm tội là người có công với cách mạng hoặc là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ.

2. Khi quyết định hình phạt, Tòa án có thể coi đầu thú hoặc tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi rõ lý do giảm nhẹ trong bản án.

3. Các tình tiết giảm nhẹ đã được Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung thì không được coi là tình tiết giảm nhẹ trong khi quyết định hình phạt.

** Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (Điều 52):*

1. Chỉ các tình tiết sau đây mới là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

a) Phạm tội có tổ chức;

b) Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp;

c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội;

d) Phạm tội có tính chất côn đồ;

đ) Phạm tội vì động cơ đê hèn;

e) Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng;

g) Phạm tội 02 lần trở lên;

h) Tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm;

i) Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai hoặc người đủ 70 tuổi trở lên;

k) Phạm tội đối với người ở trong tình trạng không thể tự vệ được, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng, người bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc người lệ thuộc mình về mặt vật chất, tinh thần, công tác hoặc các mặt khác;

l) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp, thiên tai, dịch bệnh hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để phạm tội;

m) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt hoặc tàn ác để phạm tội;

n) Dùng thủ đoạn hoặc phương tiện có khả năng gây nguy hại cho nhiều người để phạm tội;

o) Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội;

p) Có hành động xảo quyệt hoặc hung hãn nhằm trốn tránh hoặc che giấu tội phạm.

2. Các tình tiết đã được Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng.

** Tái phạm, tái phạm nguy hiểm (Điều 53):*

1. Tái phạm là trường hợp đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý hoặc thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do vô ý.

2. Những trường hợp sau đây được coi là tái phạm nguy hiểm:

a) Đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý;

b) Đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý.

** Quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng (Điều 54):*

1. Tòa án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật khi người phạm tội có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

2. Tòa án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng không bắt buộc phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật đối với người phạm tội lần đầu là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể.

3. Trong trường hợp có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 nhưng điều luật chỉ có một khung hình phạt hoặc

khung hình phạt đó là khung hình phạt nhẹ nhất, thì Tòa án có thể quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt hoặc chuyển sang một hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn. Lý do của việc giảm nhẹ phải được ghi rõ trong bản án.

** Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội (Điều 55):*

Khi xét xử cùng 01 lần một người phạm nhiều tội, Tòa án quyết định hình phạt đối với từng tội và tổng hợp hình phạt theo quy định sau đây:

1. Đối với hình phạt chính:

a) Nếu các hình phạt đã tuyên cùng là cải tạo không giam giữ hoặc cùng là tù có thời hạn, thì các hình phạt đó được cộng lại thành hình phạt chung; hình phạt chung không được vượt quá 03 năm đối với hình phạt cải tạo không giam giữ, 30 năm đối với hình phạt tù có thời hạn;

b) Nếu các hình phạt đã tuyên là cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn, thì hình phạt cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành hình phạt tù theo tỷ lệ cứ 03 ngày cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành 01 ngày tù để tổng hợp thành hình phạt chung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

c) Nếu hình phạt nặng nhất trong số các hình phạt đã tuyên là tù chung thân thì hình phạt chung là tù chung thân;

d) Nếu hình phạt nặng nhất trong số các hình phạt đã tuyên là tử hình thì hình phạt chung là tử hình;

đ) Phạt tiền không tổng hợp với các loại hình phạt khác; các khoản tiền phạt được cộng lại thành hình phạt chung;

e) Trục xuất không tổng hợp với các loại hình phạt khác.

2. Đối với hình phạt bổ sung:

a) Nếu các hình phạt đã tuyên là cùng loại thì hình phạt chung được quyết định trong giới hạn do Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định đối với loại hình phạt đó; riêng đối với hình phạt tiền thì các khoản tiền phạt được cộng lại thành hình phạt chung;

b) Nếu các hình phạt đã tuyên là khác loại thì người bị kết án phải chấp hành tất cả các hình phạt đã tuyên.

** Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án (Điều 56):*

1. Trong trường hợp một người đang phải chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về tội đã phạm trước khi có bản án này, thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội đang bị xét xử, sau đó quyết định hình phạt chung theo quy định tại Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án trước được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung.

2. Khi xét xử một người đang phải chấp hành một bản án mà lại thực hiện hành vi phạm tội mới, Tòa án quyết định hình phạt đối với tội mới, sau đó tổng hợp với phần hình phạt chưa chấp hành của bản án trước rồi quyết định hình phạt chung theo quy định tại Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

3. Trong trường hợp một người phải chấp hành nhiều bản án đã có hiệu lực pháp luật mà các hình phạt của các bản án chưa được tổng hợp, thì Chánh án Tòa án có thẩm quyền ra quyết định tổng hợp hình phạt của các bản án theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

** Quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt (Điều 57):*

1. Đối với hành vi chuẩn bị phạm tội và hành vi phạm tội chưa đạt, hình phạt được quyết định theo các điều của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 về các tội phạm tương ứng tùy theo tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, mức độ thực hiện ý định phạm tội và những tình tiết khác khiến cho tội phạm không thực hiện được đến cùng.

2. Đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội, hình phạt được quyết định trong phạm vi khung hình phạt được quy định trong các điều luật cụ thể.

3. Đối với trường hợp phạm tội chưa đạt, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình thì áp dụng hình phạt tù không quá 20 năm; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định.

** Quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm (Điều 58):*

Khi quyết định hình phạt đối với những người đồng phạm, Tòa án phải xét đến tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm.

Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng hoặc loại trừ trách nhiệm hình sự thuộc người đồng phạm nào, thì chỉ áp dụng đối với người đó.

** Miễn hình phạt (Điều 59):*

Người phạm tội có thể được miễn hình phạt nếu thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 mà đáng được khoan hồng đặc biệt nhưng chưa đến mức được miễn trách nhiệm hình sự.

Câu hỏi 79: Cơ sở xác định tội mua bán người và hình phạt đối với tội mua bán người được quy định như thế nào?

Trả lời: Điều 150 Bộ luật Hình sự năm 2015,

sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định về cơ sở xác định tội mua bán người và khung hình phạt đối với tội mua bán người như sau:

• *Cơ sở xác định tội mua bán người:*

Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lừa gạt hoặc thủ đoạn khác thực hiện một trong các hành vi sau đây sẽ đủ yếu tố cấu thành tội mua bán người:

a) Chuyển giao hoặc tiếp nhận người để giao, nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác;

b) Chuyển giao hoặc tiếp nhận người để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác;

c) Tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người khác để thực hiện hành vi quy định tại điểm a hoặc điểm b nêu trên.

• *Hình phạt đối với tội mua bán người:*

- Hình phạt chính:

1. Phạt tù từ 05 năm đến 10 năm đối với người thực hiện một trong các hành vi cấu thành tội mua bán người.

2. Người thực hiện một trong các hành vi cấu thành tội mua bán người và phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 08 năm đến 15 năm:

a) Có tổ chức;

b) Vì động cơ đê hèn;

c) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%, nếu không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 150 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

d) Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

đ) Đối với từ 02 đến 05 người;

e) Phạm tội 02 lần trở lên.

3. Người thực hiện một trong các hành vi cấu thành tội mua bán người và phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:

a) Có tính chất chuyên nghiệp;

b) Đã lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân;

c) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

d) Làm nạn nhân chết hoặc tự sát;

đ) Đối với 06 người trở lên;

e) Tái phạm nguy hiểm.

- Hình phạt bổ sung:

Người phạm tội ngoài việc bị áp dụng hình phạt chính nêu trên còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Câu hỏi 80: Cơ sở xác định tội mua bán người dưới 16 tuổi và hình phạt đối với tội mua bán người dưới 16 tuổi được quy định như thế nào?

Trả lời: Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định về cơ sở xác định tội mua bán người và khung hình phạt đối với tội mua bán người như sau:

• *Cơ sở xác định tội mua bán người dưới 16 tuổi:*

Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây sẽ đủ yếu tố cấu thành tội mua bán người dưới 16 tuổi:

a) Chuyển giao hoặc tiếp nhận người dưới 16 tuổi để giao, nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác, trừ trường hợp vì mục đích nhân đạo;

b) Chuyển giao hoặc tiếp nhận người dưới 16 tuổi để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác;

c) Tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người dưới 16 tuổi để thực hiện hành vi quy định tại điểm a hoặc điểm b nêu trên.

• *Hình phạt đối với tội mua bán người dưới 16 tuổi:*

- Hình phạt chính:

1. Phạt tù từ 07 năm đến 12 năm đối với người thực hiện một trong các hành vi cấu thành tội mua bán người dưới 16 tuổi.

2. Người thực hiện một trong các hành vi cấu thành tội mua bán người dưới 16 tuổi và phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:

- a) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
- b) Lợi dụng hoạt động cho, nhận con nuôi để phạm tội;
- c) Đối với từ 02 người đến 05 người;
- d) Đối với người mà mình có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng;
- đ) Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- e) Phạm tội 02 lần trở lên;
- g) Vì động cơ đê hèn;
- h) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%, nếu không thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 3 Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

3. Người thực hiện một trong các hành vi cấu thành tội mua bán người dưới 16 tuổi và phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 18 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

- a) Có tổ chức;
- b) Có tính chất chuyên nghiệp;
- c) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

- d) Đã lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân;
- đ) Làm nạn nhân chết hoặc tự sát;
- e) Đối với 06 người trở lên;
- g) Tái phạm nguy hiểm.

- Hình phạt bổ sung:

Người phạm tội ngoài việc bị áp dụng hình phạt chính nêu trên còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Chương III

CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC VỀ PHÒNG, CHỐNG MUA BÁN NGƯỜI

I. QUY ĐỊNH CHUNG

Nhà nước ta đã xác định: Phòng, chống mua bán người là một nội dung của chương trình phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và được kết hợp với việc thực hiện các chương trình khác về phát triển kinh tế - xã hội. Hằng năm, Nhà nước bố trí ngân sách cho công tác phòng, chống mua bán người.

Để tăng cường hoạt động phòng, chống mua bán người và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán, tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 và Điều 2 Nghị định số 09/2013/NĐ-CP có quy định:

- Nhà nước khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước tham gia, hợp tác, tài trợ cho hoạt động phòng, chống mua bán người và hỗ trợ nạn nhân.

- Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo

quy định pháp luật; đồng thời hỗ trợ nguồn lực cho cơ sở bảo trợ xã hội công lập thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ nạn nhân.

- Tổ chức, cá nhân thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân được hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao môi trường.

- Nhà nước có chính sách khen thưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác phòng, chống mua bán người; bảo đảm chế độ, chính sách đối với người tham gia phòng, chống mua bán người bị thiệt hại về tính mạng, sức khỏe hoặc tài sản theo quy định của pháp luật.

- Hằng năm Nhà nước bố trí ngân sách cho công tác phòng chống mua bán người

II. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ NẠN NHÂN

Câu hỏi 81: *Đối tượng hỗ trợ và chế độ hỗ trợ đối với nạn nhân bị mua bán được quy định như thế nào?*

Trả lời: Điều 32 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 quy định đối tượng, chế độ hỗ trợ nạn nhân bị mua bán như sau:

1. *Nạn nhân là công dân Việt Nam, người không quốc tịch thường trú ở Việt Nam, thì tùy trường hợp quy định tại các điều 33, 34, 35, 36, 37*

và 38 của Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 được hưởng các chế độ hỗ trợ sau đây:

- a) Hỗ trợ về nhu cầu thiết yếu và chi phí đi lại;
- b) Hỗ trợ y tế;
- c) Hỗ trợ tâm lý;
- d) Trợ giúp pháp lý;
- đ) Hỗ trợ học văn hóa, học nghề;
- e) Trợ cấp khó khăn ban đầu, hỗ trợ vay vốn.

2. Nạn nhân là người nước ngoài bị mua bán tại Việt Nam, thì tùy trường hợp quy định tại các điều 33, 34, 35 và 36 của Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 được hưởng các chế độ hỗ trợ quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 32 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011.

3. Người chưa thành niên đi cùng nạn nhân, thì tùy trường hợp quy định tại các điều 33, 34 và 35 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011 được hưởng chế độ hỗ trợ quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 32 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011.

Câu hỏi 82: Chế độ hỗ trợ nhu cầu thiết yếu và chi phí đi lại trực tiếp đối với nạn nhân bị mua bán được quy định như thế nào?

Trả lời: Điều 19 Nghị định số 09/2013/NĐ-CP và khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch số 134/2013/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 25/9/2013 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và

Xã hội hướng dẫn nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân quy định tại Nghị định số 09/2013/NĐ-CP (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 134/2013/TTLT-BTC-BLĐTBXH) quy định chế độ hỗ trợ nhu cầu thiết yếu và chi phí đi lại cho nạn nhân bị mua bán, theo đó:

1. *Đối tượng hỗ trợ*, gồm những trường hợp sau đây:

a) Nạn nhân là công dân Việt Nam, người không quốc tịch thường trú ở Việt Nam, người nước ngoài bị mua bán tại Việt Nam;

b) Người trong thời gian chờ xác minh là nạn nhân theo quy định tại Điều 24, Điều 25 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011;

c) Người chưa thành niên đi cùng nạn nhân.

2. *Chế độ hỗ trợ và mức chi hỗ trợ*, được quy định như sau:

a) Hỗ trợ tiền ăn trong thời gian tạm trú tại cơ sở bảo trợ, cơ sở hỗ trợ nạn nhân. Thời gian hỗ trợ tối đa từ nguồn ngân sách nhà nước không quá 60 ngày. Mức hỗ trợ tối thiểu 30.000 đồng/người/ngày.

b) Hỗ trợ quần áo, vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết. Nạn nhân trong thời gian tạm trú tại cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân được cấp 02 bộ quần áo dài, 02 bộ quần áo lót, khăn mặt, dép nhựa, bàn chải, thuốc đánh răng, xà phòng, băng vệ sinh (đối với nạn nhân là nữ). Mức chi được tính trên cơ sở giá mua thực tế tại địa phương nhưng không quá 400.000 đồng/nạn nhân.

c) Nạn nhân có nguyện vọng trở về nơi cư trú nhưng không có khả năng chi trả tiền tàu xe và tiền ăn trong thời gian đi đường thì được hỗ trợ tiền ăn trong những ngày đi trên đường; hỗ trợ tiền tàu xe:

- Tiền tàu xe: mức chi theo giá phương tiện công cộng phổ thông. Trường hợp nạn nhân là người chưa thành niên, cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải cứu, hỗ trợ nạn nhân bố trí cán bộ đưa nạn nhân về nơi cư trú bằng phương tiện của cơ quan, đơn vị, chi phí tính theo số km và tiêu hao nhiên liệu thực tế; trường hợp thuê xe bên ngoài thì giá thuê xe theo hợp đồng thỏa thuận và phù hợp với giá cả trên địa bàn cùng thời điểm;

- Tiền ăn trong những ngày đi đường: mức chi tối thiểu là 40.000 đồng/người/ngày, tối đa không quá 5 ngày.

Nạn nhân là người chưa thành niên thì Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện, thị xã thuộc tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng có trách nhiệm tự mình hoặc phối hợp với cơ sở hỗ trợ nạn nhân, cơ sở bảo trợ xã hội đưa nạn nhân về nơi người thân thích cư trú.

3. Trách nhiệm thực hiện việc hỗ trợ:

a) Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện việc hỗ trợ nhu cầu thiết yếu quy định tại điểm a, điểm b

mục 2 đã nêu trên gồm: Ủy ban nhân dân cấp xã; cơ quan Công an, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển (đơn vị tiếp nhận, giải cứu nạn nhân); cơ sở hỗ trợ nạn nhân; cơ sở bảo trợ xã hội.

Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã; cơ quan Công an, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển (đơn vị tiếp nhận, giải cứu nạn nhân) không có điều kiện bố trí ăn, ở cho nạn nhân, sau khi tiếp nhận, giải cứu và làm các thủ tục xác định nạn nhân, cơ quan tiếp nhận, giải cứu chuyển nạn nhân đến cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân để thực hiện việc hỗ trợ theo quy định.

b) Cơ quan chịu trách nhiệm hỗ trợ tiền tàu xe và tiền ăn theo quy định tại điểm c mục 2 đã nêu trên gồm: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện; cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

Trường hợp nạn nhân là người chưa thành niên thì cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân chịu trách nhiệm cử người giám hộ trong suốt quá trình nạn nhân ở cơ sở, khi làm các thủ tục pháp lý để trở về nơi cư trú.

Căn cứ các chế độ hỗ trợ, mức chi hỗ trợ cho nạn nhân và tình hình thực tế của địa phương, các cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện chế độ hỗ trợ theo quy định lập dự toán trong ngân sách chi thường xuyên hàng năm của đơn vị trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Câu hỏi 83: Chế độ hỗ trợ y tế trực tiếp đối với nạn nhân bị mua bán được quy định như thế nào?

Trả lời: Điều 20 Nghị định số 09/2013/NĐ-CP và khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 134/2013/TTLT-BTC-BLĐTBXH quy định chế độ hỗ trợ y tế cho nạn nhân bị mua bán, theo đó:

1. *Đối tượng hỗ trợ*, gồm: nạn nhân trong thời gian lưu trú tại cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

2. *Chế độ hỗ trợ y tế*, gồm: chi phí khám bệnh và chi phí chữa bệnh.

3. *Mức chi hỗ trợ*:

a) Hỗ trợ tiền thuốc thông thường: Trong thời gian nạn nhân lưu trú tại cơ sở được hỗ trợ mức 50.000 đồng/nạn nhân.

b) Trường hợp nạn nhân bị ốm nặng phải chuyển đến cơ sở y tế điều trị thì chi phí khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở y tế do nạn nhân hoặc gia đình nạn nhân tự thanh toán.

- Đối với nạn nhân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên được cơ sở hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo mức bằng mức quỹ bảo hiểm y tế chi trả cho các đối tượng tương ứng.

- Đối với nạn nhân không còn thân nhân được cơ sở hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo

mức bằng mức quỹ bảo hiểm y tế chi trả cho đối tượng thuộc hộ nghèo.

- Trường hợp đối tượng có thể bảo hiểm y tế còn thời hạn sử dụng thì được quỹ bảo hiểm y tế chi trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

c) Trường hợp nạn nhân chết trong thời gian lưu trú tại cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân, sau 24 giờ, kể từ khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền mà thân nhân không đến kịp hoặc không có điều kiện mai táng thì cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân có trách nhiệm tổ chức mai táng. Chi phí giám định pháp y, chi phí mai táng thực hiện theo quy định đối với đối tượng tại các Trung tâm bảo trợ xã hội.

Căn cứ nội dung chi, mức chi hỗ trợ và tình hình thực tế của địa phương, cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân lập dự toán chi phí hỗ trợ y tế hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Câu hỏi 84: Chế độ hỗ trợ tâm lý đối với nạn nhân bị mua bán được quy định như thế nào?

Trả lời: Điều 21 Nghị định số 09/2013/NĐ-CP quy định chế độ hỗ trợ tâm lý cho nạn nhân bị mua bán như sau:

1. *Đối tượng hỗ trợ*, gồm: nạn nhân trong thời gian lưu trú tại cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

2. *Chế độ hỗ trợ tâm lý cho nạn nhân*, gồm: tư vấn, tham vấn tâm lý cho nạn nhân và thực hiện các liệu pháp trị liệu nhóm.

3. *Cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân có trách nhiệm*: tổ chức các hoạt động hỗ trợ giúp nạn nhân ổn định tâm lý trong thời gian lưu trú. Đối với nạn nhân là người chưa thành niên, cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân có trách nhiệm liên hệ, đánh giá về mức độ an toàn đối với nạn nhân khi trở về gia đình hoặc nơi cư trú trước khi đưa nạn nhân trở về.

Câu hỏi 85: *Chế độ trợ giúp pháp lý đối với nạn nhân bị mua bán được quy định như thế nào?*

Trả lời: Điều 22 Nghị định số 09/2013/NĐ-CP quy định chế độ trợ giúp pháp lý cho nạn nhân bị mua bán như sau:

1. *Đối tượng hỗ trợ*, gồm:

a) Nạn nhân là công dân Việt Nam, người không quốc tịch thường trú ở Việt Nam;

b) Nạn nhân là người nước ngoài bị mua bán tại Việt Nam.

2. *Chế độ trợ giúp pháp lý*, gồm: tư vấn pháp luật để phòng ngừa bị mua bán trở lại; trợ giúp làm thủ tục đăng ký hộ khẩu, hộ tịch, nhận chế độ hỗ trợ, đòi bồi thường thiệt hại, tham gia tố tụng và các thủ tục pháp lý khác có liên quan đến vụ việc mua bán người.

3. *Trình tự, thủ tục trợ giúp pháp lý* được thực hiện theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý.

Câu hỏi 86: Chế độ hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu đối với nạn nhân bị mua bán được quy định như thế nào?

Trả lời: Điều 23 Nghị định số 09/2013/NĐ-CP và khoản 3 Điều 4 Thông tư liên tịch số 134/2013/TTLT-BTC-BLĐTBXH và Điều 16 Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH quy định chế độ và quy trình thủ tục hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân bị mua bán, theo đó:

1. *Đối tượng hỗ trợ* gồm nạn nhân là công dân Việt Nam, người không quốc tịch thường trú ở Việt Nam.

2. *Chế độ hỗ trợ* học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu gồm:

a) Nạn nhân thuộc hộ nghèo được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015, Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số

49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và văn bản hướng dẫn Nghị định¹.

b) Trường hợp nạn nhân học nghề trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng được hỗ trợ một lần chi phí học nghề. Mức hỗ trợ theo chi phí đào tạo nghề ngắn hạn tương ứng tại các cơ sở đào tạo nghề ở địa phương nhưng tối đa không vượt quá mức quy định tại Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” và các văn bản hướng dẫn thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg².

c) Đối với nạn nhân thuộc hộ nghèo khi trở về nơi cư trú được hỗ trợ một lần tiền trợ cấp khó khăn ban đầu với mức hỗ trợ tối thiểu là 1.000.000 đồng/người.

1. Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ hiện đã hết hiệu lực và được thay thế bằng Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 145/2018/NĐ-CP ngày 16/10/2018 và Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019).

2. Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ hiện được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

3. *Thủ tục thực hiện chi hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân bị mua bán được quy định như sau:*

a) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ của nạn nhân hoặc của gia đình nạn nhân có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã theo mẫu quy định tại Phụ lục 16 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH;

- Một trong các loại giấy xác nhận sau:

+ Giấy xác nhận nạn nhân của cơ quan Công an cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011;

+ Giấy xác nhận nạn nhân của cơ quan giải cứu theo quy định tại Điều 25 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011;

+ Giấy xác nhận nạn nhân của cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân;

+ Giấy tờ, tài liệu do cơ quan nước ngoài cấp đã được cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài hoặc Bộ Ngoại giao Việt Nam hợp pháp hóa lãnh sự chứng minh người đó là nạn nhân.

b) Trình tự và thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền xác nhận là nạn nhân, nạn nhân hoặc gia đình nạn nhân làm đơn gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn của nạn nhân hoặc gia đình nạn nhân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện có trách nhiệm thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trình của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định chi hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân.

Câu hỏi 87: Việc tổ chức thực hiện và kết nối các dịch vụ hỗ trợ nạn nhân bị mua bán tại cộng đồng được quy định như thế nào?

Trả lời: Khoản 3 Điều 16 Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH quy định:

a) Trong quá trình hỗ trợ nạn nhân, căn cứ vào khả năng cung cấp dịch vụ, nguyện vọng của nạn nhân, người được giao trách nhiệm trực tiếp thực hiện việc hỗ trợ nạn nhân của các cơ quan liên quan hoặc người phụ trách bộ phận hỗ trợ nạn nhân của cơ sở bảo trợ, cơ sở hỗ trợ nạn nhân đề xuất với Thủ trưởng đơn vị chuyển gửi nạn nhân tới đơn vị cung cấp dịch vụ khác phù hợp;

b) Theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện việc hỗ trợ nạn nhân phải tổ chức tiếp nhận nạn nhân khi được chuyển đến và thực hiện việc hỗ trợ nạn nhân theo quy định của pháp luật.

Trường hợp từ chối tiếp nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối để đơn vị chuyển gửi biết.

Câu hỏi 88: Chế độ hỗ trợ vay vốn đối với nạn nhân bị mua bán được quy định như thế nào?

Trả lời: Điều 24 Nghị định số 09/2013/NĐ-CP quy định:

Nạn nhân có nhu cầu vay vốn để sản xuất, kinh doanh được xem xét tạo điều kiện vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội. Điều kiện, thời hạn và mức vốn cho vay thực hiện theo quy định hiện hành đối với các dự án vay vốn từ Quỹ quốc gia giải quyết việc làm.

Câu hỏi 89: Nội dung và mức chi hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trong thời gian chờ thu xếp về nước do cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thực hiện được quy định như thế nào?

Trả lời: Điều 5 Thông tư liên tịch số 134/2013/TTLT-BTC-BLĐTBXH quy định nội dung và mức chi hỗ trợ nạn nhân trong thời gian chờ thu xếp về nước do cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thực hiện như sau:

1. Nguồn kinh phí hỗ trợ từ Quỹ Bảo hộ công dân và pháp nhân Việt Nam ở nước ngoài theo Quyết định số 119/2007/QĐ-TTg ngày 25/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 92/2013/TT-BTC ngày 08/7/2013 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tài chính Quỹ Bảo hộ công dân và pháp nhân Việt Nam ở nước ngoài.

2. Trong thời gian chờ xác minh và làm các thủ tục giấy tờ cần thiết để về nước, trong trường hợp nạn nhân không có khả năng chi trả được hỗ trợ nhu cầu thiết yếu và chi phí đi lại theo quy định tại Điều 33 Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011. Nội dung và mức hỗ trợ cụ thể như sau:

a) Tiền ăn, chỗ ở tạm thời cho nạn nhân: Áp dụng mức sinh hoạt phí tối thiểu quy định tại điểm 2 Phần II Thông tư liên tịch số 29/2006/TTLT-BNG-BNV-BTC-BLĐTBXH ngày 08/11/2006 của Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 157/2005/NĐ-CP ngày 23/12/2005 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với cán bộ, công chức công tác nhiệm kỳ tại cơ quan Việt Nam ở nước ngoài¹.

1. Thông tư liên tịch số 29/2006/TTLT-BNG-BNV-BTC-BLĐTBXH ngày 08/11/2006 hiện được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-BNG-BNV-BTC-BLĐTBXH ngày 27/4/2010 và Thông tư liên tịch số 01/2013/TTLT-BNG-BNV-BTC-BLĐTBXH ngày 08/5/2013.

b) Hỗ trợ quần áo, vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết, trợ giúp phương tiện đi lại tại nước sở tại và các chi phí cần thiết khác liên quan đến cấp giấy tờ, làm thủ tục về nước như: lệ phí lưu trú quá hạn, lệ phí sân bay, lệ phí cấp giấy tờ về nước, chi phí bảo đảm an ninh, chi phí dịch thuật. Mức chi do Thủ trưởng cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài quyết định và theo chứng từ chi tiêu thực tế trên tinh thần tiết kiệm nhất.

c) Chi phí mua vé máy bay, tàu, xe đối với nạn nhân có nguyện vọng trở về nơi cư trú mà không có khả năng chi trả (do cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài mua và cấp cho nạn nhân) theo giá vé phương tiện công cộng thông thường để đưa nạn nhân về đến cửa khẩu, biên giới đường không, đường bộ, đường thủy.

d) Trong thời gian chờ thu xếp về nước, nếu nạn nhân bị ốm phải điều trị tại các bệnh viện sở tại thì cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài tập hợp các khoản chi phí kèm theo chứng từ cần thiết theo quy định để xem xét hỗ trợ chi trả cho từng trường hợp cụ thể. Trường hợp nạn nhân chết thì cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài xem xét, hỗ trợ chi phí mai táng/hỏa táng hoặc chi phí vận chuyển thi hài/di hài nạn nhân về nước theo cước phí vận chuyển thực tế với mức chi phí tiết kiệm nhất.

Câu hỏi 90: Nội dung và mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân bị mua bán được quy định như thế nào?

Trả lời: Điều 3 Thông tư liên tịch số 134/2013/TTLT-BTC-BLĐT BXH quy định: Nội dung và mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân thực hiện theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

Cụ thể một số nội dung, mức chi đối với công tác này như sau:

1. Chi công tác phí cho cán bộ phục vụ hoạt động xác minh, tiếp nhận, giải cứu, bảo vệ và đưa nạn nhân là người chưa thành niên về nơi cư trú; tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn nghiệp vụ. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập¹.

2. Chi hợp tác quốc tế trong việc tiếp nhận, xác minh nạn nhân. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012 quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn

1. Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 hiện đã hết hiệu lực và được thay thế bằng Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017.

ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí; Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06/01/2010 quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước¹; Thông tư số 219/2009/TT-BTC ngày 19/11/2009 quy định một số định mức chi tiêu áp dụng cho các dự án/chương trình sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và Thông tư số 192/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 219/2009/TT-BTC ngày 19/11/2009 của Bộ Tài chính².

3) Chi chế độ làm đêm, thêm giờ: Thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ công chức, viên chức.

4) Chi xây dựng cơ sở dữ liệu và cập nhật thông tin về nạn nhân: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKH&ĐT-BTTTT ngày

1. Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06/01/2010 hiện đã hết hiệu lực và được thay thế bằng Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018.

2. Nội dung Thông tư số 219/2009/TT-BTC ngày 19/11/2009 và Thông tư số 192/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 được bãi bỏ một phần bởi Quyết định số 1467/QĐ-BTC ngày 28/6/2016.

15/02/2012 của liên Bộ Tài chính - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Thông tin và Truyền thông Hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước và Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

5) Chi mua sắm trang thiết bị đặc thù phục vụ xác minh, tiếp nhận, giải cứu, bảo vệ nạn nhân thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về đấu thầu.

6) Chi thông tin liên lạc, in ấn tài liệu, văn phòng phẩm, chi khác có liên quan đến công tác hỗ trợ nạn nhân. Mức chi căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

7) Chi lập hồ sơ nạn nhân, mức chi 100.000 đồng/01 hồ sơ (bao gồm cả ảnh, biên bản xác minh, biên bản bàn giao nạn nhân).

8) Chi hỗ trợ người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước trực tiếp tham gia quản lý, bảo vệ nạn nhân. Mức chi tối đa 100.000 đồng/người/ngày.

9) Chi hỗ trợ cho cán bộ được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý cho nạn nhân. Mức chi thù lao là

10.000 đồng/người được tư vấn/lần tư vấn nhưng không quá 500.000 đồng/cán bộ/tháng.

Câu hỏi 91: Việc lập, chấp hành và quyết toán kinh phí thực hiện công tác hỗ trợ nạn nhân và chế độ hỗ trợ nạn nhân bị mua bán được quy định như thế nào?

Trả lời: Điều 6 Thông tư liên tịch số 134/2013/TTLT-BTC-BLĐTBXH quy định việc lập, chấp hành và quyết toán kinh phí thực hiện công tác hỗ trợ nạn nhân và chế độ hỗ trợ nạn nhân, theo đó:

1. Việc lập dự toán, phân bổ, chấp hành và quyết toán kinh phí thực hiện công tác hỗ trợ nạn nhân, chế độ hỗ trợ nạn nhân của các cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật.

2. Việc hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương đối với cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 09/2013/NĐ-CP được thực hiện như sau:

a) Hàng năm, cùng thời gian quy định lập dự toán ngân sách nhà nước, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội căn cứ nội dung và mức chi chế độ hỗ trợ nạn nhân quy định tại khoản 9 Điều 3, khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 134/2013/TTLT-BTC-BLĐTBXH và dự kiến số lượng nạn nhân vào lưu trú tại cơ sở hỗ trợ nạn

nhân trên địa bàn (nếu có), lập dự toán kinh phí hỗ trợ cơ sở hỗ trợ nạn nhân và tổng hợp chung trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan, gửi Sở Tài chính xem xét, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Định kỳ (3 tháng hoặc 6 tháng), căn cứ số lượng nạn nhân vào lưu trú tại cơ sở hỗ trợ nạn nhân (nếu có), cơ sở hỗ trợ nạn nhân có văn bản gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị hỗ trợ các chế độ cho nạn nhân quy định tại khoản 9 Điều 3, khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 134/2013/TTLT-BTC-BLĐTBXH, kèm theo các tài liệu sau:

- Bảng tổng hợp kinh phí đề nghị hỗ trợ;
- Danh sách nạn nhân được trợ giúp (ghi rõ số ngày từng nạn nhân thực tế tạm trú tại cơ sở);
- Biên bản bàn giao nạn nhân giữa đơn vị tiếp nhận, giải cứu nạn nhân và cơ sở hỗ trợ nạn nhân (nếu có);
- Danh sách cán bộ được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý cho nạn nhân;
- Các chứng từ chi tiêu có liên quan đến việc hỗ trợ nạn nhân (để đối chiếu, cơ sở hỗ trợ nạn nhân trực tiếp thực hiện lưu giữ theo quy định hiện hành).

c) Trong thời hạn tối đa 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ tài liệu của cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo quy định, Sở Lao động - Thương binh và

Xã hội có trách nhiệm thẩm định; cấp kinh phí hỗ trợ cho cơ sở hỗ trợ nạn nhân. Trường hợp không giải quyết hỗ trợ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3) Căn cứ các mức chi quy định tại Thông tư này, tùy điều kiện cụ thể và khả năng ngân sách, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định mức hỗ trợ cụ thể cho phù hợp.

Chương IV

QUY ĐỊNH QUỐC TẾ VỀ NGĂN NGỪA, HỢP TÁC PHÒNG, CHỐNG BUÔN BÁN NGƯỜI VÀ BẢO VỆ NẠN NHÂN BỊ BUÔN BÁN

I. NGĂN NGỪA, HỢP TÁC PHÒNG, CHỐNG BUÔN BÁN NGƯỜI

Câu hỏi 92: *Nghị định thư về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội buôn bán người, đặc biệt là trẻ em và phụ nữ cam kết đề ra những chính sách, chương trình và biện pháp gì để ngăn ngừa nạn buôn bán người?*

Trả lời: Điều 9 Nghị định thư về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội buôn bán người, đặc biệt là trẻ em quy định:

1. Các quốc gia thành viên sẽ đề ra các chính sách, chương trình toàn diện và các biện pháp khác để:

a) Ngăn ngừa và chống việc buôn bán người; và

b) Bảo vệ các nạn nhân của việc buôn bán người, đặc biệt là trẻ em và phụ nữ, không bị trở thành nạn nhân của việc buôn bán người một lần nữa.

2. Các quốc gia thành viên sẽ nỗ lực thi hành các biện pháp như nghiên cứu, thông tin và các chiến dịch truyền thông đại chúng cũng như các sáng kiến xã hội và kinh tế để ngăn ngừa và chống hành vi buôn bán người.

3. Các chính sách, chương trình và các biện pháp khác được đề ra theo Điều 9 Nghị định thư này, nếu thích hợp, sẽ bao gồm việc hợp tác với các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức liên quan khác và các thiết chế xã hội.

4. Các quốc gia thành viên sẽ thực hiện và tăng cường các biện pháp, bao gồm việc thông qua hợp tác song phương hoặc đa phương, để loại bỏ các nhân tố làm cho những người, đặc biệt là trẻ em và phụ nữ, trở thành các đối tượng dễ bị xâm hại của việc buôn bán người, chẳng hạn như nghèo đói, kém phát triển và thiếu cơ hội bình đẳng.

5. Các quốc gia thành viên sẽ áp dụng hay tăng cường các biện pháp lập pháp hay các biện pháp khác, chẳng hạn như các biện pháp giáo dục, xã hội hay văn hóa, bao gồm việc thông qua

sự hợp tác song phương và đa phương, để ngăn chặn, giảm bớt những nhu cầu thúc đẩy các hình thức bóc lột con người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, mà dẫn đến việc buôn bán người.

Câu hỏi 93: *Việc trao đổi thông tin và đào tạo về buôn bán người giữa các quốc gia thành viên tham gia Nghị định thư về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội buôn bán người, đặc biệt là trẻ em và phụ nữ được quy định như thế nào?*

Trả lời: Điều 10 Nghị định thư về việc phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội buôn bán người, đặc biệt là trẻ em và phụ nữ quy định:

1. Các cơ quan hành pháp, nhập cư và các cơ quan liên quan khác của các quốc gia thành viên, khi thích hợp, sẽ hợp tác với nhau bằng cách trao đổi thông tin, phù hợp với pháp luật quốc gia mình, để có thể xác định:

a) Những cá nhân đi qua hay cố gắng đi qua biên giới quốc tế với giấy tờ thông hành của người khác hay không có giấy tờ thông hành là thủ phạm hay nạn nhân của việc buôn bán người;

b) Những loại giấy tờ thông hành mà các cá nhân đã sử dụng hay cố gắng sử dụng để đi qua biên giới quốc tế vì mục đích buôn bán người; và

c) Những phương tiện và biện pháp được các nhóm tội phạm có tổ chức sử dụng vì mục đích buôn bán người, bao gồm việc tuyển mộ và chuyên chở nạn nhân, các tuyến đường và mối liên kết giữa các cá nhân và các nhóm tham gia vào việc buôn bán người đó, và những biện pháp thích hợp để phát hiện ra chúng.

2. Các quốc gia thành viên sẽ cung cấp hay tăng cường việc đào tạo cho các cán bộ hành pháp hay quản lý nhập cư và các cán bộ liên quan khác về ngăn ngừa buôn bán người. Các khóa đào tạo nên tập trung vào các phương pháp được sử dụng để ngăn ngừa việc buôn bán người, truy tố những kẻ buôn bán người và bảo vệ quyền của các nạn nhân, bao gồm bảo vệ các nạn nhân khỏi những kẻ buôn bán người. Việc đào tạo cũng cần tính đến sự cần thiết phải xem xét các quyền con người và những vấn đề nhạy cảm liên quan đến trẻ em và giới tính và cần khuyến khích sự hợp tác với các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức liên quan khác và các tổ chức xã hội.

3. Một quốc gia thành viên nhận được thông tin sẽ tuân theo bất kỳ yêu cầu nào về việc hạn chế sử dụng thông tin đó mà quốc gia thành viên đã cung cấp thông tin đưa ra.

Câu hỏi 94: Các quốc gia thành viên tham gia Nghị định thư về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội buôn bán người, đặc biệt là trẻ em và phụ nữ phải có các biện pháp gì tại biên giới để ngăn chặn nạn buôn bán người?

Trả lời: Điều 11 Nghị định thư về việc phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội buôn bán người, đặc biệt là trẻ em và phụ nữ quy định các quốc gia tham gia Công ước phải áp dụng các cam kết và các biện pháp như sau:

1. Không làm phương hại đến các cam kết quốc tế liên quan đến tự do đi lại của người dân, các quốc gia thành viên, trong chừng mực có thể, tăng cường sự kiểm soát biên giới cần thiết để ngăn ngừa và phát hiện việc buôn bán người.

2. Mỗi quốc gia thành viên phải áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp khác để ngăn chặn việc các phương tiện vận chuyển điều hành bởi các hãng vận chuyển thương mại bị sử dụng để thực hiện các hành vi phạm tội được quy định tại điều 5 Nghị định thư này, trong chừng mực có thể.

3. Nếu thích hợp và không làm phương hại đến các công ước quốc tế đang được áp dụng, những biện pháp như vậy sẽ bao gồm việc đặt ra những nghĩa vụ cho các hãng vận chuyển thương mại, bao gồm bất kỳ một công ty vận chuyển nào hay chủ sở hữu hoặc người điều khiển bất kỳ

phương tiện vận chuyển nào, để bảo đảm rằng mọi hành khách đều có giấy tờ thông hành cần thiết để nhập cảnh vào quốc gia tiếp nhận.

4. Mỗi quốc gia thành viên sẽ áp dụng những biện pháp cần thiết, phù hợp với pháp luật quốc gia của mình, để trừng phạt các trường hợp vi phạm nghĩa vụ nêu ra tại khoản 3 Điều 11 Nghị định thư này.

5. Phù hợp với pháp luật quốc gia của mình, mỗi quốc gia thành viên sẽ xem xét việc áp dụng các biện pháp cho phép từ chối cho nhập cảnh hay thu hồi thị thực của những người liên quan đến việc thực hiện các hành vi phạm tội theo quy định của Nghị định thư này.

6. Không làm phương hại đến Điều 27 của Công ước, các quốc gia thành viên xem xét việc tăng cường hợp tác giữa các cơ quan kiểm soát biên giới bằng cách thiết lập và duy trì các kênh thông tin trực tiếp bên cạnh những phương thức khác.

Câu hỏi 95: *Các quốc gia thành viên tham gia Nghị định thư về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội buôn bán người, đặc biệt là trẻ em và phụ nữ phải áp dụng những biện pháp gì về an ninh và kiểm soát giấy tờ để ngăn chặn nạn buôn bán người?*

Trả lời: Điều 12 Nghị định thư về việc phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội buôn bán người, đặc

biệt là trẻ em và phụ nữ quy định: Mỗi quốc gia thành viên sẽ áp dụng những biện pháp cần thiết trong phạm vi các phương tiện sẵn có để:

a) Bảo đảm rằng các giấy tờ thông hành hoặc nhận dạng do mình cung cấp có đặc tính không thể dễ dàng bị sử dụng sai mục đích và không thể dễ dàng bị giả mạo hoặc thay đổi, sao chép hay cấp một cách bất hợp pháp; và

b) Bảo đảm tính toàn vẹn và an toàn của các giấy tờ thông hành hay nhận dạng được cấp bởi quốc gia thành viên đó hay cấp thay mặt quốc gia thành viên đó và ngăn ngừa việc tạo ra, cấp và sử dụng những giấy tờ này một cách bất hợp pháp.

Câu hỏi 96: *Việc một quốc gia thành viên tham gia Nghị định thư về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội buôn bán người, đặc biệt là trẻ em và phụ nữ xác minh tính hợp pháp và giá trị pháp lý của các giấy tờ thông hành hoặc nhận dạng được cấp bị nghi ngờ là đang được sử dụng vào việc buôn bán người, theo yêu cầu của một quốc gia thành viên khác được quy định như thế nào?*

Trả lời: Điều 13 Nghị định thư về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội buôn bán người, đặc biệt là trẻ em và phụ nữ quy định:

Theo yêu cầu của một quốc gia thành viên khác, một quốc gia thành viên, phù hợp với pháp luật quốc gia của mình và trong một thời hạn hợp lý, sẽ xác minh tính hợp pháp và giá trị pháp lý của các giấy tờ thông hành hoặc nhận dạng được cấp hay dường như được cấp nhân danh quốc gia đó và bị nghi ngờ là đang được sử dụng vào việc buôn bán người.

II. HỖ TRỢ, BẢO VỆ NẠN NHÂN BỊ BUÔN BÁN

Câu hỏi 97: *Các quốc gia thành viên tham gia Công ước về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia năm 2000 phải áp dụng những biện pháp gì để hỗ trợ và bảo vệ các nạn nhân bị buôn bán?*

Trả lời: Điều 6 Nghị định thư về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội buôn bán người, đặc biệt là trẻ em và phụ nữ của Liên hợp quốc quy định:

1. Trong những trường hợp thích hợp và trong chừng mực có thể theo pháp luật trong nước, mỗi quốc gia thành viên sẽ bảo vệ sự riêng tư và nhân thân của các nạn nhân của việc buôn bán người bằng những biện pháp, bao gồm, không kể những biện pháp khác, việc tiến hành tố tụng pháp lý đối với hành vi buôn bán đó một cách bí mật.

2. Tùy từng trường hợp cụ thể, mỗi quốc gia thành viên sẽ bảo đảm rằng hệ thống pháp luật và hành chính của nước mình có những biện pháp để cung cấp cho các nạn nhân của việc buôn bán người:

a) Thông tin thích hợp về Tòa án và thủ tục hành chính;

b) Sự hỗ trợ để các nạn nhân được trình bày các quan điểm và mối quan ngại của họ và được xem xét trong những giai đoạn thích hợp của quá trình tố tụng hình sự đối với người phạm tội, theo cách thức không làm ảnh hưởng đến quyền bào chữa.

3. Mỗi quốc gia thành viên sẽ cân nhắc việc áp dụng những biện pháp để các nạn nhân của việc buôn bán người có thể phục hồi về thể chất, tinh thần và xã hội, tùy từng trường hợp cụ thể, bao gồm cả việc hợp tác với các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức liên quan khác và các thiết chế xã hội và đặc biệt là cung cấp:

a) Nơi ở thích hợp;

b) Những hướng dẫn và thông tin, đặc biệt đối với các quyền hợp pháp của các nạn nhân của việc buôn bán người bằng ngôn ngữ mà họ có thể hiểu được;

c) Hỗ trợ y tế, tinh thần và vật chất;

d) Các cơ hội việc làm, giáo dục và đào tạo.

4. Trong khi áp dụng các quy định của Điều này, mỗi quốc gia thành viên sẽ xem xét đến độ

tuổi, giới tính và những nhu cầu đặc biệt của nạn nhân của việc buôn bán người, cụ thể là những nhu cầu đặc biệt của trẻ em, bao gồm cả nhà ở, giáo dục và sự chăm sóc thích hợp.

5. Mỗi quốc gia thành viên sẽ cố gắng bảo đảm sự an toàn thân thể cho các nạn nhân của việc buôn bán người khi họ đang ở trong lãnh thổ của quốc gia đó.

6. Mỗi quốc gia thành viên sẽ bảo đảm rằng trong hệ thống pháp luật quốc gia của mình có các biện pháp giúp cho các nạn nhân của việc buôn bán người có thể được đền bù cho những thiệt hại mà họ phải chịu.

Câu hỏi 98: Các quốc gia thành viên tham gia Nghị định thư về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội buôn bán người, đặc biệt là trẻ em và phụ nữ phải áp dụng những biện pháp gì để bảo vệ địa vị của các nạn nhân của việc buôn bán người tại quốc gia tiếp nhận?

Trả lời: Điều 7 Nghị định thư về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội buôn bán người đặc biệt là trẻ em và phụ nữ quy định:

1. Bên cạnh việc thực thi các biện pháp theo quy định tại Điều 6 của Nghị định thư này, mỗi quốc gia thành viên sẽ cân nhắc việc áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp khác để các nạn nhân của việc buôn bán người có thể được ở

lại trên lãnh thổ của mình, tạm thời hay vĩnh viễn, tùy từng trường hợp cụ thể.

2. Khi thực hiện quy định tại khoản 1 của Điều 7 Nghị định thư này, mỗi quốc gia thành viên sẽ xem xét thích đáng các yếu tố nhân đạo và nhân ái.

Câu hỏi 99: Việc hồi hương của các nạn nhân bị buôn bán người được thực hiện như thế nào giữa các quốc gia thành viên tham gia Nghị định thư về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội buôn bán người, đặc biệt là trẻ em và phụ nữ?

Trả lời: Điều 8 Nghị định thư về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội buôn bán người, đặc biệt là trẻ em và phụ nữ quy định:

1. Quốc gia thành viên mà một nạn nhân của việc buôn bán người là công dân hay có quyền thường trú ở đó tại thời điểm vào lãnh thổ của quốc gia thành viên tiếp nhận sẽ tạo điều kiện và chấp nhận việc hồi hương của người đó, có cân nhắc đầy đủ đến sự an toàn của người đó mà không có sự chậm trễ vô lý hoặc không xác đáng nào.

2. Khi một quốc gia thành viên đưa một nạn nhân của việc buôn bán người trở về một quốc gia thành viên mà người đó là công dân hay có quyền thường trú ở đó tại thời điểm vào lãnh thổ của

quốc gia thành viên tiếp nhận, việc hồi hương này sẽ được xem xét cùng với sự an toàn của người đó và tình trạng của bất kỳ thủ tục pháp lý nào liên quan đến việc người đó là nạn nhân của hành vi buôn bán người và phải hoàn toàn dựa trên cơ sở tự nguyện.

3. Theo yêu cầu của quốc gia thành viên tiếp nhận, quốc gia thành viên được yêu cầu sẽ xác minh người là nạn nhân của việc buôn bán người đó có là công dân hay có quyền thường trú trên lãnh thổ của mình tại thời điểm vào lãnh thổ của quốc gia thành viên tiếp nhận hay không, mà không có sự chậm trễ vô lý hoặc không xác đáng nào.

4. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc hồi hương của một nạn nhân của việc buôn bán người nhưng không có giấy tờ cần thiết, quốc gia thành viên mà người đó là công dân hay có quyền thường trú ở đó tại thời điểm nhập cảnh vào lãnh thổ của quốc gia thành viên tiếp nhận, theo yêu cầu của quốc gia thành viên tiếp nhận, sẽ đồng ý cấp giấy tờ thông hành hay những giấy phép khác cần thiết để người đó có thể đi lại và trở về lãnh thổ nước mình.

5. Điều này không làm phương hại đến bất kỳ quyền nào của các nạn nhân của việc buôn bán người theo pháp luật quốc gia của quốc gia thành viên tiếp nhận.

6. Điều này không làm phương hại đến bất kỳ hiệp định hay thỏa thuận song phương hay đa phương nào điều chỉnh, toàn bộ hay một phần, việc hồi hương của các nạn nhân của việc buôn bán người.

Chương V

MỘT SỐ MÔ HÌNH ĐIỂM VỀ PHÒNG, CHỐNG MUA BÁN NGƯỜI VÀ HỖ TRỢ NẠN NHÂN BỊ MUA BÁN

Theo thống kê của Bộ Công an, từ năm 2016 đến hết tháng 6/2019, trên cả nước đã phát hiện hơn 1.000 vụ mua bán người với gần 1.500 đối tượng mua bán, lừa bán hơn 2.600 nạn nhân¹. Các đơn vị, cơ quan chức năng đã xác minh 1.117 trường hợp bị mua bán và đã tiếp nhận gần 1.000 nạn nhân. Điển hình như tỉnh Quảng Ninh, đã tiếp nhận 228 nạn nhân (203 phụ nữ, 25 trẻ em); tỉnh Điện Biên tiếp nhận 131 nạn nhân; tỉnh Lai Châu là 54 nạn nhân. Sau khi tiếp nhận, 100% nạn nhân đều được lực lượng chức năng như Công an, Bộ đội Biên phòng, chính quyền địa phương cấp huyện, xã tổ chức gặp gỡ, tư vấn và thực hiện chế độ hỗ trợ để các nạn nhân ổn định

1. Nguồn: tuoitre.vn/gan-85%-so-vu-mua-ban-nguoi-co-dich-den-la-Trung-Quoc, truy cập ngày 30/7/2019.

tâm lý, sức khỏe và chuyển tuyến, tái hòa nhập cộng đồng theo quy định. Riêng nạn nhân là trẻ em, chính quyền địa phương hướng dẫn thủ tục làm giấy khai sinh cho các em. Trong những năm qua, một số tỉnh, thành phố đã thành lập được các mô hình hỗ trợ nạn nhân với mục đích trợ giúp cho các đối tượng có nguy cơ bị mua bán và bị mua bán trở về, tiếp cận các dịch vụ nhu cầu thiết yếu như giáo dục kỹ năng sống, trợ giúp tâm lý, học văn hóa, học nghề, khám sức khỏe. Điển hình như tỉnh Lào Cai với mô hình “Nhà nhân ái”; tỉnh An Giang với mô hình “Ngôi nhà tình thương”. Các tỉnh Thanh Hóa, Bắc Giang, Tây Ninh, Thừa Thiên Huế, Quảng Bình với mô hình “Nhóm Tự lực”; tỉnh Nghệ An với chương trình “Phòng, chống mua bán người qua biên giới” tại một số huyện giáp ranh với đường biên giới... Các mô hình hỗ trợ nạn nhân tại cộng đồng đã được các địa phương đánh giá cao về tính hiệu quả và thực tiễn. Sự thành công của các mô hình bước đầu đã giúp đỡ được những nạn nhân có hoàn cảnh khó khăn, giúp nạn nhân tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng bền vững, tạo nguồn vốn sinh kế hiệu quả đem lại thu nhập, ổn định cuộc sống¹.

1. Nguồn: <http://www.molisa.gov.vn/vi/Pages/chitiettin.aspx?IDNews=28028>.

1. Mô hình đường dây nóng phòng, chống mua bán người

Với sự hỗ trợ của Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) tại Việt Nam, từ tháng 7/2012, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã thành lập đường dây nóng phòng, chống mua bán người 18001567 với phạm vi tiếp nhận và xử lý thông tin trên toàn quốc.

Kết quả là Đường dây nóng phòng, chống mua bán người được triển khai từ tháng 10/2013. Đến hết tháng 6/2018, Đường dây nóng đã tiếp nhận gần 13.000 cuộc gọi, trong đó có hơn 9.000 cuộc cung cấp thông tin, 3.500 cuộc tư vấn liên quan đến chính sách, tâm lý, thủ tục hỗ trợ cho nạn nhân bị mua bán, can thiệp gần 300 ca cho các nạn nhân¹. Trong đó, nhiều cuộc gọi kết nối, chuyển tuyến thành công, góp phần giải cứu nhiều em nhỏ và phụ nữ bị mua bán, đồng thời cung cấp cho nạn nhân thông tin về chính sách, chế độ hỗ trợ của Nhà nước, giúp họ tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ, ổn định cuộc sống.

Trên cơ sở hoạt động của Đường dây nóng, kế hoạch liên ngành giữa các đơn vị của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam

1. Nguồn: <http://www.molisa.gov.vn/vi/Pages/chitiettin.aspx?IDNews=28>.

sẽ được ký kết nhằm tạo cơ chế phối hợp chia sẻ thông tin, kết nối dịch vụ về phòng, chống mua bán người. Tiếp nối những kết quả đạt được từ giai đoạn 1 của Dự án, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và JICA tiếp tục hợp tác thực hiện giai đoạn 2 của Dự án với các mục tiêu thành lập hệ thống Đường dây nóng quốc gia để góp phần vào việc tăng cường cơ chế chuyển tuyến các dịch vụ tại Việt Nam, tiến tới hợp tác xuyên biên giới với các quốc gia lân cận trong hoạt động phòng, chống mua bán người.

Đến tháng 12/2018, hai nhánh trung tâm cấp vùng của Đường dây nóng phòng chống mua bán người được thành lập tại Đà Nẵng và An Giang. Mạng lưới phòng chống mua bán người trên cả nước đã từng bước được xác lập. Sự kết nối thông tin và chia sẻ, chuyển tuyến dịch vụ được duy trì theo 3 vùng: Miền Bắc - Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ - Tây Nguyên, Đông Nam Bộ - Đồng bằng sông Cửu Long. Việc tiếp nhận thông tin của Đường dây nóng từ số điện thoại 18001567 sang số điện thoại 111 thống nhất trên cả nước cũng được triển khai và không ngừng được hoàn thiện¹.

1. Nguồn: <http://www.molisa.gov.vn/vi/Pages/chitiettin.aspx?IDNews=28829> (bài Hội nghị triển khai dự án “Đường dây nóng về tư vấn và hỗ trợ nạn nhân mua bán người”), sáng ngày 14/12/2018 tại Hà Nội.

2. Mô hình “Ngôi nhà bình yên” dành cho phụ nữ và trẻ em bị mua bán trở về

Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam đã xây dựng nhà tạm lánh - “Ngôi nhà bình yên” dành cho phụ nữ và trẻ em bị mua bán trở về vào năm 2007. “Ngôi nhà bình yên” là sự nỗ lực bên bỉ của Hội phụ nữ trong hoạt động phòng, chống mua bán người. Các nạn nhân bị mua bán sẽ được cung cấp gói hỗ trợ hoàn toàn miễn phí trong 6 tháng như chỗ ăn, ở an toàn; chăm sóc sức khỏe; tư vấn tâm lý; tư vấn, trợ giúp pháp lý; hỗ trợ giáo dục kỹ năng sống; hỗ trợ học văn hóa; hỗ trợ học nghề, giới thiệu việc làm. Sau 6 tháng cư trú, nạn nhân bị mua bán sẽ được hỗ trợ trở về nhà an toàn và bền vững trong 24 tháng. Tính đến nay, đã có gần 400 nạn nhân tạm trú của “Ngôi nhà bình yên” được trở về địa phương, trong đó gần 80% đã gây dựng được cuộc sống mới, có công việc bảo đảm thu nhập, thậm chí phát triển và có gia đình hạnh phúc.

Những hỗ trợ được “Ngôi nhà bình yên” cung cấp nhằm đáp ứng những quyền con người cơ bản của phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị mua bán như:

- Cung cấp chỗ ăn, ở an toàn: “Ngôi nhà bình yên” cung cấp chỗ ở và thức ăn ngày 3 bữa cho các nạn nhân bị mua bán. Chỗ ở an toàn là yêu cầu tối quan trọng đối với nạn nhân bị mua bán, tránh nguy cơ kẻ mua bán người có thể tìm đến để

dọa dẫm hoặc tiếp tục lôi kéo, dụ dỗ nạn nhân. Chỗ ở an toàn cũng giúp cho các nạn nhân cảm thấy an tâm và tránh khỏi cảm giác lo lắng bị kỳ thị từ phía cộng đồng. Việc được nghỉ ngơi và chia sẻ những mất mát, đau đớn với những người thân thiện xung quanh, đặc biệt với những người cùng cảnh ngộ sẽ giảm bớt sự cô đơn, ý nghĩ tiêu cực, qua đó giúp nạn nhân bị mua bán từng bước bớt mặc cảm, lấy lại sự tự tin.

- Chăm sóc sức khỏe: Phần lớn các nạn nhân bị mua bán thường bị bóc lột và xâm hại trong thời gian dài, họ có nguy cơ cao mắc các bệnh lây nhiễm như HIV/AIDS, các bệnh phụ khoa... Một số nạn nhân mặc dù không bị mua bán vì mục đích mại dâm, nhưng có thể họ vẫn phải thực hiện các hoạt động tình dục trong môi trường không an toàn. Cung cấp kịp thời các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu là một trong những yếu tố quan trọng giúp nạn nhân từng bước phục hồi thể chất, hỗ trợ nạn nhân hòa nhập cộng đồng.

- Hỗ trợ tâm lý: Do phải chịu đựng khủng hoảng tâm lý lớn, những nạn nhân bị mua bán thường có tâm trạng không ổn định, đây là một trong những rào cản khiến họ khó hòa nhập cộng đồng. Xây dựng lại niềm tin và hồi phục sức khỏe tinh thần cho nạn nhân là một yêu cầu cần thiết và được thực hiện thông qua các buổi tư vấn hỗ trợ tâm lý hàng tuần tại “Ngôi nhà bình yên”.

Hoạt động này của Hội nhằm giảm bớt tâm lý lo lắng, buồn chán, thất vọng... mà nạn nhân đã trải qua, để từng bước xây dựng lại sự tự chủ và tự tin ở mỗi nạn nhân bị mua bán.

- Tư vấn, trợ giúp pháp lý: Tư vấn pháp luật cho các nạn nhân bị mua bán, nhằm giúp họ nhận thức được quyền và nghĩa vụ của mình, cũng như biết cách tự bảo vệ. “Ngôi nhà bình yên” trợ giúp pháp lý để giúp nạn nhân làm thủ tục đăng ký hộ khẩu, hộ tịch, nhận chế độ hỗ trợ và bồi thường thiệt hại, tham gia tố tụng và các thủ tục pháp lý khác liên quan đến vụ việc mua bán người.

- Hỗ trợ giáo dục văn hóa và đào tạo kỹ năng sống: Tại “Ngôi nhà bình yên”, các nạn nhân được trao các cơ hội lựa chọn học tập văn hóa và học các kỹ năng sống. Với việc làm này, các nạn nhân có cơ hội tiếp tục theo đuổi việc học của mình, cũng như được trang bị các kỹ năng để tự quản lý cuộc sống và đối phó với những khó khăn mà họ có thể gặp phải.

- Hỗ trợ học nghề, giới thiệu việc làm: Hỗ trợ học nghề và giới thiệu việc làm là một phần quan trọng trong quá trình tái hòa nhập, giúp xây dựng khả năng độc lập về tài chính và sự chủ động trong sinh kế của nạn nhân. “Ngôi nhà bình yên” khuyến khích các nạn nhân tham dự các khóa đào tạo nghề dựa theo khả năng và sở thích của họ. Hiện tại nơi đây thường tạo cơ hội cho các nạn

nhân học các nghề đơn giản như làm tóc, trang điểm, khâu vá, pha chế đồ uống, làm đồ thủ công mỹ nghệ...

- Các hoạt động giải trí: Môi trường thân thiện với các hoạt động giải trí thường xuyên là một trong những yếu tố quan trọng đối với các nạn nhân tại “Ngôi nhà bình yên”, giúp họ kết nối với những người xung quanh và giải tỏa tâm lý căng thẳng. Trên thực tế, các nạn nhân đến từ nhiều vùng khác nhau với trình độ học vấn và văn hóa khác nhau, họ có những quan điểm và khác biệt về văn hóa, nên các hoạt động vui chơi giải trí sẽ giúp xóa bỏ các rào cản văn hóa và họ dễ dàng chia sẻ cùng nhau.

Ngoài ra, tại “Ngôi nhà bình yên”, hàng ngày trẻ em dưới 6 tuổi được đưa tới nhà trẻ từ 8 giờ sáng đến 5 giờ chiều. Ở đây, các em sẽ được chăm sóc và giáo dục để phát triển phù hợp với lứa tuổi, được tham gia các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống, được hỗ trợ tâm lý...

Như vậy, nhà tạm lánh - “Ngôi nhà bình yên” đã giải quyết các nhu cầu cơ bản và quan trọng của nhóm nạn nhân bị mua bán là phụ nữ và trẻ em - đối tượng dễ bị tổn thương - nạn nhân bị mua bán, thông qua hệ thống hỗ trợ khá toàn diện, từ nhà ở, thực phẩm, chăm sóc y tế, hỗ trợ pháp lý đến học nghề. Các dịch vụ này không chỉ đáp ứng các nhu cầu sống cơ bản của nạn nhân

mà còn giúp trao quyền cho những người vốn bị tổn thương và dễ bị tổn thương. Thông qua tiếp cận các dịch vụ, nạn nhân bị mua bán từng bước lấy lại niềm tin, sự tin tưởng, chủ động và có thể độc lập về tài chính.

3. Mô hình nhóm “Tự lực” hỗ trợ các nạn nhân bị mua bán trở về hòa nhập cộng đồng

Mục tiêu chính của mô hình “Tự lực” dành cho nạn nhân bị mua bán tại một số địa bàn trọng điểm về mua bán người là hỗ trợ các nạn nhân hòa nhập cộng đồng thông qua việc tư vấn tâm lý, huấn luyện và hỗ trợ trực tiếp; nâng cao nhận thức và năng lực của cán bộ chính quyền địa phương trong việc giải quyết nhu cầu và khắc phục tính dễ bị tổn thương của nạn nhân di cư; đánh giá và đúc kết các bài học kinh nghiệm trong việc áp dụng mô hình nhóm “Tự lực”, làm cơ sở cho việc triển khai mô hình này ở quy mô rộng hơn.

Các hoạt động chính của mô hình là khảo sát, tập trung thành nhóm những nạn nhân bị mua bán trở về, tổ chức sinh hoạt nhóm định kỳ hàng tháng để cung cấp kiến thức về phòng, chống mua bán người, kiến thức về sức khỏe sinh sản, tình dục an toàn, hiểu biết về phòng, chống HIV/AIDS, tư vấn sinh kế, các cơ hội giải quyết việc làm; cung cấp gói hỗ trợ khởi nghiệp cho các thành

viên nhóm “Tự lực” thông qua việc hỗ trợ con giống (lợn, bò, dê...) trong chăn nuôi và nhiều giống cây trồng, hoặc hỗ trợ cho vay vốn từ nguồn dự án; thuê chuyên gia hướng dẫn kỹ thuật, chuyển giao khoa học - kỹ thuật trong chăm sóc, phát triển cây trồng, vật nuôi; hỗ trợ đào tạo nghề theo nhu cầu giúp các thành viên tìm kiếm việc làm phù hợp để cải thiện cuộc sống, ổn định kinh tế gia đình, hòa nhập cộng đồng bền vững.

Trong giai đoạn 2011 - 2015, được sự giúp đỡ về tài chính và kỹ thuật của các tổ chức quốc tế, một số địa phương đã xây dựng mô hình nhóm “Tự lực” hỗ trợ sinh kế cho nạn nhân bị mua bán trở về, như: Thanh Hóa, Bắc Giang, Tây Ninh, Thừa Thiên - Huế, Quảng Bình... Mô hình này tập trung tại các địa bàn có nhiều nạn nhân bị mua bán trở về, như tỉnh Thừa Thiên - Huế đã thành lập được 3 nhóm “Tự lực” (thành phố Huế có 1 nhóm với 10 thành viên nữ, và huyện A Lưới có 2 nhóm với 11 thành viên); tỉnh Bắc Giang xây dựng mô hình nhóm “Tự lực” cho nạn nhân bị mua bán tại 7 huyện, thành phố: Tân Yên, Hiệp Hòa, Yên Dũng, Việt Yên, Yên Thế, Sơn Động, thành phố Bắc Giang, kết quả đã có gần 150 nạn nhân là thành viên nhóm “Tự lực” có cuộc sống ổn định, bền vững thông qua các hoạt động của nhóm. Mô hình đã có tác động tốt đối với sự phát triển kinh tế tại vùng khó khăn, giảm bớt áp lực

về tìm kiếm việc làm cho nạn nhân bị mua bán trở về hòa nhập cộng đồng.

4. Mô hình kết hợp hỗ trợ nạn nhân bị mua bán với phòng chống mại dâm và phòng ngừa lây nhiễm HIV/AIDS

Tại Hải Phòng, duy trì hai câu lạc bộ hỗ trợ phụ nữ mại dâm và bị mua bán trở về hòa nhập cộng đồng tại hai huyện Kiến Thụy, Thủy Nguyên. Tại Đà Nẵng, triển khai mô hình “Phòng ngừa phụ nữ có nguy cơ dẫn đến hoạt động mại dâm và dự phòng lây nhiễm HIV” tại hai phường Bình Hiên và Hải Châu I thuộc quận Hải Châu nhằm phòng ngừa và tiến đến đẩy lùi tệ nạn mại dâm, phòng, chống mua bán phụ nữ, trẻ em và dự phòng lây nhiễm HIV/AIDS. Tại Phú Thọ, xây dựng và duy trì 2 mô hình nhóm đồng đẳng phòng ngừa và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán tại thành phố Việt Trì và huyện Cẩm Khê.

5. Mô hình phòng ngừa và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán hòa nhập cộng đồng

Mô hình này được Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh Nghệ An thực hiện tại xã Đôn Phục, huyện Con Cuông với mục tiêu ban đầu là đến hết năm 2015 có 100% cán bộ Hội Phụ nữ xã và chi hội được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cơ bản liên quan đến công tác phòng, chống mua bán người; 85% phụ nữ,

trẻ em gái vị thành niên được cung cấp kiến thức về phòng ngừa, ngăn chặn và đấu tranh với hành vi mua bán người. Kết quả là từ năm 2012 - 2015, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh chỉ đạo Hội Phụ nữ huyện Con Cuông tổ chức truyền thông cộng đồng phòng, chống mua bán người tại 7 thôn, bản xã Đôn Phục cho phụ nữ và trẻ em có nguy cơ bị mua bán; phụ nữ thiếu việc làm, có thu nhập thấp, gia đình có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế; nữ sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông... ; thành lập 3 câu lạc bộ “Lá chắn” với 2.578 thành viên tham gia... Từ cách làm đó, đến nay, trên địa bàn xã giảm hẳn tình trạng phụ nữ đi làm ăn xa không rõ địa chỉ hoặc bị lừa bán sang nước ngoài.

Ở tỉnh Bạc Liêu, mô hình phòng ngừa và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán hòa nhập cộng đồng được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện tại xã Hưng Hội (huyện Vĩnh Lợi) và xã Vĩnh Trạch Đông (thành phố Bạc Liêu). Đây là những địa phương trong tỉnh Bạc Liêu có khá đông phụ nữ lấy chồng nước ngoài thông qua môi giới. Do nhiều nguyên nhân như trình độ văn hóa thấp, ít hiểu biết về pháp luật và tâm lý muốn tìm một cuộc sống sung sướng, an nhàn, nên không ít người bị bọn tội phạm lợi dụng môi giới hôn nhân lừa gạt bán sang Trung Quốc làm vợ bất hợp pháp, sống khổ cực ở miền núi, vùng sâu vùng xa.

Kết quả của mô hình đã góp phần quan trọng vào việc phòng ngừa, ngăn chặn tình trạng lừa gạt phụ nữ lấy chồng nước ngoài trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo Nhân dân điện tử: *Quyết tâm triệt phá tội phạm mua bán người*, <http://www.nhandan.com.vn>.
2. PGS.TS. Hà Việt Dũng - TS. Hồ Thế Hòe: *Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh với tội phạm mua bán người trong bối cảnh hội nhập quốc tế*, Tạp chí *Dân chủ và Pháp luật*, 2017.
3. Trần Như Mai: *Một số thủ đoạn lừa nặn nhân của tội phạm mua bán người hiện nay*, Tạp chí *Cảnh sát nhân dân*, 2017.
4. *Mô hình điển hình hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về*, Báo *Tiếng chuông*, 2016.
5. Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng khoa học về giới - gia đình - phụ nữ và vị thành niên: *Buôn bán người và cách tiếp cận nhạy cảm giới dựa trên quyền*.
6. Tiến trình Bali: *Hướng dẫn chính sách về nhận diện nạn nhân buôn người*, 2015.
7. NEXUS Institute: *Hỗ trợ tái hòa nhập cho nạn nhân bị buôn bán*, Tài liệu hướng dẫn dành cho khu vực Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng, 2016.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
 <i>Chương I</i>	
MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ MUA BÁN NGƯỜI	7
I. Khái niệm	7
II. Thủ đoạn và hành vi bóc lột, xâm hại nạn nhân của đối tượng mua bán người	9
III. Phát hiện, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán	13
IV. Phòng ngừa, ngăn chặn nạn mua bán người	31
 <i>Chương II</i>	
PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ PHÒNG, CHỐNG MUA BÁN NGƯỜI	41
I. Quy định chung	42
II. Phòng ngừa mua bán người	45
III. Tiếp nhận, xác minh và bảo vệ nạn nhân	56
IV. Hỗ trợ nạn nhân bị mua bán	91
V. Trách nhiệm của Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương trong phòng, chống mua bán người	117

VI. Hợp tác quốc tế trong phòng, chống mua bán người	127
VII. Phát hiện, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống mua bán người	130

Chương III

CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC VỀ PHÒNG, CHỐNG MUA BÁN NGƯỜI 148

I. Quy định chung	148
II. Chính sách hỗ trợ nạn nhân	149

Chương IV

QUY ĐỊNH QUỐC TẾ VỀ NGĂN NGỪA, HỢP TÁC PHÒNG, CHỐNG BUÔN BÁN NGƯỜI VÀ BẢO VỆ NẠN NHÂN BỊ BUÔN BÁN 170

I. Ngăn ngừa, hợp tác phòng, chống buôn bán người	170
II. Hỗ trợ, bảo vệ nạn nhân bị buôn bán	177

Chương V

MỘT SỐ MÔ HÌNH ĐIỂM VỀ PHÒNG, CHỐNG MUA BÁN NGƯỜI VÀ HỖ TRỢ NẠN NHÂN BỊ MUA BÁN 183

<i>Tài liệu tham khảo</i>	196
---------------------------	-----

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
PHẠM CHÍ THÀNH

Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
PGS. TS. VŨ TRỌNG LÂM
GIÁM ĐỐC NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC
CÁT THỊ KHÁNH VÂN

Biên tập nội dung: VÂN THỊ THANH HƯƠNG
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH
TRẦN PHƯỢNG TRINH

Trình bày bìa: ĐẶNG THU CHỈNH
Chế bản vi tính: NGUYỄN THU THẢO
Sửa bản in: NGUYỄN THỊ KHUY
Đọc sách mẫu: PHƯƠNG ANH

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222

Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.vn

TÌM ĐỌC SÁCH

CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

- * BỘ LUẬT HÌNH SỰ (HIỆN HÀNH)
(BỘ LUẬT NĂM 2015, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2017)
- * BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ (HIỆN HÀNH)
- * LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH (HIỆN HÀNH)
(SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2014, 2017)